

ÔN-NHƯ

TỬ-AN

NGUYỄN-VĂN-NGỌC

TRẦN-LÊ-NHÂN

CỔ-HỌC

THINH-HOÀ

thuongmaitruongxua.vn

QUYỀN THỨ NHÌ

« HỌC VỤ CỔ HUẤN
NĂI HỮU HOẠCH »
(Thư-kinh)

NHÀ XUẤT-BẢN

THỌ-XUÂN

179, Đại-lộ Cộng-Hòa

SAIGON

ÔN - NHƯ
NGUYỄN-VĂN-NGỌC

TỪ - AN
TRẦN-LÊ-NHÂN

CỔ-HỌC TINH-HÓA

thuongmaitruongxua.vn

QUYỂN THỨ NHỊ

HỌC VỤ CỔ HUAN
NÀI HỮU HOẠCH
(Thư kinh)

CỔ-HỌC TINH-HOA

1.— Chính danh

Vua Cảnh-công nước Tề hỏi Đức Khổng-Tử về việc *chính-sự*.

Đức Khổng-Tử thưa rằng: Cội rễ việc *chính-sự* là cốt nhất phải làm cho sáng rõ *luân-thường đạo-lý*. Ở chốn triều-đình, vua hết *đạo* làm vua, tôi hết *đạo* làm tôi; ở trong gia-đình, cha hết *đạo* làm cha, con hết *đạo* làm con. Vua tôi, cha con ai nấy đều hết *đạo* của mình, thì *chính-sự* mới có thể làm hay được.

— Vua Cảnh-công nói: Phải lắm! Câu nói ấy thật là *thiết-yếu*. Mà quả như thế, nếu vua chẳng ra vua, tôi chẳng ra tôi, cha chẳng ra cha, con chẳng ra con, thì *cương-kỷ* rối loạn mà nước phải *diệt-vong*. Thóc gạo tuy có nhiều, liệu có ở yên mà ăn được chẳng.

Luận-Ngữ

CHÚ-THÍCH.— Chính danh: chỉnh đốn lại những danh phận, danh nghĩa cho danh đúng với thực.— Chính-sự: công việc trị dân trong nước.— Luân-thường, đạo-lý: luân-thường: đạo thường cha con, anh em, vợ chồng, bầu-bạn, vua tôi ăn ở với nhau; Đạo-lý: lối phải, lẽ phải theo thì hay, mà trái thì dở.— Đạo: bốn phận nên làm, phải làm.— Thiết-yếu: thiết-thực cốt-cách cần phải có.— Cương-kỷ: cương là dây to để tóm cả cái lưới, kỷ là đồ dùng để gỡ tơ cho khỏi rối, đây là nói điển-chương, pháp-độ dùng để cai-trị.— Diệt-vong: hết giống, mất nước.— Thóc gạo: đây có ý nói nước giàu có.

Lời bàn.— Vua Cảnh-công hỏi về chính-sự mà Đức Khổng-Tử đáp là chính danh là ngài nói đúng ngay vào cái bệnh của vua đối với quốc-gia, làm mất chủ-quyền. đối với gia-đình dong tưng con cái, mà lại giảng được cái học-thuyết chính danh của ngài. Tiếc thay vua Cảnh-công biết là phải mà không liệu cách mau mau thực-hành sửa đổi ngay để đến nỗi về sau nước Tề quả có tai-vạ, vua thì bị giết, đất thì mất về tay người.

Như nói đến chính-sự thời nay, thì chắc còn bao nhiêu sự khó khăn, phiền phức có phải là dễ đâu. Song sự cốt yếu cũng không ra được ngoài câu nói rất giản-dị của Đức Khổng-phu-tử. Ta thử ngẫm mà xem suốt xưa nay, khắp đông tây có nước nào vua (hoặc người cầm quyền, hay lĩnh-đạo mà gọi tên khác) kém sáng suốt, thần hạ gian-nịnh mà nước không nguy vong, có nhà nào cha mẹ bạc ác, bất nhân, con cái ngỗ-nghịch bất hiếu mà nhà không suy bại không?

2.— Nên xử thế nào?

Thầy Mạnh-Tử hỏi vua Tuyên-vương nước Tề rằng:

Giả-sử có người bầy tôi nhà vua, đem y-thực của vợ con ký-thác cho người bạn thân, nhờ trông nom giúp đỡ sang chơi nước Sở có việc; kịp đến lúc về, mới biết bạn đề cho vợ con đói rét thì người ấy nên xử với bạn thế nào?

— Vua nói: Nên tuyệt-giao.

— Thầy Mạnh-Tử lại hỏi:

Giả-sử có người làm quan sĩ-sư không trông

nom nổi được thuộc viên, để cho hình ngục sai lầm, công-việc phế-khoảng, thì nhà vua nên xử thế nào với viên quan ấy?

— Vua nói: Nên bãi đi.

— Thầy Mạnh-Tử nhân đấy, hỏi luôn câu nữa:

Thế thời làm vua một nước mà không sửa-sang việc chính-trị, việc giáo-dục để đến nỗi trong nước không được bình-trị, thì trách-nhiệm tại ai và nên xử trị như thế nào?

Vua nghe nói, ngánh ngay sang bên tả, bên hữu, nói lảng sang chuyện khác, có ý vừa chữa thẹn, vừa tránh không trả lời.

Mạnh-Tử

CHÚ - THÍCH. — Mạnh - Tử : người nước Châu, đời Chiến-quốc : tên là Kha, học thuyết của ông cốt ở điều « Nhân nghĩa » « Tình thiện » đời sau tôn ông là Á-thánh. — Tề : một nước chư-hầu mạnh đời Chiến-quốc ở về tỉnh Sơn-dông bây giờ — Giả-sử : ví phỏng, ví bằng như có. — Y-thực : quần áo mặc, lương-thực ăn. — Ký-thác : ủy cho ai việc gì nhờ người ta lo-lệu thay mình. — Sở : một nước chư-hầu to và mạnh thời Chiến-quốc ở vào vùng tỉnh Hồ-bắc, Hồ-nam, Giang-tây, Giang-tô bây giờ — Tuyệt-giao : bỏ đứt không chơi bời đi lại với nhau nữa — Sĩ-sư : chức quan coi việc hình-ngục tựa như hình-bộ Thượng-thư hay Án-sát. — Thuộc-viên : quan lại nhỏ làm việc dưới quyền một quan to. — Phế-khoảng : trễ-nài, bỏ thiếu không làm cho đầy-đủ. — Chính-trị : hết thảy những công-việc sắp đặt và thi-hành để sửa-sang quản trị một nước. — Giáo-dục : sự dạy bảo cho dân cái lối nên theo, cái việc nên biết để khỏi ngu dại và thành người — Bình-trị : thái-bình dân yên, nước trị. — Trách-nhiệm : việc gì phải làm mà làm cho đầy đủ không ai nói được. — Bên tả bên hữu : những người hầu-cận bên vua

Lời bàn.— *Thầy Mạnh-Tử, đây chỉ vì việc nước mà có ý khuyên vua Tuyên-vương nước Tề. Hai đoạn trên câu hỏi của thầy hữu tâm mà câu trả lời của vua vô tâm. Đoạn thứ nhất nói vì «lĩnh bạn» kẻ nghĩa cũ cũng đáng tiếc, song đã nhận lời ký-thác của anh em mà ra lòng phụ-bạc, thì thật là người bạn đáng tuyệt giao. Đoạn thứ nhì nói về «phép nước» kẻ thực buộc vào tội, chưa có gì là nặng, song làm quan mà đến nỗi không trông nom được kẻ dưới để phê khoáng việc công, thì thật là viên quan không nên dụng.*

Còn đoạn thứ ba, tuy ông nói qua, mà đã ngụ sẵn cái ý thuế-mả quá nặng để dân đói rét, hình-phạt sai lầm để dân oan-khổ, làm vua mà đối với dân, với nước như vậy, thì cái tội to biết chừng nào. Thế mà tiếc thay vua Tề Tuyên-vương gặp được người chính-trực cảm ngôn như thế mà lại không chịu rộng hỏi để sửa lỗi của mình, thật là mất một dịp tốt.

3 — Chiếc thuyền đựng chiếc đồ

Một chiếc đồ sang sông. Có chiếc thuyền không có người, đầu trôi đến, đâm phải. Người lái đồ tuy hẹp bụng đến đâu cũng không lấy làm giận. *Giả-sử* trên chiếc thuyền có người ngồi, thì người lái đồ tất phùng mang, trợn mắt, *chu-chéo* một lần không nghe tiếng, tất *chu-chéo* đến hai lần, hai lần không nghe tiếng, tất *chu-chéo* đến ba bốn lần, rồi đến buông lời chửi rủa thậm-tệ nữa.

Một việc xảy ra cũng giống nhau, mà như lúc trước khi không giận, như lúc sau lại giận là tại làm sao?

— Tại lúc trước chiếc thuyền không có người mà lúc sau chiếc thuyền có người.

Người ta mà cứ *thản-nhiên* không có chút tư ý gì thì ở đời còn có ai bại mình nữa.

Trang-Tử

GIẢI THÍCH.— *Giả-sử*: ví phỏng.— *Chu-chéo*: kêu rầm lên mà kêu một cách tức bực căm giận.— *Thản-nhiên*: trong tâm bằng phẳng tự-nhiên như không.— *Tư-ý*: ý riêng, chỉ biết có mình.

Lời bàn.— *Ta đã sinh làm người, tất phải chung đụng với loài người. Ta đã chung đụng với loài người, mà chính ta sinh ra có nhiều sự cần dùng, thì tài nào tránh khỏi những sự xô xát, sự ghen ghét, điều nọ, tiếng kia, cãi nhau, rủa nhau, đánh nhau, đâm chém nhau rất là tàn hại. Cho nên ở đời tuy «cạnh tranh» mới là hay, mới tiến hóa được, nhưng đã cạnh tranh thì dễ sinh ra nghi kỵ thù oán mà hóa ra bao nhiêu chuyện rắc-rối lồi-thói, lắm khi làm cho ta phải phiền muộn khổ-sở. Bởi vậy những bậc muốn an thân, cư xử với đời, thường thản-nhiên vô tâm, bỏ hết tư ý, coi người với ta như một, để cố tránh cái hại người làm khổ người.*

4.— Rắn dờn chỗ ở

Trời nắng, ao cạn, hai con rắn muốn dờn đi ở chỗ khác.

Rắn con bảo rắn lớn:

« Anh đi trước, tôi theo sau, người ta biết là rắn kéo nhau đi tìm chỗ ở, thì thế nào cũng tìm cách giết chết. Sao bằng anh để tôi ngậm vào mình anh, còn anh thì cõng tôi mà đi, người ta tất nhiên cho là Rắn Thần, không dám đụng đến ».

Nói xong, hai con rắn làm y như thế mà đi qua đường cái. Quả nhiên, người ta trông thấy ai cũng tránh sợ, bảo nhau là « Rắn Thần ».

Những kẻ nương-tựa nhau, thông-đồng với nhau để làm điều gian-giảo, lừa dối đời; mê-hoặc người, thì có khác gì hai con rắn cắn nhau đây mà giả làm Rắn Thần không?

CHÚ-THÍCH.— Tất nhiên: chắc như thế không sai.— Thông-đồng: nói nhiều người cùng mưu-mẹo xếp đặt với nhau để làm một việc gì.— Mê-hoặc: lừa người ta cho người ta tin những việc giả dối.

Lời bàn — Những quân gian-giảo định đánh lừa thiên-hạ, khi chỉ có một mình, thiên-hạ cũng mắc lừa chán. huống chi là chúng kết bè, kết đảng, đồng tâm bày mưu mà gạt lừa thiên-hạ, thì ai dè khôn ngoan đến đâu để đã tránh cho được. Đoàn kết với nhau để làm điều lành, hay cho thiên-hạ bao nhiêu, thì bè đảng với nhau để làm điều ác, nguy cho thiên-hạ bấy nhiêu. Vậy ta thấy những điều gì lạ tai, lạ mắt, trái hẳn nhân tình thì một là đánh lừa, hai là lợi dụng, ta trước nên suy xét kỹ đã, rồi sau hãy tin theo.

5.— Nhường thiên-hạ

Vua Nghiêu nhường thiên-hạ cho Hứa-Do, có nói rằng:

— « Khi mặt trời, mặt trăng đã mọc mà cứ cầm đóm đuốc, soi sáng như thế, chẳng cũng khó lắm ru! Khi đang mong mưa, trời đã mưa mà cứ còn dội nước, tắm tưới như thế, chẳng cũng nhọc lắm ru!

Nay có ngài ra đời, đức thịnh tài cao, thiên-hạ tự khắc cảm-hóa bình-trị, thế mà tôi còn cứ giữ lấy thiên-hạ, thì tôi tự nghĩ lấy làm kém lắm. Xin nhường thiên-hạ cho ngài ».

— Hứa-Do nói:

« Nhà người trị thiên-hạ đã được bình-trị, mà ta còn thay nhà người, như thế chẳng là ta không có cái « thực » làm cho thiên-hạ bình-trị mà ta lại nhận lấy cái « danh » bình-trị thiên-hạ ư? Vả cái « danh » là người khách của cái « thực » nếu không có thực mà lại đương lấy danh, thì chẳng hóa ra ta làm người khách không có chủ ư? Con chim làm tổ ở rừng chẳng qua chỉ một cành cây, con chuột uống nước ở sông chẳng qua chỉ đến no bụng. Thôi, xin nhà người cứ về mà trị lấy thiên-hạ, ta có dùng thiên-hạ làm gì! Người nhà bếp mà chẳng trông nom việc bếp, thì người giữ việc tế-tự cũng chẳng có thể bỏ đèn hương mà làm thay cho được. »

Trang-Tử

CHÚ-THÍCH.— Nghiêu: tên một bậc thánh-đế đời nhà Đào Đường.— Hứa-Do: một bậc cao-sĩ đời thượng-cò, ăn ở núi Cờ-son.— Cảm-hóa: cảm-động mà hóa ra hay.— Bình-trị: yên ổn và có trật-tự.

Lời bàn. — Ý vua Nghiêu nghĩ thiên-hạ là của chung của cả thiên-hạ, cho nên vua mới tìm người hiền-tài để truyền ngôi, miễn là thiên-hạ được bình-trị là mình được sung-sướng.

Ý Hứa-Do thì nghĩ mình không có tài mà nhận lấy cái tài của người làm của mình thì không gì xấu

bằng. Vả ông lại có cái thú vô danh hơn là hữu danh, nên ông lấy việc có thiên-hạ làm phiền, chớ không phải là sướng.

Một bên quên lợi, một bên quên danh đáng quý thay.

Thời buổi ngày nay giá được những bậc người tài giỏi không có lòng tư, không cậy công, cậy của, không hiểu lợi, hiểu danh, thì lo gì thiên-hạ chẳng bình-trị.

6 — Rửa tai

Đời thượng-cổ có ông Hứa-Do là một nhà ẩn-dật ở trong chằm Bái-trạch.

Vua Nghiêu nghe tiếng là người giỏi, mời ra, xin nhường cả thiên-hạ. Hứa-Do từ chối, lui về ẩn tại núi Trung-nhạc, phía nam sông Dĩnh-thủy.

Sau, vua Nghiêu lại tìm đến, cố mời Hứa-Do ra làm Tổng-trưởng cả chín châu. Hứa-Do thấy vậy, không muốn nghe chuyện nữa, ra bờ sông Dĩnh-thủy rửa tai. Ngay lúc bấy giờ, Sào-Phủ đang dắt trâu xuống bờ sông gặp Hứa-Do hỏi:

— Vì việc gì mà bác phải rửa tai như vậy?

Hứa-Do thuật chuyện. Sào-Phủ liền gò cổ trâu lại mà nói rằng:

— Ta toan cho trâu uống nước đây, lại e bẩn cả miệng trâu.

Nói đoạn, dắt trâu lên quãng sông trên cho trâu uống nước.

Cao-sĩ truyện

CHÚ-THÍCH.— Thượng-cổ: đời xưa, đã xa ta lắm.— Hứa-Do: bậc cao-sĩ đời thượng-cổ.— Ẩn-dật: người tránh xa danh-lợi, ở lánh một nơi cho yên nhàn.— Bái trạch: chỗ có cây mọc bùm tùm gọi là bái, chỗ nước đọng nhiều gọi là trạch.— Nghiêu: (xem bài trên).— Thiên-hạ: mặt đất ở khắp gầm trời, người Tàu xưa cho nước mình và mấy nước chung quanh là thiên-hạ.— Tổng-trưởng: chức quan to đầu cả các quan, thay vua hành chính.— Chín châu: đời thượng-cổ nước Tàu chia ra làm chín khu để cai trị, (Duyên, Ký, Thanh, Từ, Dự, Kinh, Dương, Ung, Lương).— Sào-Phủ: bậc cao-sĩ đời thượng-cổ, không ưa thế lợi, ẩn ở trong núi, lấy cây làm tổ nằm ở trên cho nên gọi là Sào-phủ (Sào nghĩa là tổ).

Cao-sĩ truyện: sách của Hoàng-phủ-Mật đời nhà Tấn soạn kể chuyện những bậc cao-sĩ ẩn-dật đời xưa bên Tàu.

Lời bàn.— Có cả thiên-hạ mà cố nhường cho người là lạ. Người nhường thiên-hạ cho, mà không nhận cũng là lạ. Nghe thấy câu chuyện nhường thiên-hạ cho làm chuyện bàn, phải đi rửa tai lại lạ hơn. Không để cho trâu uống cái nước đã rửa tai ấy, sợ bẩn miệng trâu càng lạ quá nữa.

Ôi! Đọc bài này, tưởng như Hứa-Do với Sào-Phủ là hai người, nếu chẳng ngộ công, thì cũng gàn dở. Nhưng vì Hứa-Do và Sào-Phủ hiểu thấu danh-lợi nó hãm hại người ta dễ làm cho mất hết liêm-sĩ, cho nên hai ông không muốn để cái danh-lợi bợn đến thân, chỉ ưa chuộng sự sống tự nhiên làm vui sướng, thì cũng là những bậc cao-sĩ thờ một cái chủ-nghĩa cao quý vậy. Chả bù cho những phường tham danh, trục lợi thường say mê danh-lợi, thậm chí đến chết vẫn chưa tỉnh cho!

7.— Chết đói đầu núi

Khi Vũ-vương đem quân đi đánh vua Tru, Bá-Di, Thúc-Tề nghe thấy, ra nắm dây cương ngựa, cản lại và nói rằng:

« Cha chết chưa chôn, mà đã chăm việc chinh-chiến thế có gọi là «hiếu» được không? Bầy tôi giết vua để cướp nước, thế có gọi là «nhân» được không?

Những người thân-cận của Vũ-vương, tức giận toan giết Bá-Di và Thúc-Tề. Thái-công can, nói rằng:

— Không nên, hai ông là «người nghĩa». Rồi bảo quân lính ôm hai ông mà đẩy ra.

Đến khi Vũ-vương đã lấy được thiên-hạ của vua Trụ, thiên-hạ ai cũng tôn nhà Chu, Bá-Di và Thúc-Tề lấy việc nước mất làm xấu hổ, đến nỗi coi thóc gạo cũng là tài-sản của nhà Chu, buồn bực không ăn nữa.

Hai ông lên ăn ở núi Thù-dương làm bài ca Thái-vi rằng:

« Ta lên núi Tây-sơn,
« Ta hái khóm rau vi.
« Kẻ bạo thay kẻ bạo,
« Còn biết phải trái gì!
« Đời cổ thoáng qua rồi,
« Biết đâu mà quy-y,
« Than ôi! đành chết vậy.
« Thật vận-mệnh ta suy (1) ».

Rồi hai ông nhin ăn, đành chết đói ở trên núi.

Chu Sứ

(1) — Chính bài chữ Hán là:

Đặng bỉ Tây-sơn hề, thái kỳ vi hi.
Dĩ bạo dịch bạo hề, bất tri kỳ phi hi.
Thần-nông, Ngu, Hạ hốt yên một hề, ngã an thích qui hi.
Vua ta tổ hề, mệnh chi suy hi.

CHỮ THÍCH. — Bá-Di, Thúc-Tề: hai con vua Cô-Trúc đời nhà Thương. — Hiếu: ăn ở hết lòng với cha mẹ khi người mất cũng như khi người còn. — Nhân: thương yêu người mà không có chút gì tư tâm. — Thân-cận: người thân thiết gần-gũi luôn bên mình. — Thái-công: tức là Lã-Vọng, một người hiền thần nhà Chu, trước câu cá ở sông Vy, sau gặp vua Văn-vương đón về, vua Vũ-vương dùng làm tướng. — Người nghĩa: người chính-trực khí-khát. — Vi: thứ cỏ sống hàng năm, dọc cao và thẳng, ngọn lá cuộn lại lúc còn non ăn được. — Thái-vi: hái rau vi. — Thù-dương: tức cũng là Tây-sơn, tên núi ở về huyện Vĩnh-thanh tỉnh Sơn-tây bây giờ. — Kẻ bạo thay kẻ bạo: đây nói vua Trụ đã bạo ngược, vua Vũ thay vua Trụ cũng là bạo ngược. — Quy-y: nương nhờ.

Lời bàn. — Xem bài này, hoặc có nói «Bá-Di, Thúc-Tề nắm ngựa mà can Vũ-vương là phải. Song can, mà người ta không nghe, sao không thi thân chết theo với nước, lại đi lên núi Thù-dương hái rau vi. Than ôi! Sau ngày giáp-lì (là ngày vua Trụ mất thiên-hạ), Vũ-vương đã đánh được nhà Thương, núi Thù-dương có còn là đất của nhà Thương, rau vi ở núi Thù-dương có còn là đồ ăn của nhà Thương nữa hay không? Bá-Di, Thúc-Tề làm rồi!» Nói như thế kẻ cũng có lý, nhưng có phần quá về nghiêm-khắc. Ta chỉ biết Bá-Di, Thúc-Tề thân cô mà dám ngăn cả thiên binh vạn mã, thế là trong lòng rất can đảm, biết vua Trụ là người không tốt, mà cũng giữ một niềm thủy chung, thế là nghĩa, bất sự nhị quân, đáng tôn trọng quý báu biết chừng nào. Vả chẳng hăng-hái mà liều chết, việc ấy còn dễ; chớ thung dung mà làm điều nghĩa, việc ấy mới là khó. Bá-Di, Thúc-Tề lên ăn trên núi mà còn để lại bài ca Thái-vi còn lưu lại hai tiếng «Hiếu, Nhân» lúc ra can Vũ-vương; thật là những bậc có thể phù thực được cương thường muôn đời khiến cho người sau ai xem đến truyện, ngu ngoan cũng thành có tri thức, liệt nhược cũng hóa ra cương cường mà có chí tự-lập vậy.

8. — Đời người

Sống bảy mươi năm đã mấy người!
 Trước thì tuổi trẻ, sau già lão.
 Thì giờ quăng giữa được bao lâu?
 Lại còn *viêm lương* cùng *phiền não*.
 Hoa quá mùa xuân, hoa kém tươi;
 Trăng quá mùa thu, trăng kém sáng.
 Hoa tươi trăng sáng, ta ngâm-nga.
 Rượu năm, ba chén say *chuyển-choáng*.
 Tiền của càng nhiều, càng oán to.
 Quan chức càng cao, càng nhọc xác,
 Quan to, tiền nhiều, lòng những lo,
 Chỉ tỏ làm cho đầu chóng bạc.
 Xuân đi, hạ lại, thu sang đông.
 Chóng như thời đưa, như nước chảy.
 Vừa tiền buổi chiều, chuông chùa kêu,
 Đã báo rạng đông, gà sáng gáy.
 Ta thử tính xem người nhân tiền,
 Một năm đã thấy *khuất* vô số.
 Lô-nhò nắm đất cánh đồng hoang,
 Quá nửa không ai người tảo mộ.

Đường-bá-Hồ

CHÚ-THÍCH. — *Viêm-lương*: nóng nản, lạnh lạt, thất đời
 biến cải không nhất định. — *Phiền não*: buồn bã khổ sở. — *Say*
chuyển-choáng: say ngả nghiêng, đứng ngồi không vững. — *Chỉ-*
tỏ: chỉ càng làm ra như thế. — *Người nhân tiền*: người hiện
 đang sống, đồng thời với mình. — *Khuất*: kiệt hết, nói người *khuất*
 là nói người chết không còn thấy nữa.

Đường-bá-Hồ: người đời nhà Tống tên là Trương-Nhự
 ở Đan-lang, chuyên học kinh Dịch, kinh Xuân-thu, trí gia rất có
 phép, ông có bài ca nhân-sinh mà đây dịch ra.

Lời bàn. — Đời người trăm năm sống được
 sáu bảy mươi đã hiếm. Trong khoảng sáu, bảy
 mươi năm ấy, trừ lúc tuổi chưa khôn, tuổi già hết
 khỏe, quăng giữa còn được vài ba mươi năm có là
 bao, mà lại còn gặp biết bao nhiêu những sự đau-
 đớn *phiền-não*! Ôi đời người rút lại như thế có
 mấy lúc là sống cho ra sống!

Nên chi, hàng năm, hề gặp được thắng cảnh,
 lương-thời, thì ra kịp nên vui chơi cho sung-sướng
 thỏa-thích, hơi đâu mà cứ mài-miệt theo đuổi lấy
 cái sang giàu giả dối chốc lát để là lụy đến tấm thân.

Lúc sống thì người chóng già, khó giữ lâu được
 cái thân, lúc chết thì thiên-hạ chóng quên khó giữ
 lâu được mồ-mả. Thời giờ mau chóng, thói đời
viêm lương, vậy người ta lúc sống, mà tự khổ thân
 quá, tưởng cũng là khờ vậy! Đối với cái thời gian,
 không gian vô cùng, vô hạn thì một người và một
 đời người kể có thấm vào đâu?

9. — Ba điều khó học

Thầy Tăng-Tử nói với Đức Không-Tử:
 Tôi biết thầy có ba điều, tôi học mãi mà chưa
 làm được, Thầy:

1) Thấy người ta có được một điều phải mà
 quên cả trăm điều trái của người ta, thế là thầy dễ
 tỉnh:

2) Thấy người có điều gì phải, thì vui-vẻ như
 là mình có, thế là thầy không ghen-tị.

3.) Nghe thấy điều gì phải, *nhất quyết* làm, rồi sau mới nói, thế là thầy chịu khó thực-hành.

Thầy là người dễ tính, là người không ghen-tị, là người chịu khó, tôi học mãi ba điều ấy của thầy mà chưa có thể làm được.

Thuyết-Uyển

CHÚ-THÍCH.— Tăng-Tử: tức là Tăng-Sám, người thành thực và rất có hiểu, học trò giỏi của Đức Không-Tử truyền được đạo đức Không-Tử có thuật sách Hiếu-kính và sách Đại-học.— Nhất-quyết: định bụng cố làm cho kỳ được.

Lời bàn.— Lấy một điều phải mà quên trăm điều trái, thế là có bụng khoan dung người ta, lại có ý gây cho người làm nên điều phải.— Thấy người làm phải cũng vui như chính mình làm điều phải thế là có lòng vô-ngã muốn giúp cho người phải ưa làm điều phải.— Thấy điều phải làm ngay rồi mới nói, thế là vụ cái thực làm chứ không chỉ có một cái nói giỏi mà thôi Ba điều này mới nghe tưởng dễ, mà làm thực khó! Thói thường, người đời chỉ hay bới xấu nhau, ghen-tị nhau, nói giỏi mà làm càn, cho nên mới ghét bỏ nhau lừa dối nhau, hãm hại nhau, đưa nhau đến tử-vong mà không gỡ ra được.

10.— Ba điều vui

Người quân-tử có ba điều vui, tuy cho làm vua cả thiên-hạ là sướng mà cũng không kể vào trong ba điều vui ấy được.

Cha mẹ còn sống, anh em bình yên là một điều vui.

Ngửa lên không tủi thẹn với trời, cúi xuống không xấu hổ với người là hai điều vui.

Được những bậc *anh tài* trong thiên-hạ mà dạy dỗ, gây dựng cho ra người là ba điều vui.

Mạnh-Tử

CHÚ-THÍCH.— Anh tài: người khôn-ngan giỏi-giang-

Lời bàn.— Xứ trong gia-đình, trên thì cha mẹ còn mạnh khỏe để ta được hết lòng phụng dưỡng, dưới thì anh em hòa-thuận để ta được hết đạo hữu ái, thật là cái cảnh khó được mà ta được, thì còn gì vui hơn nữa?

— Xứ với thân mình, mà tu-dưỡng đến việc gì cũng có thể, trên tỏ cho trời biết được, dưới đối với người nói được, thân thể nhẹ-nhàng, tâm-thần khoan-khoái, thì còn gì vui hơn nữa?

Xứ với xã-hội mà được tuyên-tập những bậc *anh tài* để có nhiều người truyền đạo cho thiên-hạ, hậu thế được nhờ, thì cũng còn gì vui hơn nữa?

Ba cái vui này: hai cái về gia-đình và bản thân, một cái về thiên-hạ hậu thế là ba cái vui về «tính phận» vui bên trong, nghĩa là cái vui thực vậy. Chớ còn cái vui về «thể phận», vui bên ngoài, thì dù cho làm đến vui cả một nước, so với cái vui kia cũng không sao bằng được.

11.— Thương mẹ già yếu

Hàn Bá-Du ăn ở với mẹ rất là có hiếu. Những khi có lỗi, mẹ thường đánh đòn. Một hôm Bá-Du phải đòn, khóc mãi. Mẹ thấy vậy hỏi:

— Mọi khi mẹ đánh, con biết lỗi, con *cam chịu* ngay. Lần này sao con khóc dai như thế?

Bá-Du thưa :

— Mọi khi mẹ đánh, con thấy đau, con biết mẹ còn mạnh khỏe. Lần này mẹ đánh con, con thấy không đau mấy, con biết sức mẹ đã yếu, cho nên con nghĩ, con thương mẹ mà con khóc

Ồi ! Con ăn ở với cha mẹ, tuy khó nhọc, khổ sở, cũng không oán Như Bà-Du trong truyện này, không những không oán mẹ, lại còn thương mẹ già yếu, tình con yêu mẹ thế mới thật là *thâm thiết*.

Thuyết-Uyên

CHÚ-THÍCH.— Hàn Bá-Du : người đất Lương đời nhà Hán.— Hiếu : đạo ăn ở hết lòng với cha mẹ.— Cam chịu : vui lòng mà chịu — Oán : tức giận lấy làm không bằng lòng.— *Thâm thiết* : sâu xa thiết thực.

Lời bàn.— Cha mẹ sinh con hy vọng và trông cậy vào con rất nhiều, cho nên ôn-lôn khuyên răn con là muốn cho con hay mà dữ-dội quở phạt con cũng là muốn cho con hay. Thực tình thì thế, nhưng cũng nhiều khi vì gia-đình quân-bách hay cảnh-ngộ éo-le, cha mẹ đối với con, lỡ nặng lời hay quá tay, thì dễ gây ra bất hòa và oán-hận. Nếu gặp phải con ngỗ nghịch thì sinh biến ngay.

Còn con ra con thì bao giờ chẳng thương cha mẹ, chẳng thể tắt cái khổ tâm cho cha mẹ — Như Bá-Du đây bị đòn không những không oán mẹ, lại còn thương mẹ mới thực là người có hiếu đáng làm gương cho những kẻ làm con nông-nổi vậy. Bá-Du đây như có cái *thâm tâm* cảm-hóa mẹ thì lại càng đáng phục lắm nữa.

12. - Áo đơn mùa rét

Mẫu Tử-Khiên mồ-côi mẹ từ thuở nhỏ. Mẹ kế sinh được hai con trai, chỉ yêu con đẻ mà ghét Tử-Khiên.

Mùa đông tháng giá, mẹ kế không cho Tử-Khiên mặc áo mền bông, chỉ cho mặc áo mền hoa lau. Một hôm Tử-Khiên đánh xe hầu cha, cha thấy co-ro run rẩy liền quở mắng. Tử-Khiên nín không dám nói. Cha giận đánh, ngờ đầu áo rách, bật hoa lau ra.

Cha thấy thế căm giận người vợ kế *bạc-đãi* con mình, liền muốn đuổi đi.

Tử-Khiên khóc mà van rằng :

— Di con mà con ở lại, thì chỉ một mình con rét ; di con mà phải đuổi đi, thì ai may vá cho chúng con, có lẽ ba anh em con đều không có áo, phải chịu rét cả.

Cha nghe nói cảm-động, bèn thôi không đuổi vợ kế nữa. Và tự đó người vợ kế cũng có lòng thương yêu Tử-Khiên như thương yêu con đẻ vậy.

Thuyết-Uyên

CHÚ-THÍCH.— Mẹ kế : tức là mẹ ghẻ.— *Bạc-đãi* : xử với ai một cách đơ nạc không còn chút tình nghĩa nào nữa.

Lời bàn.— Thói thường di-ghẻ đối với con chồng phần nhiều là hay *bạc ác*. Đó là hạng nan hóa, ta chẳng nói làm chi. Đến như con chồng,

không kể những đứa thơ dại, có nhiều đứa lớn tuổi, hoặc vì ghen tức, hoặc vì kinh-dịch mà gây ra cái náo loạn trong nhà, cái mối khổ cho cha, thực cũng không phải là ít. Bởi vậy lắm khi cái tội không thể qui cho cả một mình di-ghe được.

Như truyện Mãn-Tử-Khiên đây, nếu cứ theo thể tình mà xử, thì chồng bỏ vợ, con mất mẹ, anh em sau này hóa ra cừ thù, gia-đình tránh sao khỏi nổi tan nát. Nhưng Mãn-Tử-Khiên lại là một người con biết cách ăn ở mà cảm được lòng cha, hóa được nét xấu của di-ghe, gây được tình thân anh em dì bảo, gia-đình được nhờ đó mà đoàn-viên hòa-thuận. Thực là một cái gương sáng cho đám con chồng thiên-hạ muôn đời về sau vậy.

13.— Dưng thư cứu cha

Thuần-vu-Ý làm quan ở Tề-trung phải tội sắp đem hành hình, giải đến Trường-an.

Ông không có con trai, chỉ sinh được năm con gái. Lúc bị bắt đi, ông mắng con rằng:

— Để con chẳng để con trai, những khi nguy cấp thật không có ai đỡ-dần công việc.

Người con gái út tên là Đề-Oanh thương khóc theo cha đến Trường-an, dưng tờ thư, đại ý nói:

... Cha tôi làm quan, cả miền Tề-trung ai cũng ca-tụng là thanh-liêm công-bình, nay bất hạnh phải tội, thật là oan quá. Vả chẳng tôi trộm nghĩ người đã chết thì không sống lại được, đã chém thì không liền lại được. Nên dù có muốn đổi lỗi, theo điều

phải trở nên hay, nên tốt, cũng không có cách nào nữa. Tôi xin bán mình làm đứa ở chỗ quan phủ, chuộc tội cho cha, để cho cha tôi được tự tôn ..

Thư tâu lên vua. Vua xem, tha cho Thuần-vu-Ý. Rồi xuống chiếu, trừ các nhục hình.

Sử-ký Hán Văn-đế

CHÚ-THÍCH.— Hành-hình: đem ra làm tội hay chém giết. — Trường-an: nơi đó thành đời cổ ở vào huyện Trường-an, tỉnh Thiểm-tây ngày nay. — Nguy-cấp: tai-nạn đến nơi, sợ lòng chống lại. — Ca-tụng: khen-ngợi một việc gì. — Thanh-liêm: trong sạch không có tiếng xấu, không lấy của phi-nghĩa. — Quan phủ: tiếng gọi cả một nhà quan. — Tự-tôn: tự mình hồi lại mà sửa đổi thành hẳn như một người mới. — Nhục-hình: hình làm cho đau khổ thân thể hay giết chết.

Lời bàn.— Bên phương Đông ta, thường tình cha mẹ vẫn quý con trai hơn con gái, vì cứ kể trong nhà, còn trai bao giờ vẫn được việc hơn con gái, nhất là những khi nguy cấp. Nên Thuần-vu-Ý đây tức mình mà gắt như thế cũng là phải. Nhưng Thuần-vu-Ý có biết đâu là được người con gái như Đề-Oanh thực là hết lòng với cha, cứu cha được ra ngoài vòng tội hình, lại có phần giúp đỡ được cả nhân-dân trong nước, vì vua bỏ các nhục hình.

Thế mới hay con gái hay con trai cũng vậy mà thôi, qui hồ là ăn ở hết đạo với cha mẹ, giúp đỡ có ích cho xã-hội, thì cũng là quý giá không bên nào khinh bên nào trọng. Cổ ngữ có câu:

« Gái mà chỉ, trai mà chỉ,
Con nào có nghĩa, có nghị là hơn. »
Thực là phải lắm.

14.— Nuôi mẹ bằng điều phải

Roãn-Thuần lúc nhỏ học ông *Trình-Di*, thường chỉ cốt theo nghề *khoa-cử*.

Có một khoa thi *Tiến-sĩ*, ông đã vào đến kỳ *văn-sách*, đầu bài ra có câu « *Chu Nguyên-hựu chử thần* » nghĩa là giết các bầy tôi đời *Nguyên-hựu*. Ông bỏ bài không làm, đi ra.

Khi về, ông thưa với thầy là ông *Trình-Di* rằng: Từ nay, con không đi thi *Tiến-sĩ* nữa.

— Ông *Trình-Di* nói: Người còn có mẹ già kia mà.

Roãn-Thuần về thưa chuyện thi cử với mẹ và nhắc lại cả câu thầy học bảo.

Bà mẹ nói:

— Ta muốn con lấy « điều phải » mà nuôi ta hơn là lấy « *bồng lộc* không ra gì » mà nuôi ta.

Ông *Trình-Di* nghe thấy câu ấy, khen rằng: « *Giỏi thay một người mẹ như thế!* »

Tổng-sử Roãn-Thần truyện

CHÚ-THÍCH.— Roãn-Thuần: người đời Tống, học giỏi nổi tiếng, mấy lần vua triệu, từ chối không ra làm quan.—

Trình-Di: tức là *Trình-y-Xuyên* một bậc danh-nho đời Tống.
— *Khoa-cử*: dùng từng khoa đề chọn lấy người.— *Văn-sách*: bài hỏi để học trò giải quyết.— *Tiến-sĩ*: người tài giỏi đáng tiến lên để chịu tước lộc, tiếng thường dùng để gọi người thi đỗ ở Kinh.— *Bồng lộc*: tiền thóc. Nhà nước cấp cho quan lại.

Lời bàn.— Như *Roãn-Thuần* đây sợ-dĩ mà không muốn đi thi, là vì đầu bài ra trái ngược hẳn với lẽ phải. Bầy tôi đời *Nguyên-Hựu* vốn là người giỏi, mà lại bảo đem giết, đầu bài mà ra như thế, là có ý muốn cho bọn đi thi đỗ, sau này tức là bọn quan trường, phải bác đời Tống *Triết-Tôn* đi để nâng cái đời bấy giờ là đời *Tĩnh-khang* lên.

Còn như *Trình-Di* đây sợ-dĩ như có ý khuyên bảo nên đi thi, là vì bụng nghĩ *Roãn-Thuần* còn mẹ già phải phụng dưỡng. Thói thường cha mẹ cho con ăn học, ai là người không muốn cho con đi thi lấy đỗ, đã kiếm được chút lương bổng nuôi-nấng mình, lại còn làm nên chút công-danh vẻ-vang cho cả nhà cả họ.

Kịp đến bà mẹ sợ-dĩ bảo *Roãn-Thuần* như thế, là bà biết trọng việc nghĩa hơn là danh-lợi. Một câu bà dạy con khiến cho *Trình-Di* là một nhà hiền-triết còn phải phục, phải khen, thì há chẳng đáng làm cho những cha mẹ có con thi đỗ, chỉ mong cho con được chút danh phận, bắt phải danh phận ấy thật hay giả, hay hay dở, phải suy xét cân nhắc rồi hãy đặt đề cho con ru!

15.— Say bắn chết trâu

Ngưu-Hoảng, *Ngưu-Bật*, hai anh em ở chung với nhau.

Bật có tình hay chén, mà hề chén vào, thì thường khi nát rượu.

Một hôm, anh đi vắng, Bật ở nhà uống say túy-lý, bắn chết mất con trâu của anh.

Kip lúc anh về, người vợ đón cửa, xăm xăm bảo rằng:

— Này này! Chú nó ở nhà bắn chết trâu rồi!

— Hoảng nói: Trâu chết thì phải cho đem làm thịt.

Hoảng vào nhà, ngồi vừa yên, vợ lại chạy đến hăm hờ nói:

— Chú nó bắn chết trâu là việc to lắm, có phải việc thường đâu..

Hoảng nét mặt vẫn hòa-nhĩ tự nhiên nói:

— Phải, tôi đã biết rồi mà. Rồi lấy sách đồ xem như không có chuyện gì cả.

Vợ thấy thế nguôi cơn giận, không dám nói gì nữa.

Tùy kỷ

CHÚ-THÍCH.— Ngưu-Hoảng: người đời nhà Tùy làm quan đến Lại-bộ thượng-thư, đời bấy giờ xưng là "Đại-nhà quán-tử".— Say túy-lý: say mê, nói trong lúc say không biết gì nữa.— Hòa-nhĩ: êm ái, vui vẻ.— Tùy kỷ: sách chép việc đời nhà Tùy.

Lời bàn. Anh em một nhà mà ghét bỏ xa cách nhau phần nhiều là chỉ tại chị em dâu. Không phải chị em dâu có bạc ác gì đâu; tại thường tình

đàn bà, phần thì suy hơn tình thiệt, tí chút cũng so-kè, làm cho chữ « Lợi » đè mất chữ « Nghĩa » phần thì đêm ngày trò chuyện, bao nhiêu cái hay như muốn vơ cả vào mình, thành ra anh em hoa dờ, làm cho chữ « Tình » lấn được chữ « Thân ». Đám nam-nhi ta muốn ăn ở cho trọn vẹn nghĩa anh em, tình vợ chồng, tưởng cũng khi khó.

Ngưu-Hoảng đây lấy thái-độ ôn-hòa, trầm-tĩnh đối với vợ khi vợ đang bức tức căm giận, thật là biết đường lửa cháy cất dầu, cơm sôi bớt lửa mà biết đâu Hoảng lại chả nghiêm trách em mà không ai biết. Vì thế mà vợ mất giận, em được toàn, thế chẳng phải là biết cách ăn ở rất khéo trong chốn gia-đình ư!

16.— Tên tù nước Sở
Chung-Nghi là người nước Sở bị nước Trịnh bắt nộp sang nước Tấn. Nước Tấn đem bỏ vào tù. Một hôm vua Cảnh-công đòi ra, cho cỡi trời, gọi đến tận nơi ửy-lạo, rồi hỏi:

— Ông cha nhà người xưa nay làm nghề gì?

— Chung-Nghi thưa: Ông cha tôi xưa nay làm nhạc quan.

— Thế người có biết nhạc không?

— Cha tôi xưa làm chức ấy, tôi nay vẫn giữ nghiệp nhà, đâu dám xao-lãng.

Cảnh-công đưa cho đàn cầm, bảo gảy một khúc. Chung-Nghi gảy thuần tiếng Nam, tức là tiếng nước Sở. Nghe xong Cảnh-công hỏi:

— Vua Sở là người thế nào?

— Chung-Nghi thưa: Tôi tri khôn hèn kém không đủ biết được *thịnh-đức* của quân-vương nước tôi.

Cảnh-công hỏi đi, hỏi lại hai ba lần.

Sau Chung-Nghi phải thưa:

— Quân-vương tôi khi làm *thái-tử*, nghe lời quan *Sư*, quan *Bảo* dạy dỗ, buổi sáng đến chơi với *Anh-Tề* buổi chiều chơi với *Tử-phản*. Tôi biết có thế, còn việc khác tôi không được rõ.

Cảnh-công đem chuyện ấy nói cho *Phạm-văn-Tử* nghe. *Văn-Tử* thưa:

— Tên tù nước *Sở* như thế thật là một bậc quân-tử. Chức-nghịp vẫn giữ nước nhà, là người không quên gốc âm-nhạc vẫn giữ tiếng Nam, là người không quên nước; khen vua *Sở* mà khen tinh tự-nhiên là *vô-tư*; nói với nhà vua đây, mà gọi hần hai tên quan *khanh* là *tôn-quân*. Không quên gốc là « *nhân* », không quên nước là « *tin* », *vô-tư* là « *trung* », *tôn-quân* là « *mẫn* ». *Nhân*, thì xử được việc; *tin*, thì giữ được việc; *trung*, thì nên được việc; *mẫn* thì xong được việc. Có bốn đức ấy, việc to đến đâu làm cũng phải xuôi, sao nhà vua không giao trả tên tù cho nước *Sở*, để hần về *yêu-kết* việc hòa-hiếu của nước *Tấn*, nước *Sở* với nhau?

Cảnh-công theo lời *Văn-Tử*, hậu đãi *Chung-Nghi*, đưa về *Sở* để cầu việc hòa-hiếu.

Tả truyện

CHÚ-THÍCH. — *Sở*: một nước lớn thời Xuân-thu ở vào vùng Hồ-bắc Hồ-nam bây giờ — *Tấn*: cũng là một nước lớn thời Xuân-thu ở vào tỉnh Sơn-tây và một phần Trục-lệ bây giờ. — *Ủy lạo*: dùng lời êm-ái để yên-ùi người ta. — *Nhạc quan*: chức quan giữ việc âm-nhạc. — *Thịnh đức*: đức tốt, đức hay. — *Thái-tử*: con cả vua — *Sư Bảo*: hai chức quan dạy thái-tử học — *Vô-tư*: không có lòng tà khúc. — *Khanh*: một chức quan to đời cổ. — *Tôn-quân*: kính trọng vua nước mình. — *Mẫn*: mau mẫn, nhanh chóng. — *Yêu-kết*: cầu thân muốn liên-hợp với nhau. — *Hòa-hiếu*: thỏa-thuận và yêu mến nhau. — *Hậu đãi*: xử một cách rất tử-tế.

Lời bàn — Tên tù này không phải vì phạm tội thường mà bị tù, nhưng vì việc nước mà bị nước khác bắt tù. Khi đã bị bắt, người ta tra hỏi, không rồi tri, cứ ứng-dụng đối đáp rất thông-hoạt, và có ý vì khiến cho vua với nước ngoài nghe thấy phải khen, phải phục, như thế thì chẳng là vì một cái trí lực khé khái của mình, mà mình được thoát nạn, nước mình cũng được nhân đây mà thêm tôn lên ru! Ôi! một nước được một tên tù giỏi mà kiến trọng, hưởng chỉ là có bao nhiêu hiền-tài thì nước được mong cậy biết là bao « *Quốc hữu phân tắc thực* » nghĩa là nước có người giỏi, thì nước mới đầy đủ vững chắc; câu trong sách dạy quả là đúng lắm.

17.— Bệnh quên

Nước Tống có anh đứng tuổi, tự nhiên mắc phải bệnh quên; buổi sáng lấy gì của ai, buổi chiều đã quên; ngày nay cho ai cái gì, ngày mai đã quên; ra đường quên cả đi, ở nhà quên cả ngồi,

trước có làm những gì, bây giờ quên hết, bây giờ đang làm gì, sau này cũng quên hết.

Cả nhà anh lấy làm lo. Xem bói không tốt, đi cúng không đỡ, đón thầy chữa thuốc cũng không khỏi.

Sau có ông đồ người nước Lô đến xin đám, nói rằng chữa được.

Vợ người có bệnh hứa với ông đồ hễ chữa khỏi, thì chia cho nửa cơ-nghiệp.

Ông đồ nói:

« Bệnh này bói không ra được, cúng không khỏi được, thuốc không chữa được. Nay tôi thử hóa cái tâm-tính biến cái trí-lự anh ta, may mà khỏi chẳng ».

Nói đoạn, ông đồ liền sai lột áo để cho rét, thì thấy anh ta xin áo, sai cấm ăn, để cho đói, thì thấy anh ta xin ăn, sai đem vào chỗ tối, thì thấy anh ta xin ra chỗ sáng.

— Ông đồ hơn-hở bảo con anh ta rằng:

« Bệnh chữa được, song môn thuốc của tôi bí-truyền không thể nói cho ai biết ».

Rồi ông đuổi cả người chung quanh đi, chỉ một mình ông ở với người có bệnh trong bảy ngày. Chẳng ai biết ông đồ chữa chạy ra thế nào, mà cái bệnh lâu năm như thế nhất-đán khỏi phăng.

Khi anh có bệnh đã tỉnh như thường, anh liền

nổi cơn giận, chửi vợ đánh con, cầm giáo đuổi ông đồ.

Người ta bắt anh hỏi vì cớ gì mà anh giận như vậy, thì anh ta nói:

— « Lúc trước ta có bệnh quên, thì trong lòng ta *thần-nhiên khoan-khoái*, trời đất có hay không, ta cũng chẳng biết. Nay ta hết bệnh, ta nhớ lại cả những việc vài mươi năm về trước, việc còn, việc mất, việc được, việc hồng, việc thương, việc vui, việc yêu, việc ghét, trong lòng lại muôn mối ngổn-ngang bởi-bởi nổi lên vậy. Ta e sau này, những việc còn mất, được, hồng, thương, vui, yêu, ghét ấy cứ vương-vít trong lòng ta mãi-mãi, thì bây giờ dù muốn quên cả đi một phút, một lát, liệu còn có được nữa chẳng ».

Liệt-Tử

CHÚ-THÍCH. — *Tổng*: nước chư hầu đời Xuân-thu ở vào huyện Thương-khưu tỉnh Hà-nam bây giờ. — *Ông đồ người nước Lô*: đây ám chỉ Không phu-tử. — *Xin đám*: nói với người ta đề xin việc mà làm. — *Cơ-nghiệp*: tiếng chữ chung cửa nhà, ruộng nương tiền của, đồ-đạc. — *Hóa*: đời hân tính này ra tính khác, hình nọ ra hình kia. — *Biến*: cái gì đang có mà mất hẳn đi. — *Trí-lự*: cái lòng lo-toan mưu tính công việc gì. — *Bí truyền*: để lại cho ai cái gì một cách bí mật không cho người khác biết. — *Nhất đán*: một buổi dùng như nghĩa chốc lát. — *Thần-nhiên*: bằng phẳng thoáng nhẹ như không có gì. — *Khoan-khoái*: thư thái vui vẻ dễ chịu trong tâm thần.

Lời bàn. — Lòng người đen trắng, việc đời đảo điên lắm nổi ngang tai, trái mắt làm cho người ta không muốn trông, không muốn nghe, thậm chí

đến không muốn biết đến, chỉ muốn quên sạch. Bởi thế Liệt-Tử thành ra chán đời, mới đặt ra câu truyện này để tỏ hết cái nỗi bức tức đau thương trong lòng. Ôi! chẳng gì cái đời cổ tự Liệt-Tử cũng còn chất phác, mà đã khắc-khe đáng chán như thế, huống chi cái đời bây giờ là cái đời mỗi ngày gian-trá quái ác thêm sinh, thì phỏng còn có gì làm cho người biết nghĩ đáng yêu, đáng quý nữa:

Nghĩ thân phù thế mà đau,
Bọt trong bể khổ, bèo dầu bên mê!

18.— Bệnh mê

Nước Tần có con nhà họ Bàng, lúc nhỏ thông-minh khôn-ngoaan sớm, đến lúc lớn tự-nhiên mắc phải bệnh mê; nghe hát cho là khóc, trông trắng cho là đen, ngửi thơm cho là thối, ăn ngọt cho là đắng. Tinh-hanh anh dở mà cứ cho là phải, bao nhiêu những cái anh ta nghĩ đến, trời, đất, bốn phương, nước, lửa, nực, rét, không cái gì là không đảo ngược sai lầm cả.

Có người bảo cha anh rằng: « Bậc quân-tử nước Lỗ có lắm thuật, nhiều nghề họa may chữa được chẳng, sao không đưa đi mà hỏi ».

Người cha sang nước Lỗ. Khi qua nước Tần gặp ông Lão-Đam, nhân nói chuyện chứng bệnh của con.

Lão-Đam nói: « Nhà ngươi há đã biết được cái bệnh mê của con nhà ngươi đâu. Nay thiên-hạ ai ai cũng ù-ờ phải trái, mờ-mịt, về lợi hại, kẻ

mắc phải mệnh mê như con nhà ngươi rất nhiều, chẳng có ai tỉnh cả.

Vả lại, một mình không mê đủ làm lụy một nhà, một nhà mê không đủ làm lụy một nước, một nước mê không đủ làm lụy cả thiên-hạ. Thiên-hạ ai ai cũng mê cả, thì còn ai làm lụy ai được nữa.

Giả-sử thiên-hạ ai cũng mê như con nhà ngươi mà chỉ nhà ngươi muốn chữa bệnh mê, thế thì chính nhà ngươi lại hóa ra mê mất.

Ở đời những sự thương, vui, lẽ phải trái, những cái mắt trông, tai nghe mồm nếm, mũi ngửi, ai nấy là người chắc cứ cho như thế mới là phải. Nay ngay như lời nói ta đây, vị tất đã khỏi mê, huống chi người quân-tử nước Lỗ lại là người quá ư mê. thì chữa sao được bệnh mê của người.

Nhà ngươi đem bao nhiêu tiền đi tìm thầy chữa chạy, chẳng bằng cứ nghe ta trở về ngay còn hơn.

Liệt-Tử

CHÚ-THÍCH.— Tần: tên một nước về đời Xuân-thu ở vào đất Thiểm-tây ngày nay.— Quân-tử nước Lỗ: tức là ám chỉ Đức Khổng-Tử.— Lắm thuật nhiều nghề: lắm cách nhiều lối.— Trần: tên một nước Xuân-thu ở khoảng phủ Thái-phong (Hà-nam) cho đến châu Bạc (An-huy) bây giờ.— Lão-Đam: tức là Lão-tử, họ Lý tên Nhi, người Xuân-thu có làm sách Đạo-đức kinh, tôn đạo Lão.— Làm lụy: làm cho vương-oit, phiền-nhiều.

Lời bàn.— Bài này cũng như bài trên có ý chê Đức Khổng-Tử, bác hẳn cái nếp đã thành ở đời, xưa nay ai nấy, từ lúc biết đời cũng cứ cho như thế mới là phải. Nhưng xét đến nơi, cái nếp ấy chẳng qua cũng chỉ là ước định mà thôi. Ấy là không nói ở đời lắm kẻ lợi dụng cái nếp ấy làm điều giả-dối để ngu-hoặc người ta, lắm khi đến nỗi chỉ còn có danh mà không có thực. Giả-sử bây giờ ta thử đổi cái trắng là đen, cái đen là trắng, cái ngọt là đắng, cái đắng là ngọt, nếu lâu ngày quen nếp đi, thì tất thiên-hạ lại cho thế mới là thuận mà chính như bây giờ là nghịch vậy. Ôi! cái thanh, sắc, khừu, vị rõ rệt như thế, người đời cho ngược hẳn lại được, thì cái nhân tâm, thế đạo là cái vô hình, vô trạng người đời há lại không dám ngược lại hay sao! Nay những đời loạn, cần-dở thì cho là tông quyền hà-hiếp thì gọi là binh vực, cái phân trên dưới không phân minh, đến cả cha con cũng bằng-đẳng; cái mối luân thường đã rối loạn, đến cả vợ chồng cũng tự-do; mà cứ càng ngày càng đâm đuổi mãi vào, thì có gọi đời là tỉnh được hay không! Hay chính là mê, mê quá không biết nữa vậy. Bệnh mê thực làm hại người ta, hầu hết cả một nước, cả loài người như điên, như cuồng, ai chữa cho khỏi, mà ai là kẻ có cách chữa được khỏi. Than ôi biết làm thế nào?

19 — Vợ lẽ phải đòn

Xưa có người đi làm quan xa. Vợ ở nhà có ngoại-tình ít lâu, có tin người chồng sắp về, đưa gian-phu lấy làm lo. Đưa gian-phụ bảo rằng:

— Không việc gì mà sợ. Tôi đã làm sẵn thứ rượu thuốc để đãi nó đây rồi.

Hai hôm sau chồng về tới nhà, đang khi chuyện-trò vui-vẻ, người vợ sai người thiếp rót chén rượu dâng chồng, bảo cô mời uống. Người thiếp biết rõ chén rượu ấy có thuốc độc, nghĩ trong bụng rằng:

— « Ta mà dâng chén rượu này, thì ta là người giết chồng, ta mà nói ra, thì ta lại làm cho vợ cả ghét ta ».

Bèn giả cách ngã, làm cho chén rượu đổ xuống đất.

Chồng thấy vậy, giận lắm, đánh cho người thiếp mấy chục roi.

Than ôi! người thiếp này đánh đổ chén rượu, phần thì làm cho chồng được còn sống, phần thì làm cho vợ cả được khỏi tội. Trung-tín đến như thế mà chẳng khỏi đòn, mà phải chịu tội.

Chiến-quốc sách

CHÚ-THÍCH.— Ngoại tình: nói người đàn bà đã có chồng mà còn đi lại ăn ở tư tình với trai. — Gian phu: người đàn ông đi lại vụng trộm với một người đàn bà đã có chồng. — Trung-tín: hết lòng, hết sức ăn ở chân thật với ai chẳng quản gì đến thân.

Lời bàn.— Thân danh được là bà quan mà có ngoại tình rất là xấu-xa nên tội. Đã có ngoại tình, lại còn những toan giết chồng, cái tội càng nặng biết đề vào đâu cho hết. Ngoan thay! thế mà vẫn chẳng ai biết, vẫn ra ngoài vòng pháp-luật.

Phận hèn tiểu thiếp mà biết giữ cho chồng

khỏi chết, vợ cả khỏi tội, hết lòng ủy khúc, chỉ cốt giữ cho gia-đình được êm ấm, khỏi ô-ước, không quản gì đến thân, cái chí cao như thế, cái đức dày như thế mà lại đến nỗi vừa phải đòn, vừa bị người ghét Than ôi! tình cảnh khắt-khe, nỗi oan ai tỏ.

Trong gia-đình nhà ông quan này, có một câu chuyện như thế, nhưng trong cả nước, cả thiên-hạ, còn có bao nhiêu câu chuyện cũng như thế. Xưa nay đã có biết bao nhiêu chi-sĩ nhân nhân, trung-thần liệt-nữ chỉ vì chân-lý, chỉ vì cứu người mà phải tù ngục oan ức đau khổ đến thân. Khổ nhục, oan ức, những bức ấy có coi vào đâu, miễn là đạt được mục-đích, dù không ai biết, cũng lấy làm vui, có sá kể chi thể-thái nhân-tình của thế tục. Tấm lòng trung nghĩa tinh thành của những bậc ấy đáng quý, đáng trọng biết là dường nào.

20. — Tiết-phụ

Vương-Ngưng đi làm quan ở châu Quốc, chưa được bao lâu thì mất, nhà thanh-bạch con thơ-ấu.

Sau vợ là Lý-thị lo-liệu đem con và mang di hài ông về quê. Khi qua huyện Khai-phong, đến một nhà trọ, người chủ trọ, thấy đàn bà con trẻ, có ý ngờ, không cho trọ. Còn Lý-thị thấy trời đã tối cứ kêu nài xin trọ, không chịu đi. Người chủ dặt tay đuổi ra. Lý-thị ngửa mặt lên trời, nước-nở kêu rằng:

« Ta làm đàn bà chẳng hay thủ-tiết để đến nỗi người ngoài cầm được cái tay này! Ta chẳng nỡ để vì một cái tay mà bán lấy cả thân ta. »

Nói đoạn, lập tức lấy búa tự chặt ngay cánh tay.

Người chung quanh đổ đến xem, ai trông thấy cũng kinh hãi cảm-động. Quan huyện Khai-phong đem việc ấy tâu lên với Triều-đình, rồi đưa thuốc chữa, cấp tiền-tuất cho Lý-thị và quở phạt người chủ nhà trọ.

Ngũ đại-sử

CHÚ-THÍCH. — Vương-Ngưng: Người đời nhà Tùy. — Thạch bạch: ý nói của cải không có gì, nghèo túng. — Thơ-ấu: trẻ dại ít tuổi. — Di hài: xác người chết đã tiêu đi ít nhiều, còn xương cốt sót lại. — Khai-phong: tên huyện ở tỉnh Hà-nam bây giờ. — Thủ-tiết: giữ trọn vẹn được cái tiết-hạnh với chồng, khi chồng đã mất. — Kinh hãi: sợ khiếp. — Tiền tuất: số tiền công cấp cho vợ con của người qua đời quá cố.

Ngũ đại-sử: Bộ sử chép việc năm nhà: Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy.

Lời bàn. — Người đàn-bà đã gọi thủ-tiết với chồng thì tất phải giữ không một người đàn ông ngoài nào mó vào được đến mình. Như Lý-thị đây để cho người chủ nhà trọ mó được vào tay, không phải là vì người ấy có ý tình gì, chính vì người ấy xưa đuổi không muốn chữa, mà cũng lấy làm đơ-bần, chặt ngay cánh tay, thì tưởng như có phần câu-nê quá. Tuy vậy cái tình đối với chồng vẫn là rất hậu đáng khen. Chẳng bù với những hạng đàn-bà voi giầy chồng chết, chẳng những lấy quạt quạt mồ, còn lấy vò mà đập sảng, hay chồng còn sống, cũng có biết bao nhiêu ngoại tình, năm bảy chồng khác lúc nào cũng nhớ chồng thì ít mà nhớ trai thì nhiều! Ở

đời vật-chất càng bành trướng thì nhân dục càng hoành lưu. Rồi đây, chuyện nam tử coi như sự khát nước; khát vớ được nước là uống, không cần nước nhà hay nước ngoài, nước sạch hay nước bẩn. Nguy lắm thay!

21. - Khoét mắt

Lư phu-nhân, vợ ông Phòng-huyền-Linh là người tuyệt đẹp và có đức-hạnh.

Ông lúc tuổi trẻ hàn-vi lắm. Một khi bệnh nặng tưởng đã sắp chết, ông gọi Lư-thị đến bảo rằng:

— Tôi bệnh nguy quá, nằng tuổi còn trẻ không nên ở vậy, hèn mà ăn ở tử-tế với người chồng sau.

Lư-thị nghe nói, nức-nổ khóc. Đoạn vào trong màn khoét một mắt bỏ đi, có ý tỏ cho chồng biết rằng dù chồng bất-hạnh có chết, cũng không chí lấy ai nữa.

Không bao lâu, ông Huyền-Linh khỏi bệnh.

Sau ông thi đỗ, làm quan đến chức Tề-tướng. Ông một niềm yêu mến, kính trọng Lư-thị vô cùng, không hề lấy người tì thiếp nào nữa.

Người ngoài cho thế là tại ông sợ Lư-thị có tính hay ghen.

Chính vua Đường Thái-tôn, muốn thử Lư-phu-nhân, một hôm cho Hoàng-hậu gọi vào bảo:

— Theo phép thường các quan to vẫn có tì thiếp. Quan nhà ta tuổi đã cao, vua muốn ban cho một người mỹ-nhân.

Lư-thị nhất quyết không nghe. Vua nổi giận, mắng rằng:

— Nhà ngươi không ghen thì sống, mà ghen thì chết.

Rồi sai người đưa cho một chén rượu, giả làm chén thuốc độc, phán rằng:

— Đã vậy thì phải uống chén thuốc độc này.

Lư-thị không ngần-ngại chút nào, cầm chén, uống hết ngay.

Vua thấy thế, nói:

— Ta cũng phải sợ, nữa là Huyền-Linh.

Lư-phu-nhân truyện

CHÚ-THÍCH.— Phòng-Huyền-Linh: danh-tướng đời nhà Đường. — Hàn-vi: nghèo hèn không có thế lực gì. — Bất-hạnh: chẳng may mà xảy ra. — Tề-tướng: chức quan đầu cả trăm quan. — Mỹ-nhân: người đàn-bà có nhan-sắc.

Lời bàn.— Tướng mình sắp chết, thấy vợ trẻ-trung, không muốn để cho vợ ở vậy, thế là quá thương yêu vợ, thế tất cho vợ lắm. — Sợ chồng tiếc đẹp, chết đi không dứt, mà khoét mắt để tỏ ra thành tật cho yên lòng chồng, thế là chí tình và nhất tâm với chồng lắm.

May khỏi bệnh, sau lại làm đến Tề tướng, ông chỉ biết có bà mắt khoét, không thiết gì đến tì-thiếp xinh đẹp, thế là ông muốn giữ cho được trọn vẹn cái tình đối với bà. Còn bà không muốn để cho ông có tì-thiếp, tuy gọi là thói ghen thương tình, nhưng cũng là vì chung tình với ông, không muốn cùng ai san-sẻ mối tình nữa. Quý thay! Đôi vợ chồng này,

chân tình và chí tình, suốt đời kính yêu nhau, vợ chỉ biết có chồng, chồng cũng chỉ biết có vợ, chồng một vợ một, không những thoát khỏi cái nạn đa nhân duyên nhiều đường phiền não mà còn gây được cái hạnh-phúc lâu dài cho thân, cho gia-đình, cho con cháu sau nữa.

22.— Vợ xấu

Vợ Hứa-Doãn là Nguyễn-thị nhan-sắc kém lắm. Khi Hứa-Doãn mới lấy về, làm lễ cưới xong, trông thấy vợ xấu muốn lập tức bỏ đi thẳng, bèn hỏi Nguyễn-thị rằng:

— Đàn bà có « tứ-đức », nàng được mấy đức?

Nguyễn-thị thưa: Thiếp đây chỉ kém có « dung » mà thôi. Rồi liền hỏi:

— Kê sĩ có « bách-hạnh », dám hỏi chàng được mấy hạnh?

— Hứa-Doãn đáp: Ta đây đủ cả bách-hạnh.

— Nguyễn-thị nói: Bách-hạnh thì « Đức » là đầu, chàng là người hiếu sắc, không hiếu đức, sao lại bảo là có đủ bách-hạnh được?

Hứa-Doãn nghe nói, có sắc thẹn. Tự bấy giờ hai vợ chồng bèn yêu mến, kính trọng nhau suốt đời.

Thế-Thuyết

CHÚ-THÍCH.— Hứa-Doãn: Người đời nhà Tống có tài văn-chương thi đỗ Tiến-sĩ, làm quan chính sách rất hay.

lòng dân cảm phục. — Nhan sắc: sắc đẹp ngoài mặt. — Tứ đức: bốn đức của đàn-bà: 1) hạnh (tính hạnh). 2) ngôn (lời ăn cách nói). 3) dung (dáng điệu về người). 4) công (việc làm ăn). — Kê sĩ: nói người có học thức. — Bách hạnh: trăm nết hay. — Đức: việc làm mà trong lòng tâm được yên thỏa sung-sướng. — Hiếu sắc: ưa thích gái, say mê gái đẹp.

Lời bàn.— Thường tình người ta từ xưa đến nay, ai cũng thích đẹp, chuộng đẹp. Xem như câu Đức Khổng-Tử nói: « Ngộ vì kiến hiếu đức như hiếu sắc giả dã » thì đủ rõ. Tuy vậy, cái đẹp có hạn, cái nết vô cùng. Thế gian, những kẻ đem cái đẹp mà thờ người, mua chuộc lòng người, đến khi cái đẹp kém xuân, thường phải người ta cư xử ra tình phụ bạc. Đến như cái nết thì êm đềm thấm thía, cảm hóa được người, khả dĩ làm cho người ta càng biết, càng thân yêu, càng thân yêu càng kính phục, vì thế mà thường được trọn vẹn suốt đời.

Vợ Hứa-Doãn đây lạnh trí khôn lắm thật. Chỉ một câu nói mà làm cho tan hết được nỗi bất bình của chồng và khiến cho chồng suốt đời phải yêu vì cái duyên lặn vào trong. Thế chẳng phải là « cái nết đánh chết được cái đẹp » là gì.

Nhưng được những người như vợ Hứa-Doãn rất là hiếm vậy. Ở đời kẻ đã được mấy tay có thể lấy đức mà thay sắc hay thường khi đã xấu người lại thêm xấu cả nết nữa.

23.— Ghen cũng phải yêu

Hoàn-Ôn trước đã có vợ là Nam-Khang công-chúa, con gái vua Minh-đế nhà Hán. Sau Hoàn-Ôn sang đánh dẹp được nước Thục lại lấy con gái của

Lý-thế là một nhà quyền qui nước Thục mang về làm thiếp.

Lúc về nhà, công-chúa biết chuyện, nổi cơn ghen, liền cầm gươm và đem theo mấy người nàng hầu, xâm xâm đến, chực chém chết Lý-thị. Lúc đến nơi, công-chúa thấy Lý-thị ngồi trước cửa sổ chải đầu, tóc rũ chấm đất, dung nhan tư mạo đoan trang tươi đẹp. Lý-thị thông thả vấn tóc, lượm tay, đến trước công-chúa thưa rằng:

— Nước tôi mất, nhà tôi tan, tôi quả vô tâm mà hóa ra đến đây. Được bà chém cho, thật cũng thỏa lòng tôi mong mỏi.

Lý-thị, khi nói, mặt trông nghiêm-chính ung-dung, tiếng nghe êm-dềm thấm thía.

Công-chúa thấy vậy, ném gươm xuống đất, ôm lấy nàng mà nói rằng:

— Này em ơi! Chị đây thấy em còn phải yêu, phải thương, huống chi là lão già nhà ta.

Rồi tự dấy, công-chúa rất trọng đãi Lý-thị.

Thế-Thuyết

CHÚ-THÍCH — Hoàn - Ôn: người đời nhà Tấn, làm quan đến chức Đại-tư-mã, uy-quyền lừng lẫy thường hay nói câu: «Tôi trai chẳng có thể đề tiếng thơm trăm đời cũng nên đề tiếng xấu muôn năm. (1).— Thục: nước ở vào vùng Thành-đô, thuộc tỉnh Tứ-xuyên ngày nay.— Nhà

(1) Câu chữ Hán là:

Nam tử bất năng lưu phương bách thế,
diệc đương di khứu vạn niên.

quyền qui: người quyền-thế sang trọng — Fung-nhan: đáng điệu, vẻ mặt Tư-mạo về người, nét mặt. — Đoan trang: ngay ngắn, nghiêm-trang. — Nghiêm-chính: nghiêm-trang đứng đắn. — Trọng đãi: xử một cách rất tử tế hậu-hĩ. Thế-thuyết: pho sách của Lưu nghĩa-Thánh đời Tống soạn nói những chuyện vụn-vật tự đời Hậu-Hán đến Đông-Tấn.

Lời bàn. — Phận hồng-nhan số bạc mệnh, đã phải cảnh nước phá, nhà tan, quân ciru-dịch bắt hiếp về làm tỳ-thiếp, mà nào đã yên, lại còn nổi gập tay vợ cả phũ-phàng, xâm xâm đến những chực mổ mề, móc gan, bóc xương, lột xác. Đau-đớn thay phận đàn-bà thật! Thương thay! Lý-thị nào phần thù riêng, nào phần nghĩa công lo phiền uất-ức, trăm mối bên lòng, sống cũng là thừa người yêu ta xấu, thì thà rằng chết trẻ còn hơn. Cho nên câu Lý-thị nói với công-chúa khi-khái ràn ra ngoài lời nói, tưởng một liều, ba bảy cũng liều cho xong. Nào ngờ, vì chính câu nói khi-khái mà mềm-dẻo ấy lại thêm được cái vẻ nghiêm-nghị mà khiến cho người đang giận dữ phải dẹp ngay nổi bất-bình, đang ghét ghen lại hóa ngay ra chiều thân ái.

Ta chắc xem câu chuyện này, chẳng những các bà có tính ghen với cây, hờn cùng bóng, thành ra có lượng bao dong rộng-rãi, mà nam-nhi ta, những phường giá áo túi cơm, bội gốc, quên nguồn, cũng phải sinh lòng khảng-khái vậy.

24. — LỜI CON CAN CHA

Diễn-Văn là con Diễn-Anh, ít tuổi mà cực khôn ngoan, thấy cha làm quan hay vụ lợi riêng, một hôm thừa-nhàn, hỏi cha rằng:

- Con đưa con gọi là gì?
- Cha nói: gọi là cháu.
- Cháu đưa cháu gọi là gì?
- Gọi là chút.
- Chút đưa chút gọi là gì?
- Ai biết gọi là gì được...

— Cha làm tướng một nước Tề đến nay trải đã ba đời vua, giàu có hàng ức vạn mà môn-hạ không thấy có một người nào là *hiền tài* cả. Con nghe nhà quan tướng võ, tất có quan tướng võ giỏi, cửa quan tướng văn, tất cả quan tướng văn giỏi. Nay cha áo mặc gấm vóc mà người giỏi trong nước vẫn rách-rưới, *tôi-tớ* thừa ăn mà người giỏi trong nước vẫn đói khát. Cha quên hết cả việc công ích hiện thời của dân, của nước, chỉ chăm-chăm *súc-tích* của cải muốn để dành cho những kẻ sau này không biết gọi nó là gì! Con trộm nghĩ như thế thì thật là quái lạ lắm...

Sứ-ký Mạnh-Thường-Quân truyện

CHÚ-THÍCH.— Thừa-nhàn: nhân dịp thư thả.— Môn-hạ: những người làm thân-hạ, một nhà quyền-quy.— *Hiền tài*: người có đức, người làm được việc.— *Tôi-tớ*: đây là chỉ cả người nhà, cùng bọn ti thiếp.— *Súc-tích*: chứa-chất cho nhiều.

Lời bàn.— Người ta ai là chẳng vì con vì cháu mà cố sức làm ăn, mà *súc-tích* tiền của. Cái sự lo cho mình xong đến lo cho con cái cháu-chắt họ-hàng là cái lối đi rất có thứ tự tự-nhiên. Tuy vậy, ai cũng nên biết có nhà, có họ, nhưng lại

còn có nước, có xã-hội nữa. Cho nên cái sự mưu cho nhà, cho họ cũng có chế-hạn để còn có tâm, có sức mưu cho người cùng giống, cùng nòi, cùng ở chung một nước, cùng sống trong một thời với mình. «Đời cua cua máy, đời cây cây đào» ta lo quá xa mà cứ đem thân làm trâu ngựa giúp cho đến đứa cháu mấy mươi đời về sau này, sao cho bằng ta lo ngay cho bao nhiêu sinh-linh mắt ta trông thấy khổ hàng ngày. Để của lại sau này, sáu xuống không biết đến đâu là đáy, mà của ấy thường một hai đời đã hết, so với làm ơn rộng ra ngay hiện thời, ơn ấy đến đâu thấm đến đâu, thì bằng nào hơn. Câu Điền văn hỏi cha rồi giảng giải như bài này thực là một bài học hay cho những người có tính cách cá-nhân chỉ biết có người máu mủ trong một nhà mà không có độ-lượng biết đến những người trong cả làng, cả nước, cả xã-hội, nhân-loại vậy.

25.— Một cách để lại cho con cháu

Bàng-công tình điềm-đạm, không mấy khi bước chân tới chốn tỉnh thành. Hai vợ chồng ở nhà chăm chỉ làm ăn và thường kính nhau như khách vậy.

Một hôm Lưu-Biểu tìm đến chơi. Bàng-công đang cày dưới ruộng, bỏ cày lên bờ nói chuyện, còn vợ con vẫn cứ ở dưới đồng.

Lưu-Biểu thấy thế, hỏi rằng:

— Sao tiên-sinh khổ thân cày cuốc, chẳng chịu ra kiếm chút quan lộc, sau này lấy gì để lại cho con cháu?

— Bàng-công nói: Người đời ai cũng lấy «nguy»

để cho con cháu, duy chỉ tôi đây là lấy « an » để cho con cháu mà thôi. Cách để lại cho con cháu, tuy khác nhau, nhưng thực thì đằng nào cũng gọi là để cả.

Lưu-Biêu nghe nói, than-thở rồi từ đi.

Hậu-Hán thư

CHÚ-THÍCH.— **Điềm-đạm**: yên-tĩnh không cấp-bách nòng nân.— **Bàng-công**: tức là Bàng-Đức công, người hiền ở đất Tương-dương, đời Đông-hán không chịu ra làm quan vào ăn ở núi Lạc-môn, hái thuốc và làm ruộng kiếm ăn với vợ con.— **Kính** như khách: yêu mến mà không dám khinh lờn, cư-xử với nhau như bậc khách quý vậy, điều này lấy ở câu Phụ-phụ tương kính như lân.— **Lưu-Biêu**: người đất Cao-bình đời Đông-Hán làm Thứ-sử ở Kinh-châu có bụng yêu dân, trọng người tài giỏi.— **Khô thân**: để cho thân mình khô nhọc vất vả.— **Quan-lộc**: lương bổng của một chức quan.— **Nguy**: nghèo nàn, hiểm, hại.— **An**: yên ổn vững bền.

Lời bàn.— Ông cha ai là chẳng lo để tài-sản lại cho con cháu Nhưng lo cũng tùy cách, tùy thời. Thói thường ở đời ai nấy lo để cho con cháu, đều theo như câu của Lưu-Biêu chỉ cốt lo sao cho chúng có chút danh-phận, tài-sản tự-rưng đã là mãn-nguyên lắm. Cách lo ấy cũng là chính đáng Nhưng khi sinh vào thời loạn như cái thời Bàng-công, Lưu-Biêu đây, Tam-Quốc phân tranh thì tưởng lo như thế, là chỉ mới biết lo cái ngọn mà không chịu nghĩ đến cái gốc. Phàm ở thời loạn: « Khó làm thế nào giữ được đầu, giàu làm thế nào giữ được của » quan càng to, của càng nhiều thì nguy càng lắm. Trong khi bè nầy đảng nọ xô-xát nhau, hay ngoại xâm tàn phá, cướp trộm tư-tung đòi tiền bắt cóc, thì cha mẹ để cho con cháu bao nhiêu của-cải bao nhiêu kho tàng, phỏng có chắc rằng con cháu giữ nổi được

không? Chỉ bằng làm như Bàng-công đây chỉ lo dạy cho chúng có nghề-nghiệp, biết giữ phận, cố tiến thủ, thế cũng yên vui sung-sướng rồi. Cái cách để lại cho con cháu ấy ở thời loạn là hay mà ở thời bình cũng là hay lắm vậy.

26.— Một cách lo xa cho con cháu

Sơ-Quảng đời nhà Hán, làm quan tri-sĩ về, được vua ban cho nhiều vàng lụa.

Con cháu cụ thấy thế, bèn cậy những người già cả trong họ đến nói với cụ lập nhiều cơ-nhiệp và mua ruộng đất.

Một hôm, nhân lúc thư nhàn, những người già cả đem câu chuyện làm giàu cho con cháu thưa lại để cụ nghe, thì cụ nói rằng:

« Ta tuy già lão, há lải không nghĩ đến con cháu hay sao. Hiện ta cũng đã có ít ruộng-nương, cửa nhà cũ của tiền-nhân để lại. Con cháu ta mà chăm chỉ vào đấy thì cũng đủ ăn, đủ mặc bằng người được rồi. Nếu bây giờ, ta lại làm giàu thêm cho chúng để cho thừa-thãi dồi dào, thì là ta chỉ làm cho chúng lười biếng thêm ra thôi. Người giỏi mà sẵn có nhiều của, thì kém mất chí hay; người ngu mà sẵn có nhiều của thì càng thêm tội lỗi. Vả chẳng của cải mà chứa nhiều thì chỉ tổ làm cho người ta oán. Ta đã không có gì giáo-hóa được con cháu ta thì ta cũng không nên làm cho chúng có nhiều tội lỗi và để thiên-hạ ai-hoán chúng cho thêm phiền.

Những của-cải ta đang có đây là ơn của vua trên hậu đãi người bầy-tôi già lão, ta chỉ muốn cùng cả anh em, bà con, họ hàng, làng-nước cùng hưởng chung cái ơn ấy để trọn tuổi trời, chẳng cũng là phải ư?»

Người trong họ nghe nói thế, ai nấy đều cảm phục.

Hán-thư Sơ-Quảng truyện

CHÚ-THÍCH.— Trí-sĩ: thôi làm quan về nhà nghỉ.— Cơ-nghiệp: của-cải, nhà, ruộng và công việc làm ăn.— Thư-nhân: không có việc bận, được rỗi thời giờ.— Tiên-nhân: ông cha trước ta.— Giáo-hóa: dạy dỗ cảm hóa.— Hậu-dãi: xử một cách hậu-hĩ.— Cảm phục: cảm động, và thật chịu là phải.

Lời bàn.— Con cháu mà ngày sau chúng được bằng mình hay hơn mình, thì mình không cần phải làm giàu cho chúng. Nhược bằng chúng kém mình, mà mình lại đem thân làm trâu ngựa để làm giàu cho chúng thì chẳng những khổ cái thân mình và không được việc gì cho chúng mà lại còn khiến cho chúng phạm vào bao nhiêu tội ác nữa.

Như Sơ-Quảng đây không phải là không biết lo cho con cháu, nhưng cái lo của cụ chỉ là lo cho chúng đủ ăn, đủ mặc, giáo hóa cho nên người biết làm ăn, biết lo nghĩ, biết tiến thủ mà thôi. Tuy cụ không đề nhiều của cho con cháu, tránh được một cái mối oán của thiên-hạ, mà cụ lại còn đem cái dư ra để cùng hưởng với cả mọi người họ hàng, làng nước, thì tức là cụ để cái đức là của vô hình và vô giá lại cho con cháu sau. Người ăn thì còn, con ăn thì hết. Lo cho con cháu như thế chẳng là một cách biết lo xa và lo sâu ư?

27.— Thấy trò dạy nhau

Thường-Tung yếu.

Lão-Tử đến thăm, hỏi rằng:

— Tôi xem ra tiên-sinh mệt nặng. Dám hỏi tiên-sinh còn có câu gì để dạy đệ-tử chúng con nữa không?

Thường-Tung nói: Qua chỗ cổ-hương mà xuống xe, người đã biết điều ấy chưa?

— Lão-Tử thưa: Qua chỗ cổ-hương mà xuống xe, có phải nghĩa là không quên nơi quê cha đất tổ không?

— Ừ phải đấy.— Thế qua chỗ có cây cao mà bước rảo chân, người đã biết điều ấy chưa?

— Qua chỗ cây cao mà bước rảo chân, có phải là kính những bậc già cả không?

— Ừ phải đấy.

Thường-Tung há miệng ra cho Lão-Tử coi và hỏi rằng:

— Lưỡi ta còn không?

— Lão-Tử thưa: Còn.

Thường-Tung lại há miệng cho Lão-Tử coi nữa và hỏi rằng:

— Răng ta còn không?

— Lão-Tử thưa: Rụng hết cả.

— Thế người có rõ cái lý-do ấy không?

— Ôi! Lưỡi mà còn lại, có phải tại lưỡi mềm không? Răng mà rụng hết, có phải tại răng cứng không?

— Ủ, phải đấy. Việc đời đại-dễ như thế cả. Ta không còn gì để nói cùng các người nữa.

Thuyết-Uyển

CHÚ-THÍCH.— Tiên-sinh : tiếng học trò gọi thầy, hay gọi người đáng yêu đáng quý. — Đề-tử : học trò. — Cổ-hương : chỗ làng mình sinh trưởng ở đấy. — Cây cao : đời cô, lúc một nước mới lập thành thì phàm những miếu, xã, đường, đền đều có trồng những cây quý cả. Nước càng lâu dài, thì cây càng cao và cổ, bởi thế nên quý cây cao. — Bước rảo : bước đi mau. — Đại-dễ : tóm lại, như nghĩa chữ đại-khải.

Lời bàn — Quê-hương là nơi ông cha mình ở đấy, chính mình cũng sinh trưởng ở đấy. Biết kính quê-hương, tức là biết xứ sở mình mà không quên nguồn gốc. — Cây cao tất là cây mọc đã lâu năm, trông thấy cây cao bóng cả ở miếu xã đường đền mà tỏ lòng kính-trọng, tức là nhớ công khai-thác của tiền-nhân mà có tâm ái-quốc. Người đã biết hai điều ấy tất là người có bản-lĩnh, có thể trông cậy được rồi. Tuy vậy, vẫn chưa đủ. Người ta ở đời không phải chỉ quay mắt nhìn về trước là xong, cốt phải liên-can với những người hiện thời nữa. Mà trong cách liên-can ấy ở ấy, thì không gì bằng khiêm nhã mềm dẻo. Xưa nay thường dạy như thế : « Dịu hơn là xướng », « Lạt mềm buộc chặt » Đến như bài này, lấy cái răng, cái lưỡi làm thí dụ, lại đặt vào lúc người hấp hối dặn lại, thực là một bài dạy ta thấm thía đến nơi, khiến ta phải cảm-động mà biết cố thực hành vậy.

28.— Lưỡi vẫn còn

Trương-Nghi lúc hàn-vi, thường hay hầu rượu tương nước Sở.

Một hôm, tương nước Sở mất ngọc bích, môn-hạ ai nấy đều ngờ cho *Trương-Nghi*, và đánh đập *Nghi* tàn-nhẫn. *Trương-Nghi* không phục tình. Lúc được tha trở về nhà, vợ thấy thế bảo rằng :

— Than ôi ! giá chàng học hành biết *du-thuyết*, thì không đến nỗi nhục-nhẫn như thế này !

— *Trương-Nghi* há mồm to, hỏi vợ rằng :

— Nàng thử xem cái lưỡi của ta có còn không ?

— Vợ cười, nói : Lưỡi vẫn còn.

— *Trương-Nghi* bảo : Thế thì được.

Rồi sau *Trương-Nghi* quả nhiên thành ra một nhà *du-thuyết* giỏi có tiếng thời bấy giờ.

Trương-Nghi truyện

CHÚ-THÍCH.— *Trương-Nghi* : Người nước Ngụy là một nhà *du-thuyết* giỏi đời Chiến-quốc. — *Hàn-vi* : lúc còn nghèo hèn, không ai biết đến. — *Ngọc bích* : thứ ngọc đẹp, nhẵn hình tròn và có lỗ. — *Phục tình* : chịu cho thế là phải, là đúng sự thực. — *Du-thuyết* : ngôn luận một cách khôn khéo, khiến người phải xiêu lòng nghe theo. Tiếng xưa dùng để chỉ những người có tài biện-luận về việc chánh-trị, giao-thiệp các nước chư hầu đời Chiến-quốc.

Lời bàn.— Phàm người ta thường có bị sỉ-nhục, thì mới phẫn-chí. Khi đang phẫn-chí mà có ai khích

cho một câu, thì tất phải cố công, gắng sức làm cho rửa được cái nhục và nên công, nên việc mới nghe.

Trương-Nghi đây sở dĩ mà thành được một nhà du-thuyết giỏi, tuy là tự tài mình làm nên, nhưng cũng là vì có kẻ làm nhục, lại nhờ có vợ khuyến-khích thêm cho nữa. Vậy nên ở đời những kẻ thù nghịch sỉ-nhục mình thường có khi lại chính là kẻ giúp cho mình làm nên vậy.

29 — Không chịu nhục

Đời vua Trang-công nước Tề, có một chàng tên là Tân-ti-Tu đêm nằm thấy một người to lớn mặc quần gai, áo vải, đôi mũi trắng, đi giày mới, đeo thanh gươm tự đứng vào tận nhà vắng, rồi nhổ vào mặt.

Chàng ta giật mình, sức tỉnh dậy, tuy biết là chuyện chiêm bao, chàng ta vẫn tức, ngồi suốt đêm, lấy làm bức-dọc khó chịu lắm.

Sáng hôm sau, chàng ta mời một người bạn thân đến và nói rằng:

— Bác ơi! từ thuở bé đến giờ, tôi vẫn là người hiếu dưỡng, đến nay đã sáu mươi tuổi, chưa hề phải đưa nào tởa nhục bao giờ. Thế mà đêm qua phải một đưa nó làm nhục. Tôi định tìm kỳ được đưa ấy để báo thù mới nghe. Nếu tôi tìm thấy nó thì hay, nếu không tìm thấy, thì tôi chết mất.

Rồi từ hôm đó cứ sáng nào chàng ta cũng cùng người bạn ra đứng ngoài đường cái để rình. Rình đã ba ngày mà không thấy đâu, chàng ta về nhà uất lên mà chết.

Như câu chuyện này mà ta cho là phải thì chưa chắc đã là phải. Tuy vậy, cứ xem một cái tâm không chịu nhục ở trong chuyện, thì đã có cái gì hơn được thế chưa!

Lã-thị Xuân-thu

CHÚ-THÍCH. — Hiếu dưỡng: thích dùng sức khỏe không chịu kém người. — Tởa nhục: làm ức, làm cho mất thể diện. — Uất: bức tức quá chừng, không hãm lại được.

Lời bàn. — Tác-giả kể chuyện rồi bàn một câu ở dưới như thế cũng là đủ.

Quả vậy, xem chuyện này, không cho là phải được, là vì tức ai, chứ tức một người gặp trong lúc chiêm-bao mơ ngủ thì là tức hão-huyền, tức cái không đáng tức.

Nhưng tựu trung, câu chuyện lại có một điều thật rất đáng phục là chính thâm ý câu chuyện muốn nâng cao cái lòng biết nhục, biết lấy liêm sỉ làm trọng. Ôi! trong khi giấc ngủ mơ-màng, bị người ta làm nhục, còn không chịu được, thì trong khi thật tỉnh táo rõ-ràng mà bị người ta làm nhục, thì đáng như thế nào?... Thế mà lại thay ở đời có lắm kẻ hoặc ham mê danh-lợi, hoặc quen thói tôi đòi, chôn hết cả liêm-sỉ, chịu hết mọi nỗi nhục-nhẫn để-nên, không bút nào tả cho xiết được mà vẫn hơn-hở như không. Đối với những hạng không biết nhục, Tân-ti-Tu đây thực đáng là một cái gương soi sáng sâu vào đến tâm não họ vậy.

30 - Câu nói của người đánh cá

Vua Văn-công nước Tấn đi săn ham đuổi một con thú mãi theo quá chân, thành lạc vào trong cái chằm lớn không biết lối ra.

Vua gặp một người đánh cá, bèn bảo rằng:

— Ta là vua đây. Ta lạc đường, nhà ngươi chỉ lối cho ta ra, rồi ta hậu-thưởng.

— Người đánh cá nói: Bầy tôi muốn dâng nhà vua một câu.

— Vua bảo: Cứ đưa ra khỏi chằm đã, rồi muốn nói gì hãy nói.

Khi người đánh cá đưa vua ra khỏi chằm, vua phán rằng:

— Nào câu gì nhà ngươi muốn nói với quả-nhân lúc này thì nói nghe đi.

— Người đánh cá thưa: Chim hồng chim học ở bờ sông bờ bãi, chán sông bãi mà vào đầm thời tất mắc phải dò bẫy. Thuồng-luồng ba-ba ở đáy vực sâu, chán vực sâu mà ra chỗ bãi nóng, thời tất bị phải chài lưới. Nay nhà vua đi săn, sao quá chân vào đến tận đây như thế?

— Vua Văn-công bảo: Người nói phải lắm.

Đoạn, ngoảnh lại truyền quan hầu ghi tên người đánh cá để sau ban thưởng.

Người đánh cá nói:

— Nhà vua bảo ghi tên bầy tôi làm gì. Xin nhà vua cứ tôn kính thiên-địa, xã tắc, phòng giữ biên-thùy thương yêu muôn dân, đánh nhẹ thuế má, tự khắc là bầy tôi được dự hưởng ơn huệ của nhà vua rồi. Nếu nhà vua chẳng tôn-kính thiên-địa, xã-tắc chẳng phòng giữ biên-thùy, chẳng chăm công việc bên ngoài không khéo xử với các nước, bên trong mất cả lòng muôn dân, đến đến nước mất dân khổ, thì dù bầy tôi có được hậu thưởng, cũng không thể sao giữ mà hưởng một mình được.

Người đánh cá cố từ, xong rồi lại nói:

— Xin vua mau-mau về nước, tôi đây cũng về chỗ kiếm cá của tôi.

Tân tự

CHÚ-THÍCH. — Văn-công: vua giỏi nước Tấn về đời Xuân-thu. — Tấn: nước to đời Xuân-thu ở vào tỉnh Sơn-tây ngày nay. — Chằm: một làn nước rộng xung quanh có nhiều cây cỏ. — Hậu thưởng: thưởng một cách hậu-hĩ. — Quả-nhân: người ít đức, tiếng vua dùng từ xưng mình một cách khiêm-tốn. — Hồng: loài chim ở bờ sông, bãi bãi, lưng xám cánh đen, bụng trắng, tính hung dững và nhanh nhẹn. — Học: loài ngỗng trời, toàn thề sắc trắng hay vàng, bay cao tiếng kêu to. — Xã-tắc: xã: nền đất để tế Hậu thổ (Thần đất), tắc: nơi tế Thần lúa. Xã tắc dùng có nghĩa như Quốc-gia. — Biên-thùy: chỗ bờ cõi hai nước giáp giới nhau.

Lời bàn. — Người đánh cá đây là người hiền có ý khuyên vua Văn-công hai điều là: không nên say mê chơi-bời săn bắn quá độ mà có khi hại đến tính mệnh; hết đạo làm vua cho dân được nhờ và nước khỏi mất.

Còn người đánh cá từ chối không nhận thưởng

nói cái lẽ như thế cũng là lo xa nghĩ sâu và phải lắm vậy. Quả thế khi tổ chim đã đồ thì trong còn có cái trứng nào lành; nước đã bị phá tan hay xâm chiếm thì nhà toàn-ven sao được để mình còn hồng riêng hưởng cuộc yên vui; đời được thái-bình thì quý bằng bao nhiêu ân thưởng, tâm không phiền lụy thì sung-sướng bằng bao nhiêu công-danh.

31. — Vua tôi bàn việc

Vũ-hầu nước Ngụy cùng với quần-thần bàn việc, việc gì vua bàn cũng phải, quần-thần không ai giỏi bằng.

Lúc lui chầu, Ngụy-hầu ra dáng hớn hờ lắm.

Ngô-khởi bèn tiến lên nói

— Cạn thần đã ai đem câu chuyện Sở Trang-vương nói cho nhà vua nghe chưa?

Vũ-hầu hỏi:

— Câu chuyện Sở Trang-vương thế nào?

Ngô-khởi thưa:

— Khi Sở Trang-vương mà bàn việc phải hơn quần-thần, thì lúc lui chầu lo lắm. Có người hỏi: Sao vua lại lo? — Sở Trang-vương nói: Ta bàn việc mà quần-thần không bằng được ta, cho nên ta lo. Cồ-nhân có câu: « Các vua chư-hầu ai có thầy giỏi, thì làm được vương; ai có bạn giỏi, thì làm được bá; ai có người quyết đoán cho mọi việc ngờ-vực, thì còn nước; ai bàn việc không còn ai bằng mình,

thì mất nước ». Ta nghĩ ngu như ta mà quần-thần cũng không ai bằng thì nước ta có lẽ mất. Bởi thế ta lo...

Ấy cũng một việc giống nhau. Sở Trang-vương thì lo mà nhà vua thì mừng.

Vũ-hầu nghe nói áy-náy vái tạ và nói rằng: Trời sai nhà thầy đến bảo cái lỗi cho ta.

Tử-Tuân

CHÚ-THÍCH. — Ngô-khởi: người nước Vệ thời Chiến-quốc trước làm tướng vua nước Ngụy, sau làm tướng vua nước Sở, là một nhà dùng binh giỏi có tiếng. — Cạn thần: những bầy, tôi ở gần vua. — Vương: chúa tể. — Bá: vua đàn anh các vua nước chư-hầu.

Lời bàn. — Người làm chúa tể một nước tất là người tài giỏi hơn người, sáng công việc hơn người. Tuy vậy, khi đã dùng quân-thần, là muốn mong cậy quần-thần, còn có nhiều khi giúp được mình như người ngoài giúp nước cờ vậy. Nếu mà quần-thần không có ai hơn mình cả, thì là bọn a-dua ăn hại còn mong cậy gì được mà chẳng đáng lo. Nén lời Ngô-khởi nói đây rất là phải. Đã hay rằng người ta ở đời phải cầu ở mình hơn nhờ ở người, nhưng lắm lúc cũng phải có tả phụ hữu bậc mới lo toan được công việc lớn. Những bậc vua chúa cần phải có thầy giỏi, tôi hay là vì cái lẽ ấy.

Truyện này cũng giống câu trong « Quốc-sách » có nói: « Đế-giả cùng ở với thầy, vương giả cùng ở với bạn, bá-giả cùng ở với bầy tôi, vua vong quốc chỉ cùng ở với hạng đầy-tớ ».

32.— Khó được yết-kiến

Tô-Tần sang nước Sở, châu-chực suốt ba ngày mới được vào yết-kiến vua Sở.

Đến khi được yết-kiến, nói xong câu chuyện là xin cáo-biệt ngay.

Vua bảo: Quả-nhân nghe tiếng tiên-sinh quý như nghe tiếng một bậc cổ-nhân. Nay tiên-sinh đã không quản xa-xôi, đến chơi với quả-nhân, lại không chịu ở lại là có làm sao?

— Tô-Tần thưa: Tôi xem ra bên nước Sở ta đồ ăn đắt hơn ngọc, củi thối đắt hơn quế, quan khó được trông thấy như ma, vua khó được yết-kiến như trời. Nhà vua nay muốn bắt tôi ở lại ăn ngọc, thối quế, nhờ ma để thấy trời hay sao?

— Vua nói: Xin mời tiên-sinh cứ ở lại. Quả-nhân nghe đã hiểu ra rồi.

Chiến-Quốc sách

CHÚ-THÍCH. — Tô-Tần: một nhà du-thuyết giỏi thời Chiến-quốc đi nói sáu nước đồng-minh để kháng-cự nước Tần.— Yết-kiến: xin vào hầu, vào ra mắt.— Cáo-biệt: nói đề từ biệt về.— Tiên-sinh: (xem bài số 27).— Quả-nhân: (xem bài số 30).— Cổ-nhân: đây là nói người hiền-tài đời cổ.

Lời bàn.— Lắm người có được chút quyền chức khiến cho người khác phải cầu đến mình thì tự làm ra khó khăn hình như không muốn cùng ai xúc-tiếp nữa.— Họ làm như thế, tưởng là nâng giá trị mình cho cao lên, có biết đâu lại là làm cho chức quyền mình kém đi vậy. Vì khi đã làm khó, ít

cho người đến gần, tức là lấp đường không cho chân-lý không cho điều khuyết-diêm của chức-vụ mình đạt được đến mình nữa. Ôi! như Tô-Tần là bậc tài giỏi mà vua Sở làm cho khó yết-kiến thì chỉ có phần thiệt cho vua, chứ có hại gì cho Tô-Tần. Thế mới hay người chúa tể một quốc-gia, lãnh đạo một dân-tộc, cần phải tôn hiền hạ sĩ, trọng dụng nhân tài để đồng-tâm hợp-tác thì mới mong thành-công được, nếu thông-minh tự dụng thì chỉ hại cho dân cho nước mà thôi.

33 — Không phục nước Tần

Nước Tần để đánh nước Ngụy.

Vua Ngụy sợ sai Tân-Viên-Diên sang nói với vua Triệu, ý muốn cùng tôn nước Tần lên làm đế để đỡ việc chiến-tranh.

Lỗ-Trọng-Liên được tin ấy, đến bảo Diên rằng:

— Nước Tần là nước bỏ hết cả lễ nghĩa, chỉ chăm dùng võ-lực chinh-chiến, như thế mà tôn làm đế, thì thực là không còn ra sao nữa. Tần sau này mà thắng thế, có làm được đế, thì Liên đây đành bước ra bể đông mà chết, chứ không chịu làm dân nước Tần.

Diên đứng dậy nói rằng:

— Tôi nay mới biết tiên-sinh là bậc thiên-hạ-sĩ. Từ rày tôi không dám nói tôn nước Tần, làm đế nữa.

Chu-Thư

CHỮ-THÍCH.— Tân-Viên-Diển: tướng-quân nước Ngụy về thời Chiến-quốc.— Đế: hiệu gọi một người làm vua nhất thống cả nước Tần.— Lỗ-Trọng-Liên: người nước Tề về thời Chiến-quốc, tính khảng-khát, cao-thượng, thích vì người bài phán, giải nạn, vua Tề phong tước ông không nhận, khi Tần nhất thống, ông ra ẩn ở bề Đông.— Thông thế: thế mạnh, lẫn át được các nước khác.— Thiên-hạ-sĩ: bậc học-thức tài-đức có tiếng trong thiên-hạ.

Lời bàn.— Khi thấy một nước mạnh hơn nước mình, mà mình cần giao hiếu, thì cũng là thường tình, vì như thế tức là vừa giữ cho mình còn lại, vừa được, thêm vây cánh nữa. Nhưng mình phải biết khi giao hiếu với nước tàn-bạo mà chiều họ tức là như mình muốn xui giục cho họ càng tàn bạo thêm lên. Điều ấy rất không nên, vì như thế chẳng những không lợi gì cho mình mà lại thường nguy cho mình nữa. Họ đã tàn-bạo, tất họ không để mình yên, mà dù cho họ có để mình yên nữa, thì cái trợ tàn bạo không bền được lâu, chẳng bao lâu họ đổ thì mình tất cũng phải đổ theo.

Lỗ-Trọng-Liên nói trong bài đây, dù sau có phải tự đem thân ra ẩn bề Đông, thế nhà Tần quả cũng như lời Trọng Liên đã nói, không được bền lâu, chỉ qua hai đời trong vòng bốn mươi năm là mất.

34 — Cây người không bằng chắc ở mình

Văn-Công nước Đổng hỏi thầy Mạnh-Tử rằng:

— Nước Đổng ta là một nước nhỏ ở vào khoảng giữa nước Tề và nước Sở là hai nước lớn. Kẻ phạn thì phải chiều cả hai nước, nhưng kẻ sức thì

không thể chiều được cả. Chiều nước Tề chẳng? Chiều nước Sở chẳng? Ta thực không biết nên nương tựa vào nước nào để cho nước ta được yên nhà, ổn, thầy mưu tính hộ cho ta.

Thầy Mạnh-Tử thưa:

— Phàm việc mà cứ trông cậy vào người thì không thể chắc được. Chiều Tề thì Sở giận, chiều Sở thì Tề giận; mưu ấy chúng tôi không thể nghĩ kịp. Xin nói chỉ có một cách là tự giữ lấy nước, đào hào cho sâu, đắp thành cho cao, cai-trị một cách cố kết lòng dân, cùng dân giữ nước. Hoặc như có biến-cố gì xảy ra, vua đã liệu chết để giữ nước, thì chắc dân cũng liệu chết để giữ nước, không thể bỏ vua. Thế là ta dùng cái lòng dân để giữ lấy đất nước, tự cường mà lo ioan lấy việc nước. Còn chiều Tề hay chiều Sở thì tôi không thể quyết được.

Mạnh-Tử

CHỮ-THÍCH.— Đổng: tên một nước nhỏ thời Chiến-quốc tức là huyện Đổng tỉnh Sơn-Đông bây giờ.— Mưu tính: trù liệu dẫn-đạo một việc gì rồi mới làm.— Cố kết: buộc chặt lại với nhau.— Biến-cố: hoạn-nạn bất thường xảy ra — Tự-cường: tự làm cho có sức mạnh, hết sức cố-gắng cho hùng mạnh.

Lời bàn.— Người làm vua, điều cần nhất là phải giữ hết nghĩa làm vua, và thường yêu giáo hóa dân. Cái chính sách giao hiếu với kẻ mạnh chỉ là cái thế phải thế, cái chính sách tự lo cho mạnh mới là toàn bằng mới cái lý ở mình. Vì rằng mình tựa vào người, tất người khinh mà mình phải dựa ề. Đã

gặp cái cảnh khinh, cảnh e nề không chống thì chầy an toàn sao cho được. Đã đành rằng, nước nhỏ phải nề nước lớn, cũng là một cách giao-lễ không thể thiếu được. Nhưng đây vì Văn-Công chỉ chăm-chăm việc thờ kẻ mạnh, mà không có chí tự làm cho mình mạnh, nên ông Mạnh mới bảo như thế. Mà phải thật, người lãnh-đạo dân đã cùng dân cùng sống chết, cả dân cũng cam tâm cùng sống chết. Thế là cả nước một lòng, cái sức mạnh vô hình ấy, hồ ể nước nào đã dám xâm phạm. Đã được như thế có việc gì phải sợ hãi ai.

Tuy vậy, thời thế ngày nay, có phần khác xưa, nội trị dù có đầy đủ, ngoại giao càng cần phải sáng suốt khôn-ngoaan thì nước mới đứng vững ở trên thế-giới này được.

35.— Phẩm trật ông quan, phẩm-giá con người

Phẩm trật ông quan là phẩm trật có một đời, phận có, khắc có. Phẩm-giá con người là phẩm-giá lưu truyền trăm đời, tự mình không cố gây dựng cho mình, thì không bao giờ có.

Sĩ quán-tử ta trông thấy cái trời ở ngoài trời, biết rõ cái người ở trong người, hiểu thấu đến cái vật ngoài vật ở đời, nghĩ xa đến cái thân sau thân hiện tại, thì biết đấng nào ngắn, đấng nào dài, đấng nào còn, đấng nào mất, chắc không ham mê cái này mà quên bỏ cái kia.

Chúc-Tử

CHÚ-THÍCH.— Phẩm trật: bậc trên dưới của hàng quan lại tự tông cửu đến chánh nhất.— Phận: số mệnh trời phú cho người ta tốt hay xấu.— Phẩm-giá: tư-cách và danh-dự của từng người.— Lưu truyền: để được đời này sang đời khác.— Trăm đời: ý nói lâu dài mãi-mãi.— Sĩ quán-tử: nói người có học thức.— Cái này: tức chỉ quan-phẩm.— Cái kia: tức chỉ nhân-phẩm.

Lời bàn.— Cái phẩm-giá của người ta đối với cái phẩm trật ông quan, nên cái phẩm-giá người đáng tôn quý lắm. Cho nên người làm quan đã có phẩm-trật ông quan mà lại có được phẩm-giá con người thì mới là đáng trọng. Chớ nếu làm quan mà để cho cái danh lợi làm mất hết cái nhân cách, phẩm-trật quan làm trôi mất phẩm-giá người, thì danh tuy gọi là quan mà thực không bằng người bạch-dinh vẫn còn giữ trọn phẩm-giá. Ôi! người làm quan chẳng nên đọc Chúc-tử, cân nhắc hai bên phẩm-trật và phẩm-giá mà tư-tưởng hành-động cho phải hay sao!

36. - Bài trâm của người làm quan

1.— Sĩ, đại-phu nên vì đời mình mà tiếc danh, không nên vì đời mình mà mua danh.

Có học-thức, chuộng khi-tiết, thủ dữ (lấy hay cho) phải cẩn-thận, uy-nghi phải trang trọng, ấy thế là tiếc danh.

Tưng-bốc lẫn nhau, a-dua những kẻ quyền quý, làm ra kiêu-cách khác thường, lơ-mơ hai mặt, ấy thế là mua danh.

Người tiếc danh thì yên lặng mà hay, kẻ mua danh thì rực-rỡ mà dở.

2.— Sĩ, đại-phu nên vì con cháu gây phúc, không nên vì con cháu cầu phúc.

Nghiêm giữ phép nhà, chuộng sự tiết-kiệm, chất phác, dạy cho chúng biết chữ, cho chúng có nghề, chứa nhiều âm đức, ấy thế là gây phúc.

Mua nhiều cửa nhà, ruộng đất, giao kết với những người quyền thế, tranh lợi nhỏ-mọn với dân, mua công-danh cho con cháu, ấy thế là cầu phúc.

Người gây phúc thì thanh đạm mà lâu dài, kẻ cầu phúc thì nồng-nàn mà ngắn-ngủi.

3 — Sĩ, đại-phu nên vì một nhà mà dùng của, không nên vì một nhà mà hại của.

Giúp cho họ hàng, làng nước, tiêu rộng-rãi về việc học, cứu kẻ khốn cùng, chăm làm việc nghĩa; ấy thế là dùng của.

Ăn mặc hoang, xương hát nhiều, yến hội luôn, tụ tập lắm đồ châu báu, ấy thế là hại của.

Người biết dùng của tuy thiệt mà vẫn có thừa, kẻ không biết dùng của tuy thừa mà vẫn thiếu.

4.— Sĩ, đại-phu nên vì thiên-hạ nuôi thân, không nên vì thiên-hạ tiếc thân.

Bớt thị dục, giảm lo phiền, ít phần-nộ, tiếc ẩm thực, ấy thế là nuôi thân.

So-kẻ lợi hại, xa tránh khó nhọc, tham quyền cố

vì chỉ chăm-chăm việc vợ con, nhà cửa, ấy thế là tiếc thân

Người nuôi thân thì im lặng mà to, kẻ tiếc thân thì thỏa-thê mà nhỏ.

Trương-Động-Sơ

CHÚ-THÍCH.— Trâm: lời nói hay thề vãn dùng để khuyên răn người ta.— Sĩ, đại-phu: người có chức tước làm quan.— Khí tiết: chí khí và tiết tháo.— Uy nghi: oai đáng sợ, đáng điều đáng bắt chước.— Trang trọng: đoan chính và cần-thận.— Phép nhà: phép độ, qui-tắc trong một nhà nào, kẻ trên người dưới đều phải tuân theo.— Tiết-kiệm: vừa phải và tần tiện.— Chất phác: thật thà mộc mạc.— Âm đức: công việc phúc đức làm mà không để ai biết.— Tụ tập: góp nhặt vơ vớt chứa lại cho nhiều.— Thị dục: những điều ham muốn ưa thích — Phẫn nộ: bực tức giận dữ.

Lời bàn. Bốn đoạn bài này dạy người làm quan muốn vì thân mình, vì con mình, vì nhà mình, vì thiên-hạ nên làm như thế nào là phải. Mỗi đoạn cần nhắc tách bạch lợi hại, rồi lại bày tỏ tin tưởng sự kết quả của cả đôi đường hay dở thực là xác đáng lắm. Ta tưởng bài trâm này chẳng những riêng cho người làm quan mà ai nấy đã có chút công danh của cải, muốn cho được yên vui sung sướng cũng nên ngắm đọc, hay viết ra mà treo luôn bên mình mà soi ngắm hằng ngày để mà cố thực-hành, tưởng cũng nên lắm.

37.— Cười người ta khóc

Cảnh-công nước Tề đi chơi núi Ngưu-sơn, trèo lên mặt thành, đứng ngắm trông rồi trản nước mắt vừa khóc vừa nói:

— Đẹp quá chừng là nước ta! Thật là *sầm uất*, *thịnh-vượng*! Thế mà nỡ nào một tuổi một già bỏ nước này mà chết đi. Giả sử xưa nay, người ta cứ sống mãi, *quả-nhân* quyết không nỡ bỏ nước Tề mà đi nơi khác.

Lũ-sử-Không, *Lương-khưu-Cử* thấy vua khóc cũng khóc và nói rằng:

— Chúng tôi đội ơn vua có cơm rau mà ăn, có ngựa hèn, xe xấu mà cưỡi, cũng còn chẳng muốn chết, huống chi là nhà vua.

Một mình *Án-tử* đứng bên cạnh cười.

Cảnh-công gạt nước mắt, ngoảnh lại hỏi *Án-tử* rằng:

— *Quả-nhân* hôm nay đi chơi thấy cảnh mà buồn. Không với cứ đều theo *quả-nhân* mà khóc, một mình nhà ngươi cười là có làm sao?

Án-tử thưa:

— Nếu người giỏi mà giữ mãi được nước này thì *Thái-Công*, *Hoàn-Công* đã giữ mãi. Nếu người mạnh mà giữ được nước này, thì *Linh-công*, *Trang-công* đã giữ mãi. Mấy vua ấy mà giữ mãi, thì vua nay chắc cũng mặc áo to, đội nón lá đứng ở giữa cánh đồng lo việc làm ruộng, có được đâu chỗ này đứng, còn rồi đâu mà lo đến cái chết. Chỉ vì hết đời này đến đời kia, thay đổi mãi mới đến lượt nhà vua mà nhà vua lại than khóc thì thật là bất nhân. Nay tôi thấy vua bất nhân, lại thấy bầy tôi siểm nịnh cho nên tôi cười.

Cảnh-công nghe nói lấy làm thẹn, rót chén rượu tự phạt, rồi phạt *Không*, Cứ mỗi người một chén.

Liệt-Tử

CHÚ-THÍCH.— *Ngưu sơn*: tên núi ở huyện *Lâm-chi*, tỉnh *Sơn-dông* ngày nay. — *Sầm-uất*: rậm-rạp đông-dục. — *Sử-Không*, *Lương-khưu-Cử*: cận-thần của *Cảnh-công*. — *Án-Tử*: người nước Tề thời *Xuân-thu* làm tướng vua *Cảnh-công* ông là người *kiêm-phác*, *trung-thành*, giỏi việc *chính-trị* có tiếng thời bấy giờ. — *Thái-công*, *Hoàn-công*, *Linh-công*, *Trang-công*: Các bậc *tiền-quân* của *Cảnh-công*.

Lời bàn.— *Tham sinh* là cái thói thường người đời. Nhưng cứ mong sống ở đời mãi, tiếc đời đến nỗi *than-thở* *khóc-lóc* như *Cảnh-công* đây cũng là *tham* quá. Trong vũ-trụ, cái gì là cái có sinh mà không có diệt. Vậy đời người cũng phải chịu luật chung ấy, bé rồi lớn, lớn rồi già, già rồi chết, *thăm-thoát* có là bao. Lẽ đo mà không hiểu, lại chửi ngu lắm ư! Nên *Án-tử* cười *Cảnh-công* rất là phải lắm. *Án-tử* bác cả *Sử-Không* và *Khưu-Cử* lại là phải lắm nữa.

Thăm thương thay! Xưa nay những nước gặp phải vua ngu và bầy tôi *a-dua* *xiêm nịnh*!

38.— *Hiếu-tử*, *trung-thần*

Vương-Tôn được bổ làm *Thứ-sử* châu *Ích*.

Quan Thứ-sử trước ở đây là *Vương-Dương*, lúc đi *kinh-lược* trong hàng châu, qua một con đường núi rất *cheo-leo*, than rằng:

— Thân ta là thân của cha mẹ ta. Ta nỡ nào

xông pha vào những nơi nguy-hiểm này. Bèn quay lại, không đi, rồi cáo bệnh về nhà.

Lúc Vương-Tôn đến thay Vương-Dương, đi tuần phòng, cũng phải qua con đường ấy, hỏi nha-lại rằng:

— Có phải con đường này là con đường quan Thứ-Sử trước sợ không dám đi không?

Nha-lại thưa: — Phải.

Vương-Tôn bảo xe cứ đi và nói rằng:

— Vương-Dương trước là người hiếu-tử Vương-Tôn đây là người trung-thần

Hán-thư Vương-tôn truyện

CHÚ-THÍCH.— Thứ-sử: chức quan cai-trị một châu một quận đời cổ. — Ich: tên một châu tức là Tứ-Xuyên đời này. — Kinh-lược: đi xét qua việc trị an trong hạt mình cai-trị. — Nguy-hiểm: cheo-leo, không được yên-ôn vững-vàng. — Cáo bệnh: có bệnh không làm được việc quan xin về nghỉ để chữa. — Tuần-phòng: đi tuần để phòng bị sự xảy ra. — Nha-lại: những người theo làm việc tại dinh các quan. — Hiếu-tử: người con ăn ở hiếu lòng với cha mẹ. — Trung-thần: bày tỏ hết lòng đem thân giúp vua, giúp nước.

Lời bàn. — Đối với gia-tộc, Hiếu là trọng đối với quốc-gia. Trung là quý. Người ta ở đời, đáng lẽ ai cũng phải cố giữ cho trọn cả Trung lẫn Hiếu. Nhưng khốn nỗi, có lắm cảnh-ngộ khiến cho người ta thực khó mà giữ cho cả Trung, Hiếu được lưỡng toàn: được hiếu thì mất trung, được trung thì mất hiếu.

Kể như bài này, Vương-Dương vì gia-tộc mà

giữ thân cũng là phải, nhưng so với Vương-Tôn, thì Vương-Tôn phải hơn. Vì cứ theo cái chủ-nghĩa « Ở đời thân ta không phải là của riêng của ta, lúc nhỏ là thân của cha mẹ, lúc lớn là thân của quốc-gia, lúc già là thân của thiên-hạ hậu-thế trông mong vào đấy » thì lúc ta đã ra làm việc nước, là chính lúc thân ta thuộc về quốc-gia, ta há lại còn tiếc mà không làm cho trọn vẹn nghĩa-vụ của ta đối với quốc-gia hay sao! Đã đem thân phụng-sự tổ-quốc, thì tổ quốc phải đề trên hết, chính thể cũng là hiếu lắm, vì cha mẹ ta cũng kỳ-vọng cho ta phải thế kia mà.

89. — Đọc sách cổ

Vua Hoàn-công đọc sách ở nhà trên. Có người thợ mộc đang đeo bánh xe ở nhà dưới, nghe tiếng học, bỏ chàng, đục chạy lên thưa vua rằng:

« Cả dám hỏi nhà vua đọc những câu gì thế?

— Hoàn-công nói: Những câu của Thánh-nhân.

— Thánh-nhân hiện nay còn sống không?

— Đã chết rồi.

— Thế thì những câu nhà vua học chỉ là những tạo-phách của cổ-nhân đấy thôi.

— À anh thợ! Ta đang đọc sách, sao dám được nghị-luận? Hễ nói có lý thì ta tha, không có lý thì ta bắt tội.

— Người thợ mộc nói: Tôi đây cứ lấy việc tôi làm mà suy xét, khi đeo cái bánh xe, đề rộng

thì mộng cho vào dễ, nhưng không chặt, dễ hẹp, thì mộng cho vào khó, và không ăn. Còn làm không rộng, không hẹp, vừa-vặn đúng mực, thì thật tự tâm tôi liệu mà nẩy ra tay tôi làm, như đã có cái phép nhất-định, chớ miệng tôi không có thể nói ra được. Cái khéo ấy tôi không có thể dạy được cho con tôi, con tôi cũng không thể học được tôi. Bởi thế tôi năm nay đã bảy mươi tuổi mà vẫn giữ nghề dẻo bánh xe.

Người đời cổ đã chết, thì cái hay người đời cổ kho truyền lại được, tưởng cũng đã chết cả rồi. Thế thì những câu nhà vua học thật chỉ là những tao-phách của cổ-nhân mà thôi.»

Vua cho người thợ mộc nói là phải.

CHÚ THÍCH.— Hoàn-công : vua giỏi nước Tống đời Xuân-thu — Thánh-nhân : bậc người nhân cách rất cao làm khuôn phép cho người ta được. — Tao-phách : căn bã rượu, vật thừa-thãi bỏ không dùng nữa. — Nghị-luận : bàn bạc chê khen.

Lời bàn.— Đọc sách cũng như xem người, xem người mà cứ câu nệ hình, sắc, danh, thanh, thì không bao giờ biết rõ được «tinh» người, mà có khi lại phải người ta làm cho ngu nữa. Ta học mà cứ bó-bó ở như ngôn-ngữ, văn-tự thì bao giờ biết hết được ý sách, vì cái hay nhiều khi miệng không thể nói ra được, bút không thể tả hết được. Ta đọc sách mà tâm ta không ảnh-hội được cái ý ở ngoài câu nói của cổ-nhân, thì ta không thể tu kỹ, không thể tri nhân được, chẳng qua chỉ làm cho loạn cái tính của ta thôi. Những kẻ hay mượn bã-giả của

cổ-nhân để buông ra những học thuyết đông-dài làm ra sách vở để dạy đời, ta tưởng cũng lắm lắm.

Trong bài này ý Trang-Tử cũng như ý Tuân-Tử, muốn phản-kháng lại cái lối học của đời bây giờ chỉ biết lấy «cổ» làm cốt, mà quên bỏ mất «kim» chỉ biết cho những thánh-nhân như Nghiêu, Thuấn... tự đời nào là phải, chớ không cho người chính thời nay còn được địa-vị nào nữa. Như thế thì không khỏi gọi là thiên-vay. Câu nói của người lao-công này chính xác và thực-tế lắm. Người đi học chỉ chuộng hư văn, không có thực học tưởng cũng thẹn lắm thay!

40.— Mất dê

Người láng-giềng nhà Dương-Chu mất một con dê, đã sai hết cả người nhà đi tìm, lại sang nói Dương-Chu mượn một người nhà cho đi tìm hộ.

Dương-Chu nói: «Ôi! sao mất có một con dê mà cho những bao nhiêu người đi tìm?»

— Người láng-giềng đáp: Vì đường có lắm «ngã ba».

Khi các người tìm dê đã về, Dương-Chu hỏi:

«Có tìm thấy dê không?»

Người láng-giềng nói:

— Không

— Sao lại không tìm thấy?

— Tại đường đã lắm ngã ba, theo các ngã ba

đi một chốc lại có nhiều ngã-ba khác. Thành không biết đi vào đường nào để tìm thấy dê, phải chịu về không cả ».

Ấy đường cái, chỉ vì lăm ngã-ba mà dê mất không tìm thấy. Người đi học cũng vậy, chỉ vì dễ mê-muội, mà mất cả lương-tâm.

Liệt-Tử

CHÚ-THÍCH. — Dương - Chu : người thời Chiến - quốc xướng lên học-thuyết « Vị ngã » trái lại với học-thuyết « Kiêm ái » của Mặc-tử. — Ngã-ba : chỗ con đường đi ra ba ngã khác nhau. — Lương-tâm : lòng lành trời phú cho người ta, tự nhiên như thế.

Lời bàn. — Người đi học mà không suy xét cho tinh cứ cái gì cũng tham muốn cả, thì không bao giờ học cho thực đến nơi đến chốn được ! Vì cái tâm con người có một, cái sức hoạt-động của người cũng có hạn, nên phân tán ra nhiều nơi, dùng sự hoạt-động vào nhiều loại, tuy rằng học nhiều biết nhiều thật, nhưng chẳng qua chỉ hời hợt trên mặt, gọi là biết qua-loa chut ít thôi. Sao cho bằng chỉ chuyên tâm học về một mặt nào, mà học cho đến kỳ cùng, thì sự học, sự biết mới là chắc-chắn sâu xa và có giá-trị vậy. Sự học cũng như nhiều sự khác quý hồ tinh bất quý hồ đa.

41. — Thực học

Hết thấy mọi việc, việc gì cũng có tình hình thực sự. Làm thì làm thực sự, chớ vụ hư danh.

Hết thấy câu nói, câu gì cũng có diêm mầu-nhiệm. Nói thì nói cho ra nói, chớ có vọng ngôn.

Hết thấy mọi vật, mỗi vật có một lý rất phải. Nếu không hiểu rõ lý ấy, thì nhận xét dễ sai lầm mà thành mê muội.

Hết thấy mọi người, mỗi người, ta có một cách để cư xử đối phó. Nếu không biết xử thì dễ sinh ra bất hòa, rồi chán ghét nhau. Người ta đi học cần cái gì, chỉ cần học làm cho có sự thật, học nói cho khỏi vọng ngôn, học biết mọi vật cho tinh, học xử với mọi người cho phải... Học chỉ học thế thôi. Không chỗ nào là không phải là chỗ học, không lúc nào là không phải là lúc học, không tâm-niệm nào không phải là tâm-niệm để học. Cố học cho được hiểu trọn vẹn, chớ hiểu dở-dang, cố học cho kỳ được, đến nơi đến chốn, chớ có tự-mãn tự-túc. Thế mới đáng gọi là người học giả.

Khuyết-Danh

CHÚ-THÍCH. — Tình hình : cái ý tứ bên trong, cái thái trạng bên ngoài. — Hư danh : tiếng hão. — Diêm mầu-nhiệm : tình-thần của câu nói, cương hay nhu, chân thành hay trí thuật, làm cho người nghe hiểu hay thấm hay cảm. — Vọng ngôn : nói càn, nói nhảm, nói dối... — Mê muội : mờ-mịt, tối tăm không biết sự thực. — Bất hòa : không cùng một chiều một dịp, mà trái ý nhau. — Tự mãn tự túc : tự cho mình là đã khá đã giỏi mà thôi không chịu học nữa. — Học giả : người có thực học.

Lời bàn. — Thực học là lối học thực-tế, học cho mở mang tri-thức, học cho đầy-dặn năng-lực, để

thành tài để ra người, để làm người hữu dụng: nhỏ thì hữu dụng cho xã-hội, to thì hữu dụng cho quốc-gia, cho thiên-hạ.

Thực học trái ngược với lối học hư văn là lối tục học, phù hoa khinh bạc, lờ đời, nịnh đời, chỉ tỏ tự hại và hại tha, tuyệt không có gì là hữu dụng cả. Thế cho nên người đi học thì nhiều, người hữu dụng thì ít; đời mới than phiền: « hiếm nhân tài »!

42.— Đây mới thực là thầy

Từ-Tuân-Minh, người ở Hoa-âm, thân thể to lớn, bờ-côi từ thuở nhỏ, tinh hiếu học, mười bảy tuổi theo Mao-Linh-Hòa sang học Vương-Thông ở Sơn-đông. Học một năm thì từ biệt. Rồi sang Yên, Triệu lại học ông Trương-Ngô-Quý. Học trò ông Ngô-Quý rất đông. Tuân-Minh dụng-tâm học vài tháng sau nói chuyện riêng với người bạn rằng:

Thầy ta đây danh tiếng tuy lừng lẫy, song nghĩa lý không được quán-triệt. Phàm những câu ngài giảng-thuyết, phần nhiều nghe chẳng được thỏa tâm ta. Ta muốn tìm thầy khác.

Rồi bèn cùng Điền-Mãnh-Lược sang Phạm-dương thụ-nghiệp ông Tôn-Mãi-Đức. Nhưng học vừa được một năm, lại muốn bỏ đi. Mãnh-Lược bảo Tuân Minh rằng:

Anh tuổi còn trẻ, theo thầy học-hành, chẳng chịu chuyên học một thầy, cứ nay thầy này, mai

thầy khác, nay tìm đến, mai bỏ đi, nghìn dặm xa xôi, sách vở mang cấp, học hành như vậy, sợ không thành được.

— Tuân-Minh nói: Ta nay mới biết chỗ ở của ông thầy đích thật là ông thầy.

Mãnh-Lược nói: Ở đâu?

— Tuân-Minh chỉ vào « tâm » nói: Đây, chính ở chỗ này.

Rồi từ bấy giờ Tuân-Minh học lấy một mình, hết sức suy nghĩ, sáu năm không ra khỏi nhà. Khi mỗi mệt, thường đàn địch để di-dưỡng tính tình. Sau thành một bậc đại nho.

Ngụy thư Từ-tuân-Minh truyện

CHÚ-THÍCH.— Từ-Tuân-Minh: một bậc đại-nho đời hậu Ngụy.— Cả Mao-linh-Hòa, Vương-Thông, Trương-Ngô-Quý, Điền-mãnh-Lược, Tôn-mãi-Đức cũng là mấy bậc đại nho thời bấy giờ.— Hiếu học: thích học — Sơn-đông: tên tỉnh vào hạ lưu sông Hoàng-hà. — Từ-biệt: từ-giã ai để đi nơi khác.— Dụng tâm: chăm chăm để bụng định làm một việc gì.— Quán-triệt: thấu suốt không sót lẽ gì — Giảng thuyết: giảng giải và nói rõ-ràng cho người ta nghe ra.— Phạm-dương: tên đất ở vào tỉnh Trục-lệ ngày nay.— Thụ nghiệp: đến học một nghề gì của thầy. Tâm: quả tim đời cổ cho là một cơ-thể: tư-lự, ý-thức, tinh-thần của người ta đều ở đây ra cả.— Di-dưỡng tính tình: làm cho tính-tình vui hả và một ngày một phát-triển.

Lời bàn.— Học cần phải có thầy, cần phải có sách, đó là lẽ thường. Ai đi học cũng khó vượt được hai điều ấy. Song khi học đã cao, nhất về mặt tâm

học, bảo muốn tìm cho thực có thầy giỏi để thụ-nghiệp, không phải là dễ. Bấy giờ tất nhiên phải như Tì-Tuân Minh đây, lấy «tâm» làm thầy là hơn cả. Vì cội rễ muôn nghìn điều phải, điều lành đều do ở tâm. Đem tâm chính trực trị tâm gian-tà, đem tâm trung-hậu trị tâm bạc ác, đem tâm ôn-hòa trị tâm táo-bạo, đem tâm cần-lao trị tâm lười biếng v.v...

Học thế nào cho tâm được thư thái, tâm được yên thỏa, tâm được quang-minh như gương sáng trong, như nước im lặng, ngoại vật lại chẳng loạn được tâm, ngoại vật đi chẳng lưu lại ở tâm thế mới gọi là có tâm học vậy.

43.— Bỏ quên con sinh

Họ Công-Sách sắp tế. Trong các lễ vật bỏ quên không đặt con sinh. Đức Khổng-Tử nghe thấy chuyện, nói rằng:

— Trong hai năm nữa, họ Công-Sách thế nào cũng mất quan.

Năm sau, họ Công-Sách quả-nhiên mất quan thật.

Môn-nhân hỏi rằng:

— Trước họ Công-Sách sắp tế bỏ quên con sinh mà thầy nói trong hai năm nữa thì mất quan, nay sự quả-nhiên. Dám hỏi vì lẽ gì mà thầy biết trước như vậy?

Đức Khổng-Tử nói:

— Việc tế là việc người con có hiếu tỏ hết lòng thương nhớ cha mẹ mà lúc sắp tế, bỏ quên con sinh, thì các công việc khác bỏ quên, bỏ sót chắc nhiều lắm. Như thế mà không mất quan thì không có lý.

Gia-Ngữ

CHÚ-THÍCH.— Công-Sách: học-trò một ông quan đời Xuân-thu.— Lễ-vật: những thứ dùng để tế lễ.— Sinh: con muông dùng làm việc tế lễ, như lợn, dê, trâu, bò.— Môn-nhân: học-trò của một ông thầy

Lời bàn.— Việc tế lễ là việc rất thận trọng, tức là việc giao-tế thần minh. Chỉ có người tận tâm và tận thành thì mới cảm-cách được, con sinh là lễ-vật rất thiết yếu, mà đến lúc tế, lại quên cả con sinh thì sự sơ-suất không phải là nhỏ vậy. Người như thế không thành tâm, công việc như thế là công việc không chu đáo. Xét một sự mà suy ra muôn sự, Đức Khổng-Tử suy-xét mà biết, há có phải là tiên-tri đâu. Nhưng suy-xét chắc-chắn mà phán-đoán trúng việc thì có khác gì tiên-tri.

44.— Chọn người rồi sau hãy gây dựng

Dương-Hồ làm tướng nước Vệ, phải tội, chạy trốn sang nước Tần, vào yết-kiến Triệu-Giản-tử, nói rằng:

— Tự nay trở đi, ta nhất-quyết không gây dựng cho ai nữa.

Triệu-Giản-tử hỏi: — Vì cớ gì mà ông lại nói thế?

Dương-Hồ nói : — Khi tôi ở nước tôi, các quan hầu-cận nhà vua, tôi gây dựng cho qua nữa, các quan ở triều-đình, tôi cũng gây dựng cho qua nữa, đến cả các quan ở biên-thùy, tôi cũng gây dựng cho nữa. Thế mà bây giờ các quan hầu cận nhà vua thì gièm-pha tôi, các quan triều-đình thì đem pháp-luật trị tội, các quan biên-thùy thì dùng binh khi hiếp tôi. Thế cho nên từ nay trở đi, tôi nhất quyết không gây dựng cho ai nữa.

Triệu-Giản-tử bảo : — Ông nói câu ấy thì làm. Ai trồng cây đào, cây mận thì mùa hè được bóng mát nghỉ, mùa thu được quả ngon ăn. Ai trồng cây tật-lê, thì mùa hè bóng mát không có, mùa thu chỉ được những chông gai. Cứ như vậy, thì có phải là tại do cây mình trồng lúc trước không? Nay ông sở-dĩ đến nỗi thế, là vì ông gây dựng toàn cho những kẻ không ra gì cả. Cho nên người quân-tử phải chọn người trước, rồi sau mới gây dựng.

Hàn-thi ngoại truyện

CHÚ-THÍCH. — Dương-Hồ : tức là Dương Hóa, người nước Lỗ thời Xuân-thu làm quan nước Lỗ là người quyền thần chuyên-chính. — Vệ : tên một nước nhỏ đời Xuân-thu ở vào một phần tỉnh Trục-lệ ngày nay. — Tốn : tên một nước lớn đời Xuân-thu, ở vào tỉnh Sơn-tây ngày nay. — Triệu-Giản-tử : một người danh thần nước Triệu đời Xuân-thu. — Yết-kiến : đến chào và thăm người tôn trưởng. — Nhất quyết : khẳng-khăng giữ một mực. — Hầu cận : ở gần nhà vua. — Triều-đình : nơi các quan châu vua đề bàn việc nước. — Biên-thùy : nơi bờ cõi hai nước giúp nhau. — Hiếp :

dùng sức mạnh bắt phải theo. — Tật-lê : loài cây mọc ở chỗ bãi bễ, lan xuống mặt đất thân nhỏ, lá đối nhau, quả có gai và dùng làm vị thuốc.

Lời bàn — Dương-Hồ gây dựng cho người ta, mà về sau, lại bị người ta quay lại hại mình, thật chẳng khác nào như nuôi ong tay áo, nuôi hổ để chịu vạ lây, đáng tức giận lắm thay. Cho nên Hồ phản nản với Triệu-Giản-tử và có ý như thề rằng, thôi từ rày không làm ơn cho ai nữa, vì loài người đã bội bạc lại còn thêm độc ác. Triệu-Giản-tử bác đi mà giảng giải thế, là có ý qui cái tội cho Dương-Hồ, tức là tội làm đại thần mà tham tàn, mà ưà nịnh, chỉ thích gây dựng cho tiểu nhân để lo bề đảng thì khi thất thế, phải chịu lấy cái vạ của tiểu nhân.

Cả người nói : tâm ân mà phải chọn người trước, kẻ cũng là hẹp hòi lắm. Nhưng làm ơn là một việc, vì lỗ-quốc mà chọn người, gây dựng cho người để giúp nước giúp dân là một việc. Như kéo bè kéo đảng, gây dựng cho cả kẻ gian ác có địa-vị, có quyền thế để chúng làm mưa làm gió gieo tai gieo vạ cho nhân-dân thì không những không được báo ơn, mà còn hại đến thân đặc tội với lỗ-quốc nữa.

45. — Cơ-tâm

Thầy Tử-Cống đi qua đất Hàn-âm thấy một ông lão làm vườn đang xuống giếng gánh từng thùng nước, đem lên tưới rau.

— Thầy Tử-Cống nói : Kia có cái máy một ngày tưới được hàng trăm khu đất, sức dùng ít mà công

hiệu nhiều. Cái máy ấy đăng sau nặng, đăng trước nhẹ, đem nước lên rất dễ và tên gọi là « Máy lấy nước ».

— Ông lão làm vườn nói: Máy tức là cơ-giới, kẻ có cơ-giới tất có cơ-sự, kẻ có cơ-sự tất có cơ-tâm. Ta đây có phải không biết cái máy ấy đâu, chỉ nghĩ xấu-hổ mà không muốn dùng vậy.

Trang-Tử

CHÚ-THÍCH — Từ-Cống: học trò Đức Khổng-Tử giỏi về khoa ngôn-ngữ. — Hân-câm: tên đất hiện ở vào phủ Hưng-an tỉnh Thiểm-tây bây giờ. — Công hiệu: kết quả của công việc làm. — Cơ-giới: đồ dùng máy móc. — Cơ-sự: những việc dối giả, tai quái bày ra để lừa gạt người ta cho người ta mắc phải. — Cơ-tâm: lòng gian trá bí hiểm nghĩ để hãm hại người ta để cho ích mình.

Lời bàn — Cái đời gọi là vạn-mình. Âu Mỹ bây giờ chính là nhờ ở máy-móc cả Bao nhiêu đồ vật cần dùng từ cốc uống, cái kim may áo cho đến cái súng trái phá, máy bay trên không, tàu ngầm dưới bể, nghĩa là tự cái đồ gây dựng cho đến cái đồ phá hoại đều là tự máy-móc chế ra rất là tinh-xảo, thiên-hạ đua nhau khen cho là thần-diệu, thiên-hạ xô nhau dùng cho là tiện-lợi, tưởng như chỉ có thế, loài người mới sung-sướng, có ngờ đâu cũng do đấy mà thảm hại.

Sao vậy? Vì rằng phàm người đã đặt ra máy-móc, tất là người phải có cơ-tâm, mà khi đã có cơ-tâm, ngờ nhau từng ly, lừa nhau từng miếng, thì đời nào mà hòa thuận, tin yêu nhau được. Ôi! Trang-Tử đây thác vào kẻ làm vườn mà nói lấy « cơ-

tâm » làm xấu-hổ cũng là có nghĩa ấy. Người ta quý nhất là giữ được thiên-chân, toàn được bản-tính, thì mới còn là người mà có thú sống. Nếu không, thì tư-tưởng, hành-vi làm sao tránh khỏi được điều trí-trá, kiêu-sức, quỉ-quyệt, nham hiểm gian mà giống như ngay, nịnh mà giống như trung, giả mà giống như thật, trái mà giống như phải, thực là tai hại cho người mà tai hại cho chính cả mình nữa. Cơ-tâm mình tự dối mình trước để sau dối người, hay trái lại mình đã dối người quen, sau thành dối cả mình, thì còn đâu là lương-tâm để làm lành để gây hạnh phúc cho thân và cho người nữa.

46. — Không đời trông cũng biết

Hứa-Kính-Tôn có tính kiêu-ngạo khinh người tiếp ai xong, nhiều khi quên ngay, sau người ta có đến, lại không rõ là ai nữa.

Hoặc có kẻ chê Kính-Tôn là người không được thông-minh.

Kính-Tôn nói:

— « Cái đó là tự người ta làm cho người ta khó nhớ đấy thôi. Vì bằng ta gặp được những bậc tài giỏi như Hà, Lưu, Thâm, Tạ, thì dù sờ trong xó tối, ta cũng có thể biết mà nhớ ra được »

Tùy-Đường Nhai-Thoại

CHÚ-THÍCH. — Hứa-Kính-Tôn: người đời nhà Đường đỗ tú-tài, văn-chương giỏi làm quan đến Tề-tướng. — Kiêu ngạo: khoe mình, khinh đời. — Thông-minh: nghe hiểu ngay, trông biết ngay. — Hà, Lưu, Thâm, Tạ: bốn nhà hiền tài cùng thời với Hứa-Kính-Tôn.

Lời bàn.— *Kiều ngạo là thói xấu, đến nỗi người ta có câu: « Ai mà kiêu ngạo là kẻ sắp đi đến bước cuối cùng ». Vậy người ta dù thông-minh tài giỏi cao-quý đến đâu cũng không nên kiêu ngạo. Hứa-Kính-Tôn đây văn-chương đã giỏi, quan chức lại to, giao tiếp nhiều người, nhớ sao cho xiết, mà chẳng quên. Nên ta cũng chưa thể cho cái quên ấy là thực khinh người. Xem ngay như câu nói của Hứa-Kính-Tôn, thì ta lại có thể cho là người biết người và có bụng trọng những người tài giỏi.*

Vả chăng ở đời, cái thói khinh người tuy không nên có, nhưng cái cách biết phân biệt người đáng trọng, kẻ nên khinh, không nên rằng không có. Câu cổ « Tổ nhân bất khả hữu ngạo thái, nhien bất khả vô ngạo cốt » (Làm người không nên có cái đáng khinh ngạo, nhưng cũng không nên không có cái cốt khinh ngạo) cũng ám-hợp với câu của người Pháp: « Il ne faut pas mépriser, mais il faut savoir dédaigner. »

47.— Khinh người

Tử-Kích là một bậc quyền-quí, gặp Điền-Tử-Phương, là một người hàn-sĩ ở giữa đương, liền xuống xe chào. Tử-Phương làm lơ không đáp lại.

Tử-Kích giận, hỏi Tử-Phương rằng:

— Kẻ phú quý hay khinh người đã đành, kẻ bần tiện có khinh người được không?

— Tử-Phương nói. Kẻ bần tiện mới có thể khinh người; kẻ phú quý sao dám khinh người.

Vua nếu mà khinh người thì mất nước, quan nếu mà khinh người thì mất chức. Còn kẻ có học-thức, xử cảnh bần tiện, đi đến đâu mà lời nói vua quan không dùng, việc làm vua quan không theo, thì xỏ chân vào giày, đi ngay lập tức, đến chỗ nào chẳng được bần tiện, còn có lo sợ gì, mà không dám khinh người?

Tử-Kích nghe ra, bèn xin lỗi Tử-Phương.

Chu-Thư

CHÚ-THÍCH.— *Tử-Kích: một nhà quyền thế đời Chiến-quốc. — Bực quyền quý: người có uy-quyền thế-lực thiên-hạ phải kính sợ. — Điền-Tử-Phương: người nước Ngụy về đời Chiến-quốc có tiếng là bậc hiền nhân. — Hàn-sĩ: người học trò nghèo khổ ít ai biết đến. — Phú-quí: giàu có quan sang. — Bần tiện: nghèo khổ hèn-hạ. — Học-thức: học văn uyên-bác, kiến-thức cao xa.*

Lời bàn.— *Tử-Kích muốn lấy quyền thế, mà khinh người; Tử-Phương muốn lấy học-thức mà khinh người. Đến cùng, thì học-thức khinh nổi được quyền-thế. Mới hay ở đời nào cũng vậy, phú-quí không bao giờ bằng được học-thức. Có lẽ Tử-Phương đây muốn chữa cái bệnh cho người quyền thế quá kiêu căng đời bấy giờ, cho nên nói những câu quá khích như thế. Ta cũng không nên quên cái cách phục-thiện của Tử-Kích đáng trọng và đáng yêu. Nay ta cứ bình tĩnh mà nói: khinh người tức là « kiêu » mà chữ kiêu là cái nguồn gốc làm bại hoại cả đức tính. Phú quý chẳng nên kiêu, thì bần tiện đâu có kiêu được, cũng không lấy gì làm phải. Kẻ sĩ-sĩ đời chiến-quốc phải cái phong-khí*

lớn thì chăm học, lúc già nghĩ đến lúc chết thì chăm dạy, lúc có nghĩ đến lúc không thì chăm cứu giúp người nghèo khổ.

Gia-Ngữ

CHÚ-THÍCH.— Quân-tử: bậc tài đức học thức hơn người.— Bối-thí: đem của mình để cứu giúp người khốn khó.— Khốn cùng: khốn quẫn cùng khổ của ăn không có, chỗ ở thì không.

Lời bàn.— Lúc nhỏ mà nghĩ đến lúc lớn, lúc già mà nghĩ đến lúc chết, đang giàu mà nghĩ đến nỗi nghèo khổ ba điều lo xa. Phàm người ta có chịu trông xa như thế mà là biết phòng bị những cái ưu hoạn trước khi nó xảy ra vậy. Đức Khổng-Tử còn có nói:

« Người ta không nghĩ xa, tất có sự ưu hoạn gần (1) cũng là có cái nghĩa dự phòng như lời nói trong bài này vậy.

50.— Lo, vui

Thầy Tử-Lộ hỏi Đức Khổng-Tử rằng:

— Người quân-tử cũng lo sợ ư?

Đức Khổng-Tử nói:

— Người quân-tử chỉ cốt suy nghĩ định liệu công việc của mình, lúc chưa làm được vui rằng mình có ý đã định làm, lúc đã làm được thì lại vui rằng mình có trí làm được việc. Thế cho nên người quân-

(1) Câu chữ Hán là: Nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu.

tử có cái vui thú suốt đời, không có cái lo sợ một ngày nào cả.

Kẻ tiểu-nhân thì không thế, lúc chưa làm được việc thì lo sợ rằng không được, lúc đã làm được việc thì lo sợ lỗ hỏng mất. Thế cho nên kẻ tiểu-nhân có cái lo-sợ suốt đời, không có cái vui thú nào cả.

Thuyết-Uyển

CHÚ - THÍCH.— Lo-sợ: buồn-bực rầu-rĩ và sợ-sệt.— Ý: tâm-tư suy-nghĩ đắn-đo để nói, để làm việc gì.— Trí: biết trước mà biết sâu-xa rõ-ràng cái lẽ của mọi việc.

Lời bàn.— Đã muốn làm nên việc tất phải để tâm nghĩ vào đấy, nhưng nghĩ mà cứ theo thiên-lý, chứ không có chút tâm-tư nào, việc hỏng hay việc nên cũng không bận đến lòng. Cho nên người quân-tử không hề sợ bao giờ, bao giờ cũng bận việc mà cũng thản-nhiên như không vậy. Kẻ tiểu-nhân thì trái lại thế, làm việc gì cũng chỉ cốt cầu tự-tư, tự-lợi, cho nên dù được, dù hỏng trong bụng lúc nào cũng áy náy không sao quên được, nghĩa là chưa được, thì lo-sợ rằng chưa được, lại lo-sợ rằng lỗ hỏng mất chẳng.

51.— Thấy lợi nghĩ đến hại

Liệt-Tử nghèo khổ, có khi đói khát không có gì mà ăn uống.

Có người nói với vua Tử-Dương nước Trịnh rằng:

— Liệt-Tử là một người cao-thượng, nay ở nước

nó chuyển di, cho nên thường hay mắc cái thể kiêu như Tử-Kich đây, không thoát khỏi tục, cũng là đáng tiếc. Người có học-thức mà kiêu, là hạng người khinh thể ngạo vật, coi đời như không quan thiết gì đến mình. Ôi ! đã gọi là học-thức mà có tính kiêu, thì vô bổ cho đời ; đời có người ấy cũng như không vậy.

48.— Hai cô vợ lẽ người nhà trọ

Dương-Chu sang nước Tống, đến ở trọ một nhà kia.

Người chủ nhà trọ, có hai người thiếp, một người đẹp, một người xấu. Dương-Chu thấy trong nhà ai cũng quý người thiếp xấu mà khinh người thiếp đẹp, lấy làm lạ bèn hỏi dò thăm trẻ con trong nhà trọ, thì nó trả lời rằng :

— Người thiếp đẹp tự lên là đẹp mà mất đẹp, tôi chẳng biết cái đẹp của họ nữa ; người thiếp xấu tự biết là xấu mà quên xấu, tôi chẳng biết cái xấu của họ nữa.

Dương-Chu gọi học trò ra bảo :

Các con nhớ lấy câu ấy. Người ta giỏi mà bỏ được cái nết « tự cho mình là giỏi » thì đi đến đâu ai mà chẳng tôn trọng, chẳng thân yêu ».

Trang-Tử

CHÚ-THÍCH.— Dương-Chu : người đời Chiến-quốc xưng lên cái thuyết « ọi ngã ». — Tống : nước chư-hầu thời Xuân-thu sau phát nước Tề lấy mất, ở vào địa phận tỉnh Hà-nam bây giờ. — Thiếp : vợ lẽ, có hầu.

Lời bàn.— Đàn bà đẹp mà tự cậy mình lên đẹp, thì người ngoài chỉ thấy cái bộ khoe-khoang đáng ghét chứ không thấy còn gì là vẻ đẹp đáng yêu nữa. Đàn bà xấu, tự thẹn mình là xấu, thì chỉ thấy cái nét dịu-dàng đáng thương, không còn thấy cái gì xấu-xí đáng ghét nữa. Đây người đẹp mà bị khinh, người xấu mà được quý là tại thế.

Ôi ! đẹp chỉ vì lên đẹp mà mất đẹp, xấu chỉ vì biết xấu mà quên xấu, thế thì những người giỏi mà tính tự lên là giỏi, thì sinh thời nào, đi đến đâu cũng không mong thiên-hạ kính yêu được. Vì như thế tức là kiêu, mà kiêu thì không ai chịu được, sự khiêm-nhã bao giờ vẫn là hơn vì thiên đạo, ích khiêm-lưu khiêm, quý thân phúc khiêm, nhân đạo hiếu khiêm. Khiêm hay biết là đường nào ! Dương-Chu lấy của chuyện ấy ra dạy học trò rất là phải lắm.

49.— Ba điều phải nghĩ

Đức Khổng-Tử nói :

— Người quân-tử có ba điều phải nghĩ, ta chẳng nên chẳng xét đến :

1) Lúc nhỏ nếu mà chẳng học, thì đến lúc lớn, ngu dốt không làm được việc gì

2) Lúc già nếu mà không đem những điều mình biết để dạy người, thì sau đến lúc chết chẳng ai thương tiếc.

3) Lúc giàu có nếu mà chẳng bố-thí, thì đến lúc khốn cùng chẳng ai cứu giúp.

Cho nên người quân-tử lúc nhỏ nghĩ đến lúc

nhà vua mà phải bần cùng, thì chẳng hóa ra nhà vua không biết quý chuộng người giỏi ư?

Tử-Dương nghe nói sai sứ-giả đưa cho Liệt-Tử vài mươi xe thóc.

Liệt-Tử ra yết-kiến sứ-giả, vái hai vái, xin từ không nhận.

Sứ-giả đi, Liệt-Tử vào nhà trong. Vợ ngóng trông bức tức, tự đập vào ngực mà nói rằng:

— Thiếp nghe vợ con những bức đạo-đức cao-thượng đều được an-nhàn vui-vẻ, nay vợ con tiên-sinh túng đói, vua đưa cho tiên-sinh thóc gạo, tiên-sinh lại từ. Thế chẳng phải là số-mệnh xui ra vậy hay sao?

Liệt-Tử cười, bảo vợ rằng: Vua mà biết ta không phải là tự chính vua biết ta, tại nghe có người nói mới biết ta. Vua nghe người nói mới biết ta mà cho ta thóc, thì lúc bắt tội ta, tất vua cũng lại nghe người nói mà thôi. Vì thế mà ta không nhận thóc. Vả chẳng chịu bổng-lộc của người hoặc khi người mắc hoạn-nạn, không liều chết giúp người là bất nghĩa. Mà nếu liều chết giúp kẻ vô-đạo thì lại còn gọi là nghĩa thế nào được.

Tử-Dương sau quả bị nạn chết.

Liệt-Tử

CHÚ - THÍCH. — Trịnh: tên một nước nhỏ đời Xuân-thu thuộc về tỉnh Hà-nam bây giờ. — Cao-thượng: thanh cao tự-trọng, không chịu làm những điều hèn - hạ khuất-phục. —

Sứ giả: người thay mặt và nhận lời người trên để đi nói hay làm một việc gì với ai. — Yết-kiến: đi chào người trên. — Số-mệnh: những sự hay, dở, được, hỏng của đời người hình như định sẵn từ trời, không phải sức người làm nổi. — Vô-đạo: ăn ở không theo lẽ phải.

Lời bàn. — Đương lúc túng đói, gặp được vua chúa quý trọng, lại cho vài mươi xe thóc, người ta được thế, chắc lấy làm vinh hạnh sung sướng, mà còn lên mặt với đời là khác. Liệt-Tử đây khác hẳn, vái sứ-giả hai vái, nói xin từ. Thái-độ khiêm-nhã thật đáng trọng! Xin từ mà không lộ vẻ tự-ái tự-cao, không có một lời nghị-luận đến thời-sự, thậm chí phải vợ con giãy vò mà Liệt-Tử vẫn thản nhiên, chỉ ôn tồn nói qua mấy câu « ăn ở cần phải biết lui biết tới, biết ân biết nghĩa ». Người sao sáng suốt khôn ngoan mà như ngư-dại, thật đáng phục lắm thay! Vì không thể không sống còn được ở đời loạn. Liệt-Tử đây phần biết người hay dở, phần hiểu việc sâu xa. Thật là bậc « minh triết bảo thân » (1) vậy.

Ở đời, sẵn có máu tham, thấy của tối mắt, đồ đâu bầu đầy, sống chết mặc bay, đó là bệnh thông thường. Anh em chúng ta như muốn tránh bệnh ấy, tưởng nên học Liệt-Tử đây biết rõ nghĩa lợi, hiểu đường lui tới thì mới là hơn.

52. — Thủy chung với vợ

Vua Cảnh-Công có cô con gái yêu, muốn gả cho Ân-tử. Một hôm vua đến ăn tiệc nhà Ân-tử, thấy vợ Ân-tử, hỏi:

(1) Câu chữ Hán là: Đã khôn ngoan lại sáng-suốt để bảo toàn tâm thân.

Phu-nhân đấy phải không?

Án-tử thưa: Vâng, phải đấy.

Vua nói: — Ôi! Người trông sao vừa già, vừa xấu! Quả-nhân có đứa con gái trẻ và đẹp, muốn cho về hầu, Khanh nghĩ sao?

— Án-tử: đứng dậy thưa rằng: Nội-tử tôi nay thật già và xấu; nhưng lấy tôi và cùng tôi ăn ở đã lâu, kể từ lúc còn trẻ và đẹp. Xưa nay đàn bà lấy chồng lúc trẻ cốt để nhờ cậy lúc già, lúc đẹp lấy, cốt để nhờ cậy lúc xấu. Nội-tử tôi thường nhờ cậy tôi mà tôi cũng đã nhận sự nhờ cậy ấy. Nay nhà vua tuy muốn ban ơn, chắc cũng không nỡ để cho tôi ăn ở bội-bạc với những điều nội-tử tôi đã nhờ cậy tôi bấy lâu nay.

Nói đoạn Án-tử lạy hai lạy, xin từ không lấy.

Án-tử

CHÚ - THÍCH.— Cảnh - công: vua hiền nước Tề đời Xuân-thu. — Án-tử: tức là Án-Anh, làm tướng đời vua Cảnh công. Ông là người trung-thành, tiết-kiệm có tiếng đời bấy giờ. — Nội-tử: tiếng để gọi vợ cả mình. Tiếng đời cổ dùng để gọi vợ các quan to. — Khanh: Tiếng vua gọi một bậc quan to hay một vị đại thần. — Bội-bạc: phụ lòng người ta, ăn ở không được thủy chung như nhất.

Lời bàn.— Vợ chồng là hạn trăm năm đã phải duyên phải lứa lấy nhau từ lúc còn trẻ, kinh yêu nhau thì đến lúc già ai lại có nữ phụ nhau. Ngán thay thói đời giàu hay quên bạn, sang hay phụ vợ. Lắm kẻ lúc còn hàn-vi vợ nuôi cho ăn đi học, một mai được chút tiền của, chức tước, đã phụ ngay vợ cũ mà kiếm vợ mới, hoặc kiếm vào chỗ giàu, hoặc kiếm vào chỗ

sang, hoặc kiếm người trẻ tuổi xinh đẹp hơn. Những kẻ như thế dù viển vông gì, tổng chi cũng là phụ-bạc cả. Nào đã mấy người được như Án-tử đây: gặp cảnh giàu sang như nhà vua, trẻ đẹp như công-chúa, lại như muốn lấy uy-quyền bức-bách mình, mà mình nhất định cố từ. Ông là người ăn ở thủy-chung với vợ tấm cảm thật!

Bạn quần-thoa đọc truyện này cũng nên ngẫm nghĩ, chớ nên tham tài tham danh mà lấy những kẻ đã đem lòng phụ vợ tào-khang. Vì rằng người vợ xưa, nuốt được nghèo khổ, chịu được cay đắng, ở với họ đã bao lâu mà họ còn phụ, thì họ có lấy ta hoặc vì lợi chẳng, hoặc vì thế chẳng, hoặc vì sắc chẳng, một khi lợi kém, thế hết, sắc suy, thì cái tình vợ chồng lúc bấy giờ lại hóa ngay ra cảnh người đứng nước lã.

53.— Ma nói chuyện

Có người trốn-tránh quân thù nghịch, đi ẩn núp ở chỗ núi thẳm, hang cùng

Một đêm, gió mát, trăng trong, người ấy bỗng thấy một con ma vờn-vơ quanh-quần ở dưới cây dương-liều, sợ quá, cứ nằm phục xuống, không dám trở dậy.

Con ma thấy thế, lại tận nơi, bảo:

— « Sao không ra đây mà chơi? »

Người kia run cầm-cắp mà trả lời:

— Thưa ông, con sợ ông lắm

Con má nói: Sao mà gàn thế! Việc chi mà sợ! Kẻ mà đáng sợ thì chỉ có giống người là đáng sợ hơn

cả mà thôi. Bác thử nghĩ xem. Ai làm cho bác đến nỗi điên bái cơ-cực như thế này, người hay ma?»

Ma nói xong, cười một hồi rồi biến mất.

Duyệt-Vi

CHỮ-THÍCH.— Thù nghịch: kẻ căm giận thù hằn chỉ muốn làm hại.— Dương-liễu: loài cây cao, lá hẹp và dài, đầu lá nhọn, quả nó thành bông trắng bay rải rác mọi nơi. Lá dương thì dơ lên, lá liễu thì rủ xuống. Nay thường gọi gồm hai thứ là một.— Điên bái: nghiêng ngửa không được yên ổn.— Cơ cực: khổ-sở quá chừng.— Duyệt-vi: Tên bộ sách của Kỳ-Quân đời nhà Thanh làm.

Lời bàn.— Ma quỷ tuy ai cũng có lòng ghê sợ, nhưng chẳng qua chỉ là một điều huyền-hoặc không đâu. Nén sợ ma quỷ, là một sự mê-tin vu-vơ, sợ hãi, sợ huyền, sợ một cái thực không đáng sợ. Loài mà đáng sợ là chỉ có chính người mà thôi. Trong bài này, tác-giả thác vào con ma mà nói thể là cốt để phơi bày cái lòng nham-hiềm tàn-ác của loài người. Chỉ có người mới thực hại được người, làm cho người điêu-đứng khổ sở trăm đường nghìn nỗi. Bao nhiêu những sự quấy nhiễu lẫn nhau, khổ-nhục lẫn nhau, hãm hại, giết-chóc lẫn nhau chẳng phải tự người sinh ra để hại người cả sao! Nên nói: «Người là loài tàn bạo hạng nhất trong các loài tàn bạo» cũng là đáng lắm vậy.

54. — Đáng sợ gì hơn cả

Tại lầu sách nhà kia, có con hồ-tinh không hiện hình ra bao giờ, nhưng thường vẫn hay trò chuyện. Chuyện nói rất lý-thú, ai nghe cũng phải phục.

Một hôm, tân khách họp đông, có con hát mời rượu ước với nhau rằng:

«Ai sợ gì thì phải nói, mà nói vô-lý thì phải phạt rượu».

Bấy giờ, cử-tọa lần lượt nói, nào sợ người học rộng, nào sợ người nhà giàu, nào sợ người quan to, sợ người nịnh giỏi, nào sợ người khiêm-tốn quá, sợ người lễ-phép câu-nệ quá, nào sợ người thận-trọng ít nói, sợ người hay nói nửa chừng...

Sau cùng hỏi đến hồ-tinh, thì hồ-tinh đáp: Ta chỉ sợ hồ-tinh.

Ai nấy đều cười, bảo rằng: Người ta sợ hồ-tinh mới phải, anh là đồng-loại can gì mà sợ? Phạt anh một chén rượu.

Hồ-tinh cười nói: Thiên-hạ duy có đồng-loại là sợ nhau. Con cùng cha mới tranh gia-sản; gái cùng chồng mới hay ghen-tuông; kẻ tranh quyền nhau, tất là quan lại đồng-triều, kẻ tranh lợi nhau tất là lái buôn một chỗ. Bức nhau thì trở-ngại nhau, trở-ngại nhau thì khuynh-loát nhau. Nay lại còn người bắn con trĩ thì dùng con trĩ làm mồi, không dùng con gà, con ngỗng; người săn hươu thì dùng con hươu làm mồi, không dùng con dê, con lợn. Phàm những việc phản-gián đều là phải dùng đồng-loại cả. Cứ thế mà suy thì tài nào hồ mà chẳng sợ hồ?

Cử-tọa đều cho câu nói của hồ-tinh là xác-đáng.

Duyệt-Vi

CHÚ-THÍCH.— **Hồ-tinh**: tục-truyền cho giống hồ sống nghìn năm thành hồ-tinh hay quấy-nhiều người.— **Lý-thú**: hợp lẽ phải làm cho người nghe vui tai không chán.— **Tân-khách**: chỉ gồm những người đến thăm nom vui chơi với chủ. Nói tách ra là quý khách và khách thường.— **Cử-tọa**: tất cả bao nhiêu người cùng ngồi một chỗ.— **Đồng-loại**: cùng một loài, một giống với nhau.— **Gia-sản**: ruộng đất nhà cửa tiền của một nhà.— **Đồng-triều**: nói những người cùng làm quan một triều cùng thờ một vua.— **Trở-ngại**: làm cho ngăn-ngừa vương-vất.— **Khuynh-loát**: làm cho nghiêng đổ không đứng vững.— **Phản-gián**: nhân cái mưu-kế của người chực hại mình mà mình khéo dùng, lại hóa ra chính mưu-kế ấy để hại người.— **Xác-đáng**: đích thật hợp lẽ ai cũng cho là phải.

Lời bàn.— Loài yếu sợ loài khỏe, kẻ đại sợ kẻ khôn như chó sợ hùm, mừng mọi sợ người văn-minh hoặc văn có. Những cái sợ ấy là cái sợ hoa-hoãn. Chớ cái sợ kẻ đồng-loại, người đồng-nghiệp mới là sợ thường có luôn cái sợ thực đáng sợ luôn vậy. Người phải sợ người hơn sợ hùm beo, sư-tử, người đồng loại, kẻ đồng-nghiệp sợ lẫn nhau hơn là sợ người ngoài? Tại sao? — Tại chỉ có cùng nhau một loài, cùng nhau một nghề mới phải cạnh tranh đá chọi lẫn nhau. Mà đã cạnh tranh nhau, tất hay dòm-dỏ nhau, tìm cách hại lẫn nhau để cầu lợi cho mình, thậm chí tàn sát nhau đến chôn sống hàng vạn quân giết chết hàng triệu người, mà vẫn không chán. Thảm thương thay! Người lại hại người!

55. — Chỉ biết có mình

Người ta sở dĩ đến nỗi phạm phải nghìn muôn tội-lỗi là chỉ vì cái bệnh « chỉ biết có mình ». Vì

cơ mình chỉ biết có mình, mình mới suy tính *thiên phương bách kế*: chỉ muốn cho mình giàu, chỉ muốn cho mình sang, chỉ muốn cho mình sống, chỉ muốn cho mình vui, chỉ muốn cho mình yên, chỉ muốn cho mình thọ, còn người ta nghèo hèn, nguy khổ, lụn-bại, chết chóc, *nhất thiết* là chẳng nghĩ gì đến cả. Bởi thế mà *sinh ý* chẳng liên-can, *thiên lý* đến *tuyệt duyệt*, tuy có hình người, kỳ thực không khác gì cầm thú.

Vì bằng trừ bỏ cái bệnh « chỉ biết có mình » tâm địa rộng rãi công-minh, giàu, sang, nghèo, hèn, vui, khổ, sống chết đều cùng chung với cả loài người, thì *sinh ý* quán triệt, ai nấy được hả lòng mà *thiên-lý* giữ được trọn vẹn. Thế là thân ta cùng với muôn vật là nhất thể vậy.

Tiết-Huyền

CHÚ-THÍCH — *Thiên phương bách kế*: nghìn lối, trăm cách. — *Nhất thiết*: tất phải một nhất không cần là ngay lệch, nghĩa bóng là hết thảy, một loạt. — *Sinh ý*: cái cơ sinh hoạt của muôn loài. — *Thiên lý*: lẽ phải tự nhiên, ai cũng nên theo. — *Tuyệt duyệt*: dứt đời, tất ngấm đi. — *Tâm-địa*: tâm lòng tốt. — *Quán triệt*: thông suốt.

Lời bàn.— Chỉ có biết mình, tức là ích-kỷ, tức là có bao nhiêu cái hay chỉ muốn vơ vét vào cho một mình hết cả. Khi người đã có tính ích-kỷ, là người để mình ra ngoài nhân-loại, chẳng những không làm gì lợi cho thiên-hạ lại còn như chỉ làm hại thiên-hạ, vì khi mình chỉ cần lợi cho mình, tất thiên-hạ phải phần thiệt vào đấy. Nên người ích-

kỷ là người mất hết nhân nghĩa, không còn ai trông cậy được nữa. Voltaire xưa có nói « chỉ hay cho mình, tức là không hay cho ai nữa » Cái tính tư-kỷ nó làm cho cạn ráo hết cả nhân tình rồi còn đâu. Vì bằng bỏ được cái tính ít-kỷ, thì đời người sao có như bây giờ.

56. — Thở dài

Ông Hải-Tiêu-Tử lúc thư công việc, thường hay thở dài

Môn nhân hỏi: « Tiên sinh hay thở dài như vậy là có làm sao? »

Ông nói:

— Ta ước gì các nước trên mặt đất thân yêu nhau để cho bao nhiêu binh cách phải xếp bỏ cả một chỗ.

Ta ước gì người quân-tử lại tiến dẫn người quân-tử để cho bao nhiêu quân tiểu-nhân phải lui về hết sạch.

Ta ước gì những trai có vợ, gái có chồng, ai nấy đều yên phận để cho giáo-hóa được rõ-ràng.

Ta ước gì nhân-dân biết giữ gìn tính-mệnh mà chăm làm ăn để cho hàng năm được mùa sung-sướng.

Ta ước gì ai ai cũng biết con đường phải mà noi theo để không phụ cái chí Thánh hiền đời cổ.

Ta ước mãi mà chưa được, nên ta mới thở dài ».

Hải-tiêu-Tử

CHÚ-THÍCH. — Hải Tiêu-tử: tức là Vương-sùng-Khánh người đời nhà Minh, đỗ tiến-sĩ, làm quan đến lại bộ thượng-thư là một nhà trước thuật có tiếng đời bấy giờ. — Môn-nhân: học trò. — Binh-cách: đồ khí-giới y phục của nhà binh. — Giáo-hóa: cái sức dạy dỗ làm cho người ta phải cảm hóa. — Thánh hiền: nói những bậc nhân cách tối cao cùng những bậc có tài có đức hơn người.

Lời bàn. — Các nước mà tàn-bạo sát-phạt nhau để tranh thành, cướp đất của nhau. Những quân gian ác mà cầm quyền giữ chính để cho những bậc hiền tài phải dùi dập. Nam nữ mà dâm ô mất hết liêm-sĩ, làm cho phong-hóa suy đồi. Nhân-dân mà ngu dốt lười biếng để đến nỗi phải đói rách. Học-thuật mà sai lầm để đến nỗi đi vào con đường không hay. Cuộc hòa-bình, sự kén nhân tài, nền phong-hóa, việc dân-sinh, sự giáo-dục của loài người mà đồi bại đến nỗi như thế thì còn gì mà không khiến cho người ta phải chán ngán, phiền bức cho đời nữa. Ôi! năm câu ước của Hải-Tiêu-Tử đây bao giờ mới thành, để cho ông cùng cả bao nhiêu người có chút quan-niệm đến quốc kế dân-sinh, giáo-hóa phong tục, không đến nỗi phải cất tiếng lên mà thở dài nữa?

57. — Thăng điên

Các anh có trông thấy người phải bệnh điên bao giờ không?

Đương lúc hôn-mê rồi-dại, người điên lăn xuống nước, giẫm lên lửa, đâm vào chông gai, mặt hôn-hở, miệng ngheu-ngao, vẫn tự-tín cho mình là phải.

Đến khi gặp thầy thuốc hay, hết cách chạy chữa, người điên khỏi dần và tỉnh lại.

Bà con kể lại chuyện người ấy lắm lúc đang có bệnh điên, thì người ấy rùng mình lấy làm khở. Bà con kể lại chuyện người ấy lúc uống thuốc tỉnh dần, thì người ấy vui-vẻ lấy làm mừng và ân-hận gặp thầy, gặp thuốc muộn quá.

Ấy người phải bệnh điên vừa còn chữa được thì như thế. Chớ nếu là người phải bệnh điên nặng không thể chữa được, thì người ấy không những không chịu *phục thuốc* lại còn mắng thầy thuốc làm cho mất *tinh thường* của mình đi nữa.

Dương-Minh-Tử

CHÚ-THÍCH.— Bệnh điên: bệnh mất trí khôn. — Hôn mê: tốt-tâm, mờ-mịt không biết phải trái là gì. — Nghêu-ngao: nói hay hát một cách dõng dãi. — Tự-tín: mình cho mình là phải. — Ân-hận: lấy làm giận và tiếc. — Phục thuốc: uống thuốc. — Tinh thường: tính tự-nhiên trời sinh.

Lời bàn. — Bệnh điên nói trong bài đây tức là cái lòng tư dục nó làm cho con người mê lú như điên cuồng không còn biết phải trái là gì nữa. Nếu người mắc bệnh tư dục còn nhẹ, may nhờ có người dạy bảo cho, thì còn có thể hối-ngộ sửa nết lại mà sửa dần tính xấu đi được. Nhưng nếu là người mắc bệnh tư dục nặng quá hoặc có ai muốn giáo-hóa cho, thì người ấy chẳng những không hối-ngộ sửa nết lại được mà lại còn trách oán cả người giáo-hóa, bảo người ấy là làm mình mất cả tính thường đi. Ôi! đáng sợ lắm thay! Lương tâm mất một vài phần, thì còn có thể

cứu được, chớ lương tâm mà đã tán tạn, thì còn gì là người mong hóa đi được nữa. Cho nên ta phải cố giữ lấy lương tâm. Chớ bảo một cái lỗi nhỏ có phạm vào cũng không can chi. Cái nết đã quen đi rồi, thì khác nào như xuống dốc, chỉ có phần lăn xuống, thụt sa lầy, chỉ có phần thụt xuống, chớ không tài nào lăn trở lại hay ngoi lên được nữa.

58.— Người xuất tục

Tiếng sấm, tiếng sét không làm thế nào cho nhỏ được tiếng đề hòa với tiếng chuông, tiếng khánh. Mặt trời, mặt trăng không làm thế nào cho cong được, ánh sáng để thấu đến ngõ hẻm, hang cùng. Sông to không làm thế nào mà thu bờ hẹp lại để vừa ý kẻ muốn lợi qua. Núi cao không làm thế nào mà rút được ngọn thấp xuống để chiều lòng kẻ muốn trèo chơi..

Cho nên, cũng như cái xe to không thể thu nhỏ bánh để tạm đi qua đường hẹp, người cao-sĩ không chịu khuất khúc để hòa đồng với thế-tục.

Bảo-Phác-Tử

CHÚ-THÍCH.— Xuất tục: kiến thức cư xử một cách hơn người thường. — Cao-sĩ: bậc người cao thượng. — Khuất-khúc: cong queo, bỏ mình theo người. — Hòa đồng: tức là hòa quang đồng trần nghĩa là hòa cái sáng của mình với cái bụi của đời để hỗn hợp với trần tục. — Thế tục: thói thường của người đời.

Bảo-phác-Tử.— Tức là ông Cát-Hồng, người đời nhà Tấn, có làm pho sách nhan là Bảo-phác-Tử, vừa nói về thân tiên, vừa nói về chính-trị.

Lời bàn. — Chính ý bài này cốt tỏ rõ thế nào là một người cao-sĩ xuất-tục. Nhưng tác-giả không định nghĩa người xuất-tục là gì, tác-giả tìm mấy sự ở ngoài mà ví vào người, khiến cho ta đọc hiểu rõ ngay, tục với xuất-tục đại-đề khác nhau như thế nào. Tiếng sấm với tiếng chuông, ánh sáng mặt trời với ngỗ hẻm, sông to với người muốn lợi, núi cao với người muốn trèo, xe bánh rộng với đường hẹp, khác nhau xa làm sao, không dong được nhau thế nào, thì người xuất-tục khác người tục và không hòa đồng với người tục cũng như thế.

29. — Vợ thầy kiện

Có một người thầy kiện rất giỏi. Mỗi khi thảo đơn kiện cho ai, định buộc tội gặt lời cho nhiều người mà ý nghĩ chưa được sâu sắc, lời nói chưa được chặt chẽ, thì cứ muốn ngồi yên một chỗ để cấu-từ. Những lúc ấy, thường dẫn người nhà, có khách hỏi, không được cho vào, cả đến vợ cũng phải lánh xa ở một buồng khác.

Vợ người thầy kiện trước kia vẫn đã cùng người láng-giềng đầu mày cuối mắt chỉ vì không dịp, không chỗ cho nên dòm-dỏ đã hơn một năm, mà chưa được thân cận với nhau. Bấy giờ biết thế, mỗi khi gặp người thầy kiện cấu-từ, thì người vợ bèn lại chuyện trò quấy rối để đến phải mắng, phải đuổi tránh đi chỗ khác.

Thành vì thế mà người vợ với người láng-giềng được bao nhiêu cơ-hội đi lại với nhau

luôn, kể hàng bao nhiêu năm mà không ai biết.

Sau người thầy kiện vì cấu-từ mãi mà chết. Người vợ chữa hoang phải nhà chồng kiện.

Quan tra xét căn-do việc đi lại với ai. Vợ người thầy kiện phải thú thực.

Quan vỗ bàn, thở dài nói:

« Ngòi bút của người thầy kiện đã khéo, ai ngờ cơ trời còn khéo hơn ! »

Duyệt-Vi

CHÚ-THÍCH. — Cấu-từ : cố nghĩ để đặt phác những ý-từ lời lẽ nên giải bày thế nào. — Cơ hội : cái dịp, cái thời có thể nhờ đấy mà làm được việc gì. — Căn do : gốc tích một chuyện, một việc bởi từ đâu mà ra. Cơ trời : mệnh mero khéo của tạo hóa.

Lời bàn. — Thầy kiện tức là luật-sư. Luật-sư là người hơn ai hết, hiểu thấu các tinh-túc của pháp-luật, biết rõ nỗi u-ân của nhân-dân. Chính-phủ nhờ có luật-sư mà thêm sáng việc, quần chúng nhờ có luật-sư mà đỡ hàm oan. Vậy làm thầy kiện mà gỡ tội cho kẻ oan, đáng trọng bao nhiêu, thì buộc tội cho người ngay hay bênh vực kẻ gian ác, đáng khinh bấy nhiêu. Người thầy kiện nói trong bài đây là một tay giáo-hoạt chắc đã nhiều lần, lấy lý mà thắt người ngay vào tội ghê-gớm lắm. Bởi vậy tác-giả mới thuật lại chuyện này, nói người thầy kiện vừa tự hại mình, lại để cho vợ phản mình, có ý dạy người tuy khôn khéo đến đâu, cũng không lọt được vào tay Tạo-vật. Tạo-vật thường vẫn ghét người xảo, bao giờ cũng bắt sẵn cái cớ để cân lại cho công bằng. Nhiều khi muốn hại người, người chẳng thấy đâu, lại chỉ thấy cái hại nó quay ngay vào chính mình trước.

60. — Ấc ngầm

Vua *Nguy* đem một người con gái đẹp dâng vua *Kinh*. Vua *Kinh* lấy làm thích và yêu lắm.

Phu-nhân là *Trịnh-Tụ* biết thế, chính mình cũng yêu mến người con gái, có khi lại yêu mến hơn vua. Người con gái ấy muốn ăn mặc, chơi bời gì, *phu-nhân* cũng đều sắm-sửa cho đủ cả.

Vua khen: *Phu-nhân* biết ta yêu mến *tân-nhân*, mà đem lòng yêu mến *tân-nhân* quá ta thật có khác nào như người con có hiếu thờ cha mẹ, người bầy tôi trung thờ vua vậy.

Phu-nhân đã chắc bụng vua không ngờ mình là người ghen, nhân dịp mới báo *tân-nhân* rằng:

— Vua yêu mến nhà người lắm, nhưng ghét cái mũi người. Giá từ nay, hễ người trông thấy vua, người cứ che lấy cái mũi đi, thì vua yêu mến được mãi đấy.

Tân-nhân theo lời, từ đó mỗi khi trông thấy vua, là che ngay mũi lại.

Vua thấy thế, bảo với *phu-nhân* rằng:

Tân-nhân trông thấy ta mà cứ che mũi là ý làm sao?

Phu-nhân trước thưa: — Tôi không được rõ.

Đợi cho vua *cưỡng* hỏi nữa, mới thưa rằng:

— Tôi nghe đâu như *tân-nhân* có nói hơi vua khi nặng, lấy làm khó chịu.

Vua phát giận bảo: — À nếu thế thì xẻo mũi nó đi.

Vua vừa nói đoạn, thì một viên quân hầu cầm dao ra xẻo ngay mũi *tân-nhân*. Vì *phu-nhân* đã dặn một viên quan hầu đứng chực sẵn đấy trước, hễ thấy vua phán gì, là làm ngay lập tức.

Hàn-phi-Tử

CHÚ-THÍCH. *Nguy*: tên một nước ở thời *Chiến-quốc* ở về phía bắc tỉnh Hà-nam và phía tây-nam tỉnh Sơn-tây ngày nay. — *Kinh*: tức là nước Sở thời *Chiến-quốc* ở về Hồ-nam, Hồ-bắc ngày nay. — *Phu-nhân*: tiếng để gọi vợ vua các nước chư hầu. Người ta còn dùng tiếng ấy để gọi vợ các quan to. — *Tân-nhân*: người vợ mới lấy về. — *Cưỡng*: cố ý bắt phải.

Lời bàn. — Phàm người đời cái gì đáng ghét mà lại yên, cái gì muốn tranh mà lại nhường, làm trái hẳn thường tình, đều là những người dụng tâm một cách nham-hiềm cả. Sự yêu ấy chính là cái giết ngầm, sự nhường ấy chính là cái cướp sạch. Đáng thương cho những kẻ ngu mê nông-nổi dạ thật tin người để đến nỗi mắc vào lưới cạm mà không biết.

Trong chuyện này người con gái thì khờ dại, vua *Kinh* thì quá tin. Hai người có hai cái tật như thế, thì tránh sao cho khỏi sự dụng-tâm độc-ác của *phu-nhân*. Than ôi! Người đang xinh đẹp mà bị cắt mất mũi, bụng đang yêu mến mà để hồng mắt của yêu, ghê gớm thay cho cái lòng nham-hiềm, cái mưu thâm-độc của *Trịnh-Tụ*.

61. — Bầy cô vợ lẽ

Ông *Phật-Án* là bạn thân của ông *Tô-Đông*.

Pha, khi trò-chuyện hai ông thường đùa bốn cọt-nhả.

Đông-Pha có bảy người thiếp.

Một hôm, Phật-Ấn đùa bảo Đông-Pha rằng: « Sao mà bác lấy nhiều thiếp thế? Bác có chịu bằng lòng tặng tôi được cô thiếp thứ bảy không? »

Đông-Pha cười nói: — Sao lại không được? »

Rồi Đông-Pha về nhà đem chuyện nói với người thiếp.

Người thiếp thưa: « Đó là câu chuyện nói đùa nhau chứ gì. »

Đông-Pha nói: — Ta đã hứa rằng cho, thì không nên sai lời. Bây giờ nàng cứ xem ra thế nào ». *thuongmaitruong.vn*

Chập tối, Đông-Pha cho xe người thiếp đến.

Phật-Ấn đón người thiếp cho vào nằm trong buồng, rồi bỏ màn xuống. Trước buồng đã đặt sẵn bảy cái hỏa-lò cái nào cũng đầy than đỏ rực. Ông bước qua từng cái một, bước qua hết một lượt, rồi lại bước lại, cứ thế suốt đêm. Đến sáng ông cho xe người thiếp về trả.

Người thiếp về, kể lại đầu đuôi câu chuyện. Đông-Pha chợt nghĩ ra, nói rằng:

« Bảy cái hỏa-lò lửa là chỉ vào bảy người thiếp của ta, giống như bảy cái hang lửa. Ông làm ra như thế, là ông có ý bảo ông đã vượt ra được ngoài sắc-dục còn ta thì lại sa ngã đắm đuối vào

đấy. Ông này có ý muốn làm cho ta *tĩnh ngộ* chẳng ». *Dục-hải Từ-hàng*

CHÚ-THÍCH.— Phật-Ấn: tên một vị cao tăng có tài hùng biện đời nhà Tống.— Tô-Đông-Pha: tức là Tô-Thức, người đời nhà Tống có tiếng giỏi về văn-chương, thi, họa.— Sắc dục: sự say-dắm của nam-nữ.— Tĩnh-ngộ: đang mê-mạn mà tỉnh biết ngay trước kia là dở.

Lời bàn.— Đông-Pha là một bậc tài học phong-lưu, Phật-Ấn là một nhà tu hành đắc đạo. Người phong-lưu thì chỉ cốt đời người cho sung-sướng là thỏa lòng, nhà tu hành thì chỉ cốt trí-tuệ cho cao-minh là mãn nguyện. Cứ bình tĩnh mà nói, thì ai là người chẳng thích phong-lưu. Nhưng có biết đâu, « phong-lưu là cạm trên đời; Hồng nhan đánh bả con người tái hoa ». Bao nhiêu thị dục thường hại cho người ta hết cả. Xưa nay kẻ sao cho xiết được những kẻ vì thị-dục, mà mất hết cả tính thiêng-liêng mẫu-nhiệm, mà hỏng hết cả phẩm-giá, thanh-danh. Trong các món thị-dục, thì sắc dục có phần tệ nhất. Dâm là cái tội ở đầu muôn tội. Muốn tránh tội ác, cần phải giới dâm.

Phật-Ấn đây thật có ý thương, có lòng yêu Đông-Pha lắm. Chơi với anh em mà bày trò ra như thế để khuyên anh em. Cũng là một cách thuyết-pháp, thực-tế mà cảm hóa được người ta sâu-xa vậy.

62.— Gõ nhịp mà hát

Vợ Trang-Tử chết.

Huệ-Tử đến viếng, thấy Trang-Tử đang ngồi

đuổi xoạc hai chân, tay gõ nhịp vào bồn nước mà hát.

Huệ-Tử bảo: « Minh đã ăn ở với người ta, có con với người ta. Bây giờ người ta già, người ta chết, mình đã không khóc thì cũng là đủ, lại còn ngồi gõ bồn mà hát, chẳng là quá lắm ư!

— Trang-Tử nói: Không phải thế. Lúc vợ tôi mới chết tôi cũng lấy làm thương tiếc lắm. Nhưng xét cho cùng, thì vốn là không có gì cả, chẳng những không có gì mà vốn lại không có hình, chẳng những không có hình mà vốn lại không có khi, cái người ấy chẳng qua là tập chất biến mà hóa ra có khi, khi biến mà hóa ra có hình, hình biến mà hóa ra có sinh, có sinh lại biến ra có tử, có khác nào như xuân, hạ, thu, đông, bốn mùa cứ tuần hoàn đi lại không? Vả lại người ta chết là trở về với tạo-hóa, cũng như người ra ngoài mà về nhà, thế mà ta cứ còn theo đuổi nghèo-ngao khóc-lóc, thì chính ta chẳng hóa ra không biết mệnh trời ư? Cho nên ta không khóc mà lại còn hát nữa ».

Trang-Tử

CHÚ-THÍCH.— Trang-Tử: tên là Chu, người thời Chiến-quốc học rộng và cao, theo tôn-chỉ Lão-tử, có làm sách, phần nhiều là ngụ-ngôn.— Huệ-Tử: tức là Huệ-thi, người thời Chiến-quốc có tài khéo nói, là bạn thân của Trang-Tử.— Bồn: chậu nước rửa xác cho người chết.— Cũng đã là đủ: ý nói cũng là người biết, người đạt rồi.

Lời bàn — Vợ chết đáng là một mối đau đớn to, chồng nào mà cầm lòng không thương, không xót,

không tiếc, không sụt sùi giọt ngấn, giọt dài cho đau. Thường tình như thế. Nên Huệ-tử trách Trang-tử là chỉ vì lẽ thường tình.

Còn Trang-tử đáp thế, là lại lấy một cái lẽ cao xa, siêu-việt hẳn ra ngoài thường tình. Ta không rõ cái thuyết của Trang-tử cho người ta vốn tự chỗ không, do khí do hình mà sinh ra để đợi lại trở về chỗ không, có đúng với khoa-học hay không. Nhưng rất giống thuyết nhà Phật. Ta chỉ lấy thường tình mà suy nghĩ thì có lẽ Trang-tử quá thương tiếc vợ nên đem cái đạt quan nói với Huệ-tử để vừa tự giải, vừa tự an ủi cho đỡ đau khổ chăng?

63.— Liêm, sĩ

Liêm, sĩ là tính rất hay của loài người, vì người mà không liêm thì cái gì cũng lấy, không sĩ thì việc gì cũng làm. Người mà đến thế là người bỏ đi, không khác gì giống vật. Nhất những bậc đứng chủ-trương việc nhà, việc nước mà vô liêm, sĩ thì nhà phải suy-bại, nước phải suy-vong.

Nghĩ cho kỹ, thì sĩ cần hơn liêm; người không liêm làm những việc bất-nghĩa, căn-nguyên cũng ở vô sĩ mà ra.

Đức Khổng nói: « Hành kỷ hữu sĩ » nghĩa là giữ mình biết làm xấu là xấu hổ. Thầy Mạnh nói: « Nhân bất khả vô sĩ » nghĩa là người ta không biết xấu hổ thì không được.

Than ôi! thế mà ngày nay, nhân-tình phản-trắc, *phong-tục* suy đồi, người ta quên cả liêm, sĩ, không kể chi người thường, *thậm chí* đến bọn *sĩ-phu* cũng chan-chan như thế cả. Ôi! nếu cho là sự xấu hổ chung cho cả nước, cũng không phải là nói ngoa.

Tuy vậy, mùa đông rét mướt, *tòng, bách* vẫn xanh: mưa gió tối-tăm, gà trống vẫn gáy. Đời tuy *hôn-mê*, vẫn có người tỉnh.

Ông *Nhan-Chi-Suy* làm sách «*gia-huấn*» có thuật câu chuyện rằng:

Một viên quan nói với ông: «Tôi có đứa con 17 tuổi học đã thông. Tôi cho nó học tiếng nước *Tiên-Ti*, tập gảy đàn từ bà, lớn lên theo hầu đám *công-khanh*, thì thế nào rồi cũng được sung sướng».

Nhan-Chi-Suy nghe nói, nín lặng không trả lời. Sau về nhà, bảo con cháu rằng:

«Người này dạy con lạ thay. Như ta, nếu học cách ấy, dù cho được phú quý đến đâu, ta cũng không mong cho các con vậy».

Những kẻ mất hết liêm, sĩ, chỉ biết chăm-chăm *xu-thời* hay *nịnh đời*, xem câu chuyện này, nghĩ chẳng đáng thẹn lắm ru!

Vô-Danh

CHÚ - THÍCH. — Liêm: tính phân minh ngay thẳng không lấy của bất nghĩa. — Sĩ: hồ thẹn, tự mình lấy làm hổ chịu, nhục nhằn trong lòng. — Chủ trương: cai quản

trông nom để cho người ta theo và trông cậy. — Suy bại: suy là kém dần, bại là hỏng nát — *Nguy vong*: nguy là không được yên, vong là mất. — *Bất nghĩa*: không hợp lẽ phải. — *Căn nguyên*: căn là rễ, nguyên là nguồn, nói tự đó mà sinh ra — *Phong-tục*: phong là việc người trên làm để cảm hóa người dưới, tục là thói quen của người ta đua nhau mà lâu ngày đã thành nếp. — *Thậm chí*: quá tệ đến cả. — *Sĩ-phu*: người có học thức, có quan chức, người tai mắt trong nước. — *Hôn mê*: hôn là tối tăm, mê là không tỉnh — *Gia huấn*: lời dạy bảo con em trong nhà — *Nhan-chi-Suy*: nhà văn tự gọi có tiếng thời Nam Bắc triều — *Tiên-Ti*: tên một nước cũ, tức là một bộ phận *Nội Mông-cô* bây giờ. Về đời Tấn, *Tiên-Ti* vào chiếm nước Tàu, đặt tên nước *Nguy*, tức là Bắc triều. — *Công khanh*: hai chức quan to. — *Xu thời*: A-dua theo thời. — *Nịnh đời*: tự thân để tiện để tôn hót đời.

Lời bàn. — Bài này thực đã như một tiếng than cho đời mà ngán cho người. Than ôi! người đời bây giờ có phải đa số là người «*vô liêm sĩ*», «*bất trí sĩ*» không? Nếu quả vậy thì người ta ngậm ngùi than thở rất là phải. Vì «*liêm*», «*sĩ*» là nền tảng của đạo làm người. Ở đời còn có sĩ thì hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm còn được chớ liêm sĩ đã mất, nhất là sĩ, thì còn gì là luân thường đạo lý, và mong cậy vào đâu nữa. Con người mà đã đến vô sĩ thì tuy mặc áo, đội mũ mà như con chim, con muông, còn cái gì là kiềng nê mà không dám làm!

64. — Tiễn người đi làm quan

Tiết-Tôn-Nghĩa, người *Hà-dông* sắp đi làm quan.

Ông *Liêu-tôn-Nguyên* làm tiệc tiễn hành ở bờ sông, rót chén rượu mời *Tôn-Nghĩa* mà nói rằng:

« Phàm ra làm quan ở hạt nào, phải biết chức phận của mình là người làm việc cho dân, chớ không phải sai dân làm việc cho mình. Dân ở trong hạt đã chịu nộp thuế để lấy tiền thuê quan giữ sự công bình cho dân, mà nay, ngán thay, thiên-hạ ra làm quan, tiền thuế của dân, thì biết lấy cả, còn công việc của dân, thì trể biếng, thường khi lại dụng tâm ăn cắp của dân nữa.

Giả sử ta thuê một người làm việc trong nhà, nó đã lấy tiền thuê mà lười không làm việc, lại còn ăn cắp đồ *thập-vật* trong nhà, thì tất ta phải giận mà trách phạt nó và đuổi nó đi. Bây giờ làm quan như thế nhiều, mà dân không dám nổi giận trách phạt và đuổi đi là tại làm sao? Chỉ tại *thế-lực* khác không làm được mà thôi. Nhưng *thế lực* dù khác mà lý vẫn là một. Nên người làm quan nếu còn biết công-lý, thì ai mà không chịu giữ gìn, cố làm thế nào cho đáng đồng tiền thuê của dân?

Này Tôn-Nghĩa, người trước đã làm quan huyện ở Linh-Lăng hai năm, ngày ngày dậy sớm, đêm đêm thức khuya, chính sự siêng năng, xử kiện công bằng, thu thuế phải chăng, già trẻ không ai đem lòng thù ghét, người thật là biết lo và giữ gìn lắm, cho nên người lấy tiền thuê của dân rất là đáng vậy.

Ta đây chức nhỏ không được dự vào việc bàn bạc xét công cho người đi làm quan, để thăng thưởng hay *trách giáng*. Ta chỉ biết người đi làm

quan, nên thưởng tiệc rượu này lấy lời trân-trọng để tiễn hành ».

Liều-tôn-Nguyên

CHỮ-THÍCH.— Hà-đông: khu đất ở về phía đông sông Hoàng-hà trong tỉnh Sơn-tây bên Tàu. — Liều-tôn-Nguyên: người Hà-đông đời nhà Đường, lanh lợi iải giới, đỗ Tiến-sĩ, làm chức Thứ sử, văn thơ có tiếng ở nước Tàu — Tiễn-hành: tiễn người ta lúc người ta sắp đi xa. — Thập vật: những đồ vật thường dùng. — Thế-lực: có quyền có sức làm được việc. — Linh-lăng: tức là phủ Vĩnh-Châu, tỉnh Hồ-nam ngày nay. — Trách giáng: quở phạt và hạ chức xuống.

Lời bàn.— Bài của Liều-Tôn-Nguyên đây thực là hợp với cái ý-tưởng tối-tân đời nay. Quan nay không phải là cha mẹ dân, chỉ là kẻ làm công, lấy tiền thuê của dân mà thôi! Ôi! từ cái bực làm cha mẹ người ta đến cái bực làm kẻ thuê mướn của người ta xa cách nhau đến chừng nào! Tuy vậy, bình tĩnh mà nói, bỏ giọng quá khích, tôi tưởng người cầm vận-mệnh dân chúng một địa-phương mà thiếu tư-cách, chỉ biết làm thuê, không nhận chân coi việc nước như việc nhà, coi dân chúng như con em. Hỏi việc làm có chu-đáo và dân có được nhờ không? Cả quyết không. Nhất định người làm quan phải làm thế nào cho dân coi như phụ mẫu mới đáng là quan. Vì buổi mạt-tục này, người làm quan phần nhiều quên cả thiên chức tham-ô tàn ác, cho nên người ta mới dùng hai chữ « công-bộc » để cảnh tỉnh họ và cố đưa họ đến chỗ hiền chức-vụ. Vậy chính người làm quan nên vui lòng tự nhận là công-bộc mà cố gắng sao cho dân chúng coi như cha mẹ, nha-lại sợ như thần-minh thì mới thật là làm quan vì dân vì nước vậy.

65. — Viếng người đi làm quan

Tôn-Thúc-Ngao được làm quan *lệnh-roãn* nước Sở.

Cả nước quan, dân đều lại mừng.

Sau cùng có một ông lão già mặc áo vải, đội mũ trắng, đến viếng.

Tôn-Thúc-Ngao thấy thế, ăn mặc chỉnh-tề ra *tiếp-kiến*, thưa với ông lão rằng:

« Vua chúng tôi không biết tôi là người bất tài quá tin mà cho làm quan để tôi làm lụy cho lại, cho dân. Ai ai cũng đến mừng, một mình lão đến viếng chắc có ý *kiến* gì đây chẳng.

Ông lão nói:

— Có. Thân đã sang mà *khinh* người thì dân không chuộng; chức đã cao mà *chuyên quyền*, thì vua sinh ghét; lộc đã hậu mà không *tri túc*, thì gặp phải tai vạ.

Tôn-Thúc-Ngao vừa vái, vừa nói:

— « Xin kính vâng lời ». Và nài ông lão dạy thêm cho mấy câu nữa.

Ông lão bảo:

« Chức đã cao, ý càng phải *khiêm cung*; quan đã to, tâm càng phải *tế-nhị*; lộc đã hậu, việc càng phải cẩn thận, chớ có lấy cần, làm bậy. Ông giữ được ba điều ấy là đủ *tri dân* ».

Thuyết-Uyên

CHÚ-THÍCH. — Tôn-thúc-Ngao: quan tướng giết nhà Sở thời Xuân thu, ông là một nhà cai-trị, rất có giá, nước nhờ có ông mà được bình-trị — *lệnh roãn*: chức quan cầm quyền, chính trong nước. — *Tiếp-kiến*: đơn rước vái chào người đến với mình. — *Lại*: người làm việc quan trên. — *Ý-kiến*: ý-nghĩ *kiến-thức*. — *Chuyên quyền*: một mình mình giữ lấy cả quyền — *Tri-túc*: tự cho thế là vừa đủ không còn lòng tham muốn hơn nữa. — *Khiêm-cung*: *khiêm-nhường cung-kính*. — *Tế-nhị*: tinh-tế cẩn-thận không có nóng-nổi sơ suất.

Lời bàn. — Đây mà không đề *ràn-rụa*, *bổ-thí* luôn mãi là cách giữ được giàu bền. Cao mà không dám *ngông-cuồng*, tự-nhiên như không giữ được sang mãi.

Ở đời nhiều người bàn tiện biết *tri đức* mà được giàu sang; ít người giàu sang biết *tri đức* để được *lân đại hưởng thọ*. Sao vậy? Vì xử cảnh giàu sang để sinh ra *kiêu xa*, phóng đảng mà đã *kiêu xa* phóng đảng là cái *hoạn-nạn* tai vạ nằm sẵn, ở đấy rồi. Cho nên lời ông lão dặn Tôn-thúc-Ngao đây thực là có giá lắm. Chả những người làm quan nên tuân theo, ai may mà được xử vào cảnh *thịnh-vượng* cũng nên nhớ câu *khuyên-răn* này mà *phục-thiện* như Tôn-thúc-Ngao đây, thì mới mong *trường-cửu* được.

66. — Đức uống rượu

Có một *tiên-sinh* đại-nhân lấy trời đất làm một buổi, lấy muôn năm làm một chốc, lấy mặt trời, mặt trăng làm cửa, làm ngõ, lấy cả thiên-hạ làm sân, làm đường; đi, không thấy vết xe, ở, không có nhà cửa, trời tức là màn, đất tức là chiếu, ý muốn

thế nào thì thế. Lúc ở thì nâng chén, cầm bầu, lúc đi thì vác chai, xách nậm, lúc nào cũng chỉ có việc rượu-chè, không còn biết đến gì nữa.

Có một công-tử và một vị quan sang nghe tiếng tiên-sinh như thế, bèn đến tận nơi, xắn tay, vén áo, người thì trừng mắt, nghiêng răng, người thì trần lễ, thuyết-pháp, những giọng thị-phi đầu bảy giờ ăm-ỹ xôn-xao như đàn ong dấy.

Lúc đó tiên-sinh mới ôm vò rượu, ghé vào thùng rượu, tợp cả chén rượu, phồng mồm những rượu, vênh bộ râu lên, ngồi giảng hai chân, gối đầu vào men, lặn lưng vào bã, không nghĩ, không lo, hớn-hở vui-thú, ngất-ngưỡng say-sưa, thoáng rồi lại tỉnh. Lắng tai, cũng không nghe thấy tiếng sấm-sét, nhìn kỹ, cũng không trông thấy bình Thái-sơn; nức, rét thiết đến thân, cũng không biết: lợi dục cảm đến tình, cũng không hay; cúi xuống trông vạn-vật rối-rít ở trước mắt khác nào như bèo nổi bông-bềnh trên sông Giang, sông Hán.

Hai vị kia đứng cạnh, tiên-sinh bấy giờ xem cũng như con tò-vò, con sâu-róm mà thôi.

Lưu-Linh

CHÚ-THÍCH.— Tiên-sinh đại-nhân: nghĩa thẳng là ông thầy bậc kẻ cả. Đây Lưu-Linh dùng bốn chữ ấy để chỉ chính mình. — Công-tử: con quan hay con vua chư-hầu. — Trần lễ: bày tỏ lễ-độ. — Thuyết-pháp: giảng-giải điều hay lẽ dở cho người ta nghe. Chữ nhà Phật hay dùng. — Thị-phi: nghị-luận, khen chê. — Thái-sơn: núi to và cao nhất

ở tỉnh Sơn-đông bên Tàu. — Thiết: thấu đến. — Lợi dục: tiền của và lòng ham muốn. — Vạn vật: muôn vật ở trong trời đất. — Sông Giang: con sông rất to ở bên Tàu hạ-lưu tức là sông Dương-tử-giang. — Sông Hán: tức là sông Hán-thủy phát nguyên ở Thiểm-tây và chảy vào sông Giang. — Lưu-Linh: tên tự là Bá-Luân là người phóng-đạt làm quan đời nhà Tần đến chức Kiển-uy tướng-quân.

Lời bàn. — Noi đến say rượu, thì ai cũng phải nhắc Lưu-Linh, mà Lưu-Linh sở dĩ còn lưu danh lại cho ta biết là nhờ bài « Tửu đức tụng » ta dịch trên đây.

Uống rượu say được như tiên-sinh thực là hiếm có. Say mà đến lấy trời làm màn, lấy đất làm chiếu, trác sạch được hết lợi, dục, quên bỏ được hết việc đời, kẻ sang giàu, người quyền thế trông chỉ còn như con sâu-róm, con tò-vò, thì quả là một cái say tha vị, làng say vị tất đã mấy ai đã hưởng được. Nên tưởng những kẻ chưa tới được cảnh say, chưa biết cái thú say như thế là gì, cũng chẳng nên nghị luận cái say, cười người say chưa thấy đâu, lại phải người say cười lại. Còn những hạng người say mà nói nhảm, làm càn, phạm vào những điều thương luân, bại lý mà vin Lưu-Linh thì lại là tội nhân của Lưu-Linh, chớ không phải đồ-đệ của Lưu-Linh. Nói rộng ra: Giới tửu mà không uống rượu theo đúng như Phật dạy cố-nhiên là đáng trọng, nhưng uống rượu mà vui tươi tao nhã như thần tiên, thì cũng không có thể khinh được.

67.— Làng say

Ngày trước, ta thường đến một làng kia, vừa

bước chân vào, thì chuyển-choáng, nghiêng ngã, mờ-mịt, lu-bù, trông trời như thấp, trông đất như cao, mặt trời, mặt trăng như không có ánh sáng. Mắt ta mờ, tai ta ù, tâm thần ta mê-hoặc, thân thể ta mệt nhọc. Ta mới hỏi người rằng: Đây là làng gì?—Người nói: Đây là nơi vui say, sẵn của ngon bùi, tha hồ ăn uống phóng phiếm. Tục truyền là «Làng Say».

Than ôi! Đây gọi là làng say? Cỗ-nhân nói dối ta thật. Ta thường than cho lũ Lưu-Linh, Nguyễn-Tịch, đương lúc trong nước lục-trăm, bốn phương rối-loạn, mà những tay giỏi-giang, sinh ra chán đời đông-dài liễu-lĩnh, thất-thêu rủ nhau vào làng say. Cứ như ý riêng ta, thì trong làng say, không có cái gì là vui cả...

Hoặc có kẻ nói: Đến đây cho người những sự lo nghĩ. Ôi! cái lo nghĩ mà còn có cách người được, thì không phải là lo nghĩ. Nếu quả nhiên có điều gì đáng lo, thì bắt tất phải tìm cách giải. Huống chi làng say này không có thể giải được lo. Vậy thì người vào làng say đều là người vô lo, vô lự cả.

Than ôi! tự đời Lưu-Linh, Nguyễn-Tịch đến bây giờ, khắp cả thiên-hạ đâu cũng có làng say. Làng say càng đông, thì thiên-hạ càng vắng. Mờ-mịt, say sưa, ẻo lả, yếu đuối, ai đã vào làng say, không biết lối mà ra. Gián hoặc có người vào làng say mà không mê, thì lại phải những kẻ đã mê-hoặc bại-loạn, chê-bai, nói cười, mai mỉa, thế mới thật là lũ say ở làng say.

Đái-danh-Thế

CHỮ-THÍCH.— Làng say: nơi những người say rượu, tụ-hợp, chề-chén với nhau.— Phóng phiếm: câu nói, việc làm không giữ-gìn gì cả.— Tục truyền: thói quen xưa nay kể lại như vậy. Cỗ-nhân: người sinh trước ta mà đã qua đời rồi.— Lưu-Linh, Nguyễn-Tịch: hai người đời nhà Tấn, tính phóng-đạt hay rượu mà không thiết gì đến việc đời.— Lục trăm: đắm đuối ở trên cạn.— Vô lo lự: không để tâm chí lo liệu việc gì, cứ dửng-dưng như không.— Gián hoặc: một đôi khi cũng có.— Mê hoặc: tâm thần rối loạn không biết đích xác việc gì.— Bại loạn: hư hỏng rối loạn.

Đái-Danh-Thế: Người đời Khang hi nhà Thanh đỗ Tiến-sĩ tài danh nổi tiếng, chuyên riêng về sử học, về sau bị nhà Thanh làm tội, vì ông làm Sử có ý tôn nhà Minh.

Lời bàn.— Làng say tức là chỉ tội người say rượu. Mà phạm ai đã bước chân vào làng say cũng cho là gặp nơi vui thú cả. Thường lại viện những lẽ này, lẽ khác, tưởng như là chánh đáng, nhất là cái lẽ đỡ lo, đỡ nghĩ. Ôi! nhưng đã gọi là việc đáng lo, đáng nghĩ, thì tưởng càng phải nên tỉnh đề mà lo nghĩ cho phân minh sáng-suốt, chớ say thì lo nghĩ sao cho được. Cái say chính là cái làm cho bại hoại hết công việc. Việc to tài trời đến lúc say cũng còn bỏ, huống còn mong sao cho làm nên việc thường hàng ngày nữa.

68 — Treo kiếm trên mộ

Duyên-lãng Quý-tử sang sứ nước Tấn có đeo thanh bảo kiếm qua chơi với vua nước Từ.

Vua nước Từ ngắm thanh kiếm ra dáng thích muốn xin mà không nói ra.

Duyên-lăng Quí-tử, vì còn phải đi sứ *thượng-quốc*, tuy chưa dưng vua Từ được thanh kiếm ấy, nhưng trong tâm đã định cho.

Khi sang sứ *Tấn* xong, về qua Từ, thì vua Từ không may đã mất, đánh tháo thanh kiếm đưa cho *Tự-quân*. Các người theo hầu ngăn lại, nói:

Thanh kiếm ấy là của báu của nước Ngô, không phải là thứ để tặng được.

Duyên-lăng Quí-tử nói:

— Không phải là ta tặng. Đệ trước ta lại đây, vua Từ xem kiếm của ta, tuy chẳng nói ra, mà như dáng muốn lấy. Ta vì còn phải đi sứ *thượng-quốc*, chưa dưng được. Tuy vậy đã định cho. Nay vua Từ chết mà ta chẳng hiến thanh kiếm, thì ta tự dối tâm ta. Tiếc kiếm mà dối tâm, người *liêm* không chịu làm.

Nói xong, bèn tháo thanh kiếm đưa cho *Tự-quân*.

— *Tự-quân* nói: *Tiên-quân* tôi không có dặn lại việc ấy, tôi không dám nhận kiếm.

Quí-tử bèn treo thanh kiếm vào cái cây ở mộ vua Từ, rồi đi.

Người nước Từ ai cũng khen Duyên-lăng Quí-tử rằng không quên người *thân-cổ*, đem thanh gươm báu treo vào cây bên mộ.

Tân-tự

CHỮ-THÍCH. — *Tấn*: nước lớn thời Xuân-thu ở vào địa phận tỉnh Sơn-tây ngày nay. — *Bảo-kiếm*: thanh gươm quý báu. — *Từ*: tức là quận Đông-hải ngày nay. — *Thượng-Quốc*: tiếng gọi tôn một nước to mạnh hơn mà mình phụ-thuộc vào. — *Tự-quân*: vua mới lên ngôi. — *Liêm*: phân minh thẳng thắn. — *Tiên-quân*: tiếng để gọi vua cha đã mất. — *Thân-cổ*: thân bằng cố cựu.

Lời bàn. — Lúc vua Từ có ý lấy thanh kiếm, thì Quí-tử không tự ý đưa được, vì công việc phải làm còn chưa xong. Đến lúc Quí-tử có thể tặng thanh kiếm được, thì vua Từ không sao nhận được nữa, vì đã thác mất rồi. Giá phải người tầm thường, xir vào cái địa-vị Quí-tử thì tuy trong bụng có điều hối hận, nhưng cũng tiếc thanh kiếm mà đem về nước. Nhưng Quí-tử vốn là người trong tâm đã nghĩ làm sao thì phải làm cho kỳ được như thế mới nghe, cứ đem thanh kiếm treo tại mộ vua Từ. Người ta tuy khuất, nhưng tâm mình vẫn còn, mà mình không muốn dối tâm mình, thực là liêm lắm, vậy. Chẳng bù với những kẻ đã tự mình dối mình lại đi dối cả thiên-hạ, nhất là dối với người đã khuất tuy có hân lời hứa định-ninh mà rồi nuốt ngay lời đi được.

69. — Chết vì lễ nghĩa hay vì tình

Ngũ-Tử-Tư gặp phải nạn vua Sở giết cha, giết anh, chạy trốn sang nước Ngô, định tìm cách báo thù. Giữa đường bị ốm và hết lương, phải ăn mảy mà ăn. Tình cờ gặp một cô con gái đang đập sợi ở bờ sông *Lại-thủy*, bên cạnh có giỏ cơm.

Tử-tư đến gần nói: Thưa cô, cô sẵn cơm đây, cô có làm phúc cho tôi được một bữa không?

— Cô con gái đáp: Tôi ở một mình với mẹ, năm nay ba mươi tuổi, chưa có chồng, ông đứng lui ra, cơm tôi, tôi ăn không thể cho được.

— Tử-Tư nói: Thưa cô, cô nhủ lòng thương cho kẻ cùng-đồ này ít cơm, thì có ngại gì tai-tiếng.

Cô con gái biết Tử-Tư không phải người thường, bèn mở giỏ cơm cho với cả tương, dưa nữa, Tử-Tư ăn no, cô con gái bảo:

— Quân-tử đi xa, sao không ăn thêm cho rõ no nữa?

Tử-Tư ăn xong lúc đứng lên đi, bảo cô con gái rằng:

— Cô che đây giỏ cơm, bầu nước này đi, chờ để cho lộ chuyện.

Cô con gái thở dài, nói rằng:

— Than ôi! thiếp một mình ở với mẹ năm nay ba mươi tuổi, một lòng *trinh-bạch*, không có tai-tiếng gì. Nay đưa cơm cho *trượng-phu* ăn, qua vượt cả lễ nghĩa, thiếp lấy làm khổ tâm lắm.

Tử-Tư đi được mấy bước, ngoảnh lại trông thì cô con gái đã đắm đầu xuống sông rồi.

Tinh-Sử

CHỮ-THÍCH.— Ngũ-Tử-Tư: tên là Viên, người nước Sở thời Xuân-thu vì cha, anh báo thù mà giết được vua Sở.— Lại-thủy: tên sông ở vào huyện Lật-dương, tỉnh Giang-tô ngày nay.— Cùng đồ: cảnh khốn khổ cùng quần quá.— Trinh bạch: trinh là chính chuyên, không thất liết, bạch là trong sạch.— Trượng phu: tiếng để gọi con trai.

Lời bàn.— Một người cùng đồ đang đói mà gặp một người có cơm cho ăn mà người ấy lại là một cô con gái nhan sắc, một cô con gái đã đúng tuổi, chưa chồng, mà cứu được một người đang bộ trông rõ ra một đấng trượng-phu không phải kẻ tầm-thường, cái cảnh ngộ của đôi bên tuy là tình cờ gặp gỡ, nhưng biết đâu mà trai anh hùng, gái thuyền duyên lại không bỗng nhiên sinh ra lòng quyến-luyến, yêu thương nhau. Mỗi tình nó thường khiến ra như thế. Nhưng chàng ăn xong chàng đi, thiếp ở lại chỉ còn một mình, chàng lại dặn thiếp đừng để lộ chuyện, chắc chàng đang tính đại sự, thiếp đâu lại dám để hại chàng. Vả chẳng thiếp là con gái mà đã chuyện trò với trai, lại cho trai ăn cơm của mình, vượt qua cả lễ nghĩa quá nghiêm đời bấy giờ, đường kia nổi nọ thật là khó tính. Chỉ cho bằng thiếp liệu mình thiếp, vừa được trọn tình với chàng, bèn chỉ cho chàng lại vừa giữ được nghĩa với đời chẳng là đôi đường vẹn đôi ư! Ôi! tình như thế cũng là tình, một cái tình để thẹn muôn thuở ai mà chẳng phải kính phục.

70— Vì nghĩa nên tình

Một người thiếu nữ họ Trương ở nhà chồng tại Tô-thành về thăm cha mẹ đẻ. Có tên Thị-tì,

mang hộp đồ nữ-trang theo hầu, chẳng may giữa đường đánh rơi, lâu-lâu mới biết, trở lại tìm, thì thấy có người ăn mày đang ngồi giữ hộp ấy. Tên Thị-tì hoảng-hốt nói, thì người ăn mày liền trao trả và nói rằng:

— Tôi đã cùng khổ đến thế này mà lại còn cuồn thêm những của vô-cớ, thì mong khá sao được.

Tên Thị-tì mừng lắm, lấy một chiếc thoa ra tạ. Người ăn mày cười nói:

— Bao nhiêu của chẳng lấy, lại lấy một chiếc thoa ư!

— Tên Thị-tì nói: Tôi mà đánh mất cái hộp đồ nữ-trang này, thì đến chết mất. May mà người được, người trả lại cho, thế là người cho tôi của, lại cứu cho tôi sống vậy. Dù người không màng báo, tôi cũng không dám quên ơn. Nhà tôi ở ngõ... từ nay về sau, sớm trưa tôi xin đợi người đến cửa, xẻ phần cơm của tôi để người ăn.

— Nhưng cô ở trong nhà, tôi làm thế nào mà thấy được?

— Trước cửa nhà tôi, có cây trúc cao, người cứ rung cây, là tôi khắc biết.

Người ăn mày sau cứ làm như lời.

Tên Thị-tì cũng cứ cho ăn mãi.

Lâu người nhà biết, mách chủ. Chủ ngờ có ngoại-tình đem ra tra hỏi, tên Thị-tì phải thú-thật.

Người chủ nhà thấy vậy, bèn gọi người ăn mày đến nhà nuôi, rồi gả tên Thị-tì cho.

Sau hai người thành một đôi vợ chồng khá.

Tinh-sử

CHÚ-THÍCH. — Thiếu-nữ: có con gái trẻ tuổi. — Thị-tì: con hầu. — Hoảng-hốt: vội-vàng, hãi-hùng, trông không đích thật. — Vô-cớ: không có cớ gì, lẽ gì.

Lời bàn — Của không đáng lấy thì một mảy cũng không lấy, anh ăn mày này liêm thật; cái số không giàu thì con mắt tráo trưng cũng vô ích, anh ăn mày này đạt thật. Hoài! hạng ăn mày này mà có duyên may, mà gặp dịp tốt, thì thật là con người có ích cho xã-hội lắm.

Giả-sử anh ăn mày này mà lại có cái bụng « ăn mày » như những hạng người đời nay quá xu-hướng về vật-chất, thì biết đâu vợ chồng nhà kia không vì hộp nữ-trang mà đến bỏ nhau, tờ thầy nhà kia, không vì hộp nữ-trang mà đến có mạng, cả chính anh ăn mày kia không vì được hộp nữ-trang mà đeo thêm muôn nghìn tội ác vào thân.

Cùng khổ mà thích làm lành, tôi-tờ mà biết trả nghĩa, sau thành vợ chồng, tuy là tình duyên, nhưng cũng là tự mình tạo nên vận mệnh cho mình vậy, đáng khen đáng quý lắm thay!

71. — Nghĩa công nặng hơn tình riêng

Quân nước Tề sang đánh nước Lỗ.

Khi đến chỗ *giáp-giới*, trông thấy người đàn bà một tay bồng một đứa bé, một tay dắt đứa nữa. Người đàn bà thấy quân kéo tới, vội-vàng bỏ đứa đang bồng trên tay xuống mà bồng đứa bé đang dắt, rồi chạy trốn vào trong núi. Đứa bé kia chạy theo khóc, người đàn bà cứ chạy không ngoảnh lại.

Một viên tướng nước Tề cho bắt đến, hỏi:

— Đứa bé nàng bế chạy là con ai? Còn đứa trẻ nàng bỏ liêu là con ai?

Người đàn bà thưa; — Đứa tôi bế là con anh cả tôi; đứa tôi bỏ lại là con tôi. Tôi thấy quân lính kéo đến, sức tôi không thể *bảo-toàn* được cả hai đứa, cho nên tôi đành phải bỏ con tôi lại.

Viên tướng nước Tề nói: — Con với mẹ kẻ tình thân yêu thì đau xót lắm. Nay bỏ con mình lại mà chạy lấy con anh là cớ làm sao?

Người đàn bà nói: — Con tôi là « *tinh riêng* » con anh tôi là « *nghĩa công* ». Con đẻ tuy đau xót thật, nhưng đối với việc nghĩa thì tính làm sao. Cho nên tôi đành bỏ liêu con tôi mà làm việc « *nghĩa* ». Tôi không thể nào chịu tiếng « *vô nghĩa* » mà vác mặt sống ở nước tôi được.

Viên tướng nước Tề dừng quân lại, sai người tâu với vua Tề rằng:

« Nước Lỗ chưa thể đánh được. Quân ta mới đến chỗ cương giới, đã thấy con mẹ đàn bà xó rừng còn biết làm điều « *Nghĩa* » chẳng chịu đem « *Tinh*

riêng » mà hại « *Nghĩa công* » huống chi là những bức quan lại, sĩ-phu ở trong nước. Xin kéo quân về. Vua Tề cho là phải.

Sau vua Lỗ biết chuyện này, thưởng người đàn bà một trăm tấm lụa và phong cho hai chữ « *Nghĩa-cô* ».

Lưu-Hương liệt-nữ truyện

CHÚ - THÍCH. — Tề: một nước thời Xuân-thu ở vào toàn hạt tỉnh Sơn-dông ngày nay. — Lỗ: tên một nước thời Xuân-thu ở vào tự phủ Duyện-châu cho đến Bi-Tứ tỉnh Sơn-dông. — Giáp giới: chỗ hai xứ, hai nước giáp nhau. — Bảo toàn: giữ cho trọn vẹn. — Nghĩa công: việc lành, việc phải mà đối với cả mọi người đều nên làm hay phải làm — *tinh riêng*: lòng thật thương yêu quý mến để xử riêng với một người nào. — Nghĩa-cô: người đàn bà có nghĩa.

Lời bàn. — *Tinh* với *nghĩa* cũng là quý, không quyết hẳn được bên nào nặng hơn bên nào. Cho nên ta phải cân nhắc cho cẩn thận; *tinh* nặng hơn *nghĩa*, thì ta giữ *tinh*, *nghĩa* nặng hơn *tinh*, thì ta trọng *nghĩa*.

Như người đàn bà nói trong truyện đây là so cái « *tinh riêng* » đối với « *nghĩa công* » thì không còn phải do dự gì nữa. Thế nào là *tinh riêng*? — Là cái lòng yêu riêng của một mình mình. — Thế nào là *nghĩa công*? — Là cái việc phải đối với nhà, với nước, với thiên-hạ. *Tinh riêng* cứ kể cũng là nặng, nhưng so với *nghĩa công* thì *nghĩa công* còn nặng gấp mấy mươi. *Nghĩa công* đã nặng, thì đến cái thân là của yêu nhất của mình ở đời mình còn có thể hy sinh để mà giữ *nghĩa*, huống chi là những thứ ngoài thân. Người đàn bà đây hiểu thấu lẽ ấy

nên mới đành đem nghĩa để đoạn tình, chẳng vì tình mà hại nghĩa để giữ lấy nói giống ông cha nhà chồng. Ngờ đâu cái ảnh-hưởng của việc nghĩa ấy còn làm quân ngoại-xâm (Tề) phải kéo nhau về vì chúng nghĩ: « nước người có thể cướp được, lòng dân có nghĩa không thể cướp được, về mới cao, sống chung sao được ». Thế mới hay, làm dân một nước mà không biết trọng « nghĩa » là người dân tai hại cho tổ-quốc vậy.

72. — Mẹ khôn con giỏi

Vương-Lăng, người đất Bái là người hào-trưởng trong huyện.

Cao-tổ nhà Hán, lúc còn hàn-vi, gọi Vương-Lăng như anh. Khi Cao-tổ khởi binh, đánh dẹp, Vương-Lăng có vài nghìn quân, đem đi phụ theo Cao-tổ.

Hạng-Vũ thấy thế, bắt mẹ Vương-Lăng giam ở trong quận. Sứ-giả của Lăng đến, Hạng-Vũ bách mẹ Lăng phải dụ Lăng về với mình.

Bà mẹ Lăng, tiễn sứ-giả ra một mình, khóc mà bảo rằng:

— Người nên vì thiếp già này nhả bảo hộ Lăng một câu:

« Cứ hết lòng mà theo thờ Hán-vương, chớ vì có thiếp già đây mà sinh ra nhị tâm nhé ».

Nói đoạn, bà cầm gươm tự đâm chết, cốt ý để khuyến-khích Vương-Lăng giữ cho bền lòng.

Hán sử

CHỮ-THÍCH. — Hào-trưởng: người tài giỏi hơn người mà làm đàn anh cả một nơi nào. — Cao-tổ: tức là Bái-công vua đầu nhà Tây-Hán, phá nhà Tần, diệt nhà Sở mà có thiên-hạ. — Hàn-vi: lúc hèn hạ chưa có thế lực. — Phụ: xáp vào, theo vào. — Hạng-Vũ: tức là Hạng-Tịch khỏe mạnh và tài khí hơn người, tranh thiên-hạ với Bái-công sau thua chết ở Cat-hạ. — Sứ-giả: kẻ người ta sai đi để thay mặt nói hay làm việc gì. — Bách: bách phải. — Dụ: khuyên bảo dỗ dành. — Hán-vương: vua đất Hán, tức là Hán Cao-tổ. — Nhị tâm: không thật lòng, đi với người này mà lòng vẫn còn nghĩ đến người kia.

Lời bàn. — Đang lúc thiên-hạ loạn-lạc, quần-hung nổi lên, dù người có mắt tinh đời cũng chưa dễ đoán được sau này ai là vua, ai là giặc.

Như Bái-công và Hạng-Vũ đây, đôi bên bấy giờ đang tranh đấu. Bái-công thua luôn, Hạng-Vũ được luôn, lại càng khó biết sự thống-nhất về tay ai hơn nữa. Thế mà khen thay, bà mẹ Vương-Lăng biết con qui phục Bái-công là phải. Một khi bà đã hiểu rõ ai là người có chính-nghĩa, trước bà liều thân để khuyên con, sau là thí thân để vững lòng con, thực là một bậc đàn bà ngôn-ngoan sáng-suốt hiếm có vậy. Cho nên người đời trước có câu khen rằng: « Mẫu hề hà tri, tử hề hà trung, nhất môn mẫu-tử, vạn cổ anh phong » nghĩa là « mẹ sao mà khôn như thế, con sao mà trung như thế, một nhà mẹ con tiếng thơm muôn đời » thật là phải lắm.

73.— Tu tại gia

Dương-Phủ, lúc nhỏ nhà nghèo, nhưng hết sức cày cấy để phụng-dưỡng song-thân.

Một hôm, ông nghe bên đất Thục có ông Vô-tế đại-sĩ, ông bèn nói với song thân xin từ biệt ít lâu để đến hầu bực Vô-tế.

Đi được nửa đường, ông gặp một vị lão tăng bảo ông rằng:

— Được gặp bực Vô-tế chẳng bằng được gặp Phật.

Ông hỏi: Phật ở đâu?

— Lão tăng nói: Nhà người cứ quay trở về, gặp người nào mặc cái áo như sắc như thế này, đi đôi dép kiêu như thế này, thì chính là Phật đấy.

Dương-Phủ nghe lời quay về, đi đường chẳng gặp ai như thế cả. Khi ông tới nhà, đêm khuya, trời tối, ông gọi cửa, mẹ ông nghe tiếng mừng quá, tức thì vội khoát chặn đi dép ngược, ra mở cửa cho ông. Bấy giờ ông trông ra, thì như hình-dáng Phật, mà lão tăng đã nói chuyện cho nghe.

Từ đấy, ông biết cha mẹ trong nhà tức là Phật, chẳng phải cầu kỳ đi mộ Phật đâu xa nữa.

Lý-nguyên-Dương

CHỮ-THÍCH.— Dương-phủ: người đời nhà Minh đỗ tiến-sĩ làm ngự-sử có tiếng là một ông quan thẳng và liêm.

— Phụng dưỡng: hết lòng kính mến hầu nuôi cha mẹ.— Song thân: hai đấng thân, hai cha mẹ.— Thục: tên đất ở tỉnh Tứ-xuyên bây giờ.— Vô-tế đại-sĩ: một nhà tu hành đắc đạo vô cùng.— Từ biệt: từ-giã xin đi xa vắng mặt.— Lão tăng: người tu đạo Phật đã nhiều tuổi.— Cầu kỳ: tìm một cách cao xa khác thường để làm cho lạ mắt, lạ tai thiên-hạ.

Lời bàn.— Bài này cốt dạy ta về chữ «Hiếu» vì cha mẹ như Phật, con phải phụng thờ cha mẹ như phụng thờ Phật vậy. Phật là một vị tự-giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, thiên-hạ thành kính thờ phụng rất phải. Nhưng cha mẹ là người sinh thành ra thân mình, thì há mình lại không nên thờ phụng thành kính hay sao! Phật xa, cha mẹ gần, con cái hãy nên một niềm thành kính mà thờ phụng lấy mẹ cha trước.

Thứ nhất thì tu tại gia,

Thứ hai tu chợ, thứ ba tu chùa.

Tu đâu bằng tu tại gia,

Thờ cha, kính mẹ mới là chân tu.

Nghĩa những câu cổ ấy thực là đúng với nghĩa trong bài này. Vả lại, hiếu là đầu cả trăm nét tốt, chỉ có người có hiếu mới trung với tổ-quốc và nhân-từ với nhân-loại vậy.

74 — Người vợ hiền-minh

Vợ Nhạc Dương-tử là một bực hiền-minh.

Dương-tử một hôm đi đường, bắt được lọ vàng người ta đánh rơi, mừng-rỡ đem về đưa cho vợ.

Vợ nói: Thiếp trộm nghe người chí-sĩ không

uống nước sôi «Đạo-toàn», người liêm khiết không nhận của ăn «Ta-lai». Chàng nay nhặt của rơi đường đem về cầu lợi để ó-uế phẩm hạnh, thử nghĩ có nên không?

Dương-tử nghe nói, thẹn quá, liền đem lọ vàng bắt được bỏ ra ngoài đồng. Rồi đi xa, tìm thầy để học.

Đi học mới được một năm, Dương-tử về chơi nhà. Vợ quí xuống trước mặt, hỏi rằng:

— Chàng có việc gì mà về nhà?

Dương-tử nói:

— Ta đi lâu nhớ nhà thì về, chẳng có việc gì cả.

Vợ cầm con dao đến chỗ khung cửi nói rằng:

— Lúa đang dẹt đây là phải làm từ lúc nuôi tấm ương tơ cho đến lúc mắc lên được khung cửi. Nếu đánh đứt một sợi mà đứt mãi, thì đứt đến hàng tấc, đứt hàng tấc mà đứt mãi, thì đứt đến hàng thước, hàng trượng, hàng cả tấm. Nếu bây giờ mà thiếp chặt đoạn đang dẹt đây, thì bao nhiêu công phu ngày giờ từ trước đến nay đều mất hết cả. Chàng đi học là để trở nên một bậc người giỏi, nếu đang học mà bỏ về, thì khác gì tấm lúa đang dẹt đây mà chặt đi vậy.

Dương-tử thấy nói, cảm-động lắm, đi học luôn bảy năm đến tốt-nghiệp mới về.

Vợ ở nhà chăm-chỉ làm ăn trong bảy nhiều năm, vừa nuôi nấng mẹ chồng, vừa nuôi cho chồng ăn học.

Nhạc Dương-tử nhờ có người vợ hiền như thế mà sau được quí-hiền.

Hậu Hán thư Nhạc Dương-tử truyện

CHÚ-THÍCH — Hiền-minh: có tài, có nết sáng suốt công việc. — Chí-sĩ: người có khí tiết. — Đạo-toàn: tên một cái suối ở huyện Tứ-thủy, tỉnh Sơn-đông. Đạo-toàn nghĩa đen là cái suối ăn trộm, tên nghe đáng ghét, cho nên khát cũng không muốn uống nước ấy. Ta-lai: thương rằng cùng khổ đói khát mà gọi cho ăn, và có ý khinh bỉ. — Ó-uế: nhem nhuốc bẩn-thỉu. — Tốt nghiệp: làm xong một nghề nghiệp gì. — Quí hiên: sang-trọng về-vang.

Lời bàn. — Cứ theo lẽ thường, cái gì nên làm thế nào thì người tài trai phải biết tự chủ-trương lấy, không cần người đàn bà dạy bảo rồi mới chịu làm. Tuy vậy lắm khi cũng phải có sự kích-thích ở ngoài vào, thì mới dễ khiến người ta phấn-chấn lên mà cố sức làm cho nên việc, và nhất là sự khuyến-kích của vợ.

Như vợ Dương-tử đây thật là khéo biết dạy chồng làm cho chồng thành ra được người có khí lại có chí và sau quí-hiền được. Đùng với những câu ngạn-ngữ «trai khôn vì vợ, gái ngoan vì chồng» «giàu vì bạn, sang vì vợ» lắm.

75. — Trọng nghĩa kinh tài
Ông Phạm-Trọng-Yêm, người nhà Tống, làm

quan đến Tề-tướng mà vẫn nghèo suốt đời. Tinh ông *trọng nghĩa, khinh tài*, thích làm việc *bổ-thí* nhất là đối với người trong họ, lại càng hậu lắm. Ông đề dành lương bổng, mua được một thửa đất làm *nghĩa-trang* để lấy hoa-lợi cứu người nghèo khó trong họ. Phàm việc tang tóc, cưới xin của chúng, ông điều lo liệu giúp đỡ cho hết.

Con ông là Thuần-Nhân, *đức-tinh* cũng như ông. Lúc ông làm quan ở Khai-phong, đề dành được năm trăm thùng thóc, sai Thuần-Nhân đem về quê. Thuần-Nhân đi đến Đan-dương gặp người bạn cũ của cha là Thạch-Man-Khanh, nhà đã cùng quẫn, chẳng may lại gặp ba cái tang một lúc. Thuần-Nhân giúp cho cả năm trăm thùng thóc. Hai con gái Man-Khanh lớn tuổi mà chưa gả bán gây-dựng, không chỗ nương dựa. Thuần-Nhân cho nốt cả cái thuyền.

Đến lúc về nhà, cha hỏi:

— Con đi có gặp ai không?

Thuần-Nhân thưa: — Con đến Đan-dương có gặp Thạch-Man-Khanh nhà nghèo khổ, lại gặp lúc liền ba cái tang, hai con gái lớn không có gì để gây-dựng, con có *thiện-tiện* cho cả năm trăm thùng thóc mà còn chưa đủ.

Ông bảo: — Thế sao con không cho nốt cả cái thuyền?

Thuần-Nhân thưa: — Con cũng đã cho cả cái thuyền rồi.

Ông khen phải, rồi nói: — Có như thế mới đáng là con ta.

Phạm-Trọng-Yêm truyện

CHÚ - THÍCH. — Phạm-Trọng-Yêm: *bực danh thần nhà Tống, có chí to, gánh vác việc đời, lo thì lo trước khi thiên-hạ lo, vui thì vui sau khi thiên-hạ vui.* — Trọng nghĩa: *lấy điều phải làm trọng mà hết sức làm.* — Khinh tài: *cho của cải là thường, không đề cho của cải được nghĩa.* — *Bổ-thí: đem của của mình ra cứu giúp cho kẻ cùng khổ.* — *Nghĩa-trang: khu ruộng đặt ra để lấy hoa-lợi giúp những người nghèo trong họ.* — *Thiện-tiện: tự ý cứ làm không hỏi, không xin phép ai cả.*

Lời bàn. — Làm quan đến bậc tể-tướng mà nhà vẫn nghèo, thế là thanh-liêm đáng trọng. Đề dành được đồng nào lại đem *bổ-thí* cho kẻ nghèo khổ, thế là nhân-đức đáng trọng hơn nữa. — Có năm trăm斛 thóc cho cả, thế là thương người, đáng phục. Còn chiếc thuyền mình đi cũng cho nốt, thế là quên mình đáng phục hơn nữa. — Rõ ràng cha nào, con ấy hai cha con ông Phạm-Trọng-Yêm thật là có lòng nhân-ái, hiểu thấu cái nghĩa cứu kẻ khổ cùng, giúp người tai nạn là việc vui lòng nhất ở đời. Cho nên ta có câu:

Sướng gì hơn sướng làm lành,
Cho bao nhiêu của để dành bấy nhiêu.

76. — Mua xương ngựa

Nước Tề đánh nước Yên giết được vua Yên,

Người Yên lập *thái-tử* tên là Bình lên làm vua tức là vua Chiêu-vương.

Chiêu-vương lên ngôi, thương dân lo việc nước, cầu người hiền tài. Một hôm, bảo Quách-Ngôi rằng:

— Nước Tề nhân dịp nước ta loạn, sang đánh lấy nước ta. Ta biết rõ-ràng nước ta nhỏ, dân ta yếu, thực khó lòng mà báo thù Song nếu được những người giỏi cùng lo toan việc nước may mà rửa sạch sự sỉ-nhục của tiên-vương được chăng. *Chí nguyện* quả-nhân như vậy tiên-sinh xem ai là người giỏi để ta cùng lo toan việc nước thì hay.

Ngôi nói: — Xưa có ông vua đưa nghìn vàng cho người *nội-thị* đi mua con ngựa chạy ngày nghìn dặm. Khi đến ngựa ấy đã chết, anh ta mua bộ xương ngựa năm trăm nén vàng đem về. Vua thấy thế giận lắm. Anh ta thưa: « Ngựa chết còn quý mà mua như vậy huống chi là ngựa sống Tôi chắc thế nào nay mai người ta cũng đem ngựa hay đến bán cho nhà vua » — Quả nhiên, không đầy một năm, mà người ta đem ngựa hay đến bán đã ba bận. Nay nhà vua muốn được người giỏi, thì trước hãy dùng tôi. Người giỏi hơn tôi thấy thế há có ngại xa mà không lại ư?

Vua Chiêu-Vương lập tức dùng Quách-Ngôi, kính trọng Quách-Ngôi như thầy. Quả nhiên không bao lâu, những người giỏi các nơi tranh nhau sang nước Yên.

Vua Chiêu-vương *ủy-thác* việc nước cho những người ấy. Sau nước Yên thành một nước cường-thịnh thật.

Chu-Sử

CHỮ-THÍCH. — Tề: tên một nước mạnh về đời Chiến-quốc ở vào tỉnh Sơn-đông ngày nay. — Yên: tên một nước đời Chiến-quốc ở vào Phụng-thiên, Trục-lệ và phía bắc Triều-tiên ngày nay. — Thái-tử: con cả vua. ngày sau lên nối ngôi vua. — *Chí nguyện*: tâm tâm niệm niệm ước ao một việc. — *Nội thị*: chức quan hầu cận nhà vua. — Ủy thác: giao cho công việc và nhờ cậy làm giúp.

Lời bàn — Có bỏ năm trăm nén vàng ra mua bộ xương ngựa, sau mới có ngựa hay mà dùng; có dùng Quách-Ngôi là người tài vừa và ở gần trước, sau mới có người thật hiền tài ở xa cầu đến Cái lỗi ấy là lỗi quyền mưu trí thuật của bá-giả đời bấy giờ, để quyến dân lấy nhân tài trong thiên-hạ.

Đọc bài này, ta đáng khen Quách-Ngôi đã tìm được câu thí dụ hay để tự tiến lấy mình mà nhất là khi được tin dùng lại hết lòng báo đáp, không phụ sự ủy-thác của Chiêu-vương.

Ta lại đáng phục Chiêu-vương là biết nghe Quách-Ngôi mà nhất là biết cố ý lo toan báo thù cho tiên-vương, và dụng tâm làm cho cổ-quốc được cường-thịnh.

77.— Lời nói kẻ bất răn

Ở Vĩnh-châu có giống rắn lạ, thân đen, vẩy trắng chạm vào cây cỏ, thì cây cỏ chết, cần phải người,

thì không thuốc gì chữa nổi. Song mà bắt được giống rắn ấy dùng làm thuốc để chữa những bệnh như bệnh *trúng phong*, bệnh co quắp chân tay, lại sát được cả trùng.

Cho nên nhà vua có lệ bắt dân-gian mỗi năm phải *hiển* hai con rắn ấy để dành. Ai bắt được rắn thì được trừ thuế ruộng.

Người châu Vĩnh tranh nhau mà làm nghề bắt rắn. Có nhà họ Trương cũng làm nghề ấy đã được ba đời. Hỏi ra thì nhà họ Trương nói:

— Ông tôi chết về nghề bắt rắn, cha tôi cũng chết về nghề bắt rắn. Tôi nối nghề ông cha tôi mới có mười hai năm, cũng đã mấy lần suýt chết.

Người ấy nói, vẻ mặt rất buồn rầu.

Ta thương và hỏi rằng:

— Nhà người có thật cho nghề bắt rắn là khổ không? Ta sẽ nói với quan trên cho nhà người bỏ nghề ấy mà cứ nộp thuế ruộng như thường. Nhà người tình thế nào?

Người họ Trương vừa khóc, vừa nói:

— Ông thương tôi, muốn cho tôi sống, thì ông để cho tôi làm nghề bắt rắn còn hơn. Nếu tôi không làm nghề này thì tôi khổn khổ đã lâu rồi. Nhà tôi ba đời ở làng kể đã hơn sáu mươi năm, cách *sinh nhai* trong làng mỗi ngày một *quần-bách*. Người làng phải rút hết cả lợi hoa màu, vét hết cả của-cải trong nhà để mà nộp

thuế hết, thậm chí bỏ làng, bỏ xóm, đói khát, trôi giạt, chết đường, chết chợ kể bao nhiêu người. Những người vào chạc tuổi ông tôi mười nhà không còn một. Những người vào chạc tuổi cha tôi, mười nhà còn độ hai, ba. Những người vào chạc tuổi tôi mười nhà còn độ bốn, năm. Không chết-chóc thì *lưu-lạc* cả... Tôi nhờ nghề bắt rắn mà còn đến bây giờ. Những quan-lại *tàn-ác* về làm thuế làng tôi, xúc hết đầu làng, cuối xóm vơ vét đến cả con gà, con chó, dân-gian phải hãi-hùng kinh sợ. Những lúc ấy, về phần tôi, tôi được yên lặng, trông trong giỏ con rắn vẫn còn là tôi được ăn no, ngủ yên. Tôi làm nghề bắt rắn một năm sợ chết chỉ có hai lần, ngoài ra là vui vẻ, không phải lo thuế-má, không đến nỗi như người làng xóm tôi hết ngày này, sang tháng khác khổn khổ về quan-lại *tàn ác*. Giá tôi có chết về nghề bắt rắn, vì với người làng xóm tôi cũng đã là chậm, đâu dám cho là rắn độc mà xin thôi.

Ta nghe câu chuyện, lại càng thương lắm. Xưa Đức Khổng nói: « *Chính sách hà khắc* độc hơn hổ dữ » ta vẫn ngờ, bây giờ xem chuyện họ Trương mới cho là thật. Than ôi! cái độc quan-lại *tàn ác* làm thuế ở dân-gian dữ hơn con rắn độc, cho nên nói ra đây để người xem xét phong-tục thấu được tình cảnh đau khổ của dân!

Liễu-Tôn-Nguyên

CHÚ-THÍCH.— *Vĩnh-châu*: tên phủ, thuộc về tỉnh Hà-nam ngày nay.— *Trúng phong*: phải gió độc, ngắt người đi.— *Hiển*: dựng vật gì lên trên.— *Sinh nhai*: công việc làm ăn để nuôi thân.— *Quần-bách*: tưng bắn, cùng khổ khó chịu.— *Lưu-lạc*: trôi giạt, tàn rụi.— *Tàn-ác*: tàn-nhẫn độc-ác.— *Chính-sách*: cách-thức cai-trị.— *Hà-khắc*: dữ ác cay-nghệt.

Lời bàn.— Ta đọc bài này thật lấy làm ghê tởm cái chính-sách hà khắc, người cầm quyền đã ác một phần, thì những kẻ dưới thừa hành ác tăng lên trăm phần. Cái cảnh khổ của dân thương-thương vẫn như thế *Liêu-Tôn-Nguyên* có bụng thương dân mất hết cả quyền, sống cũng như chết, đem chuyện thật viết ra bài này, là có ý mong cho người trên hiểu thấu cái tình của dân-gian, cái tệ của quan-lại mà phần thì đánh thuế dân cho vừa phải, phần thì tìm cách trừng trị những phường tham nhũng, ngõ hầu dân mới đỡ được khổ chẳng.

78.— Hòa vi quý

Đời cổ những người lo-toan việc quốc-gia, trước hết phải dạy dỗ dân, thân yêu dân.

Phép trị dân có bốn điều «bất hòa» cần phải biết:

1) Trong nước mà bất hòa, thì chẳng nên đem quân đi đánh dân;

2) Trong quân mà bất hòa, thì chẳng nên đem quân ra trận;

3) Quân ở trận mà bất hòa, thì chẳng nên tiến lên đánh;

4) Tiến lên đánh mà bất hòa, thì chẳng nên quyết thắng.

Bởi vậy ông vua *Hữu-đạo* khi định dùng dân, trước hết có hòa sau mới gây-dựng việc lớn mà chẳng dám tin cái mưu riêng của ai. Không những thế mà thôi, lại còn phải xem cái thời có đáng cử-sự sau mới cử-sự.

Khi dân trong nước, ai nấy đều biết vua đã chịu suy-nghĩ, đắn-đo cẩn-thận, qui cái mạng của dân, tiếc cái chết của dân, thì bấy giờ dù có phải ra chỗ nguy nan, ai nấy mới cùng lấy việc tiến lên mà liều chết là vinh, lùi về mà sống thừa là nhục vậy.

Ngô-Tử

CHÚ-THÍCH.— *Quốc-gia*: một tổ-chức cần phải có đủ ba yếu-tố: thổ-địa, nhân-dân và thống chủ-quyền.— *Bất hòa*: chẳng hòa lòng, có ý ngờ-vực ghen-ghét nhau.— *Quyết thắng*: nhất định đánh lấy kỳ được.— *Hữu-đạo*: có biết lẽ phải, có phương pháp đáng thi-hành để lãnh đạo nhân-dân.— *Thời*: cơ-hội, dịp tốt.— *Cử-sự*: thực-hành một việc gì.— *Nguy-nan*: khổ khăn nguy-hiểm.— *Vinh*: vẻ-vang.— *Nhục*: tủi thẹn cực lòng.

Ngô-Tử: tức là *Ngô-Khôi*, người nước *Vệ* về thời *Chiến-quốc*, làm tướng nước *Nguy* là một nhà dùng binh giỏi có tiếng.

Lời bàn.— Còn ai không biết trong nước đã bất hòa thì dân chúng dễ ngờ-vực nhau, dễ tàn hại

nhau, quên hết nghĩa công, chỉ biết thù riêng, thậm chí chia rẽ theo cả địch quốc và đi đến diệt-vong nữa. Nên trong bài này tác-giả nói phép dùng dân rút lại chỉ có một sự cốt yếu là « Hòa » Dân có hòa và lại nhờ thêm cái thời thuận, tức là cơ-hội tốt, nhiên-hậu mới khá dĩ khiến dân hết lòng với nước, vì nước mà liều chết được. Bài này nói rộng là phép dùng dân, nhưng nói hẹp mà đúng hơn, thì chỉ là cách dụng binh mà thôi, tác-giả là một nhà binh hơn là một nhà chính-trị.

79.— Cách trị dân

Tử-Sản làm tướng nước Trịnh đã lâu năm, có lòng thương dân, lấy đạo khoan mà trị dân.

Khi Tử-Sản, bệnh nặng, gọi Tử-thái-Thúc đến bảo rằng:

— Ta chết, tất nhà người làm tướng nước Trịnh. Người phải biết người có đức mới lấy đạo « khoan » mà phục được dân, con người thường phải lấy sách « nghiêm » mà trị dân mới được. Nay ví như lửa nóng, dân trông thấy mà sợ, cho nên chết vì lửa ít; nước mát, dân khinh mà lờn, cho nên chết vì nước nhiều. Thế mới biết dùng khoan là khó.

Mấy tháng sau, Tử-Sản mất, Tử-thái-Thúc thay làm tướng, không nỡ dùng nghiêm, e có mãnh liệt cứ lấy đạo khoan mà trị dân.

Không được bao lâu, trong nước sinh ra nhiều

trộm cướp, thường núp-náu ở các đồng lầy mà lấy của giết người những-nhiều lương-dân.

Tử-thái-Thúc hồi lại, nói rằng:

— « Giá ta biết sớm theo lời Tử-Sản thì đâu đến thế này! »

Rồi liền đem quân đi đánh bắt bọn cướp ở đồng lầy mà giết hết. Từ đấy nước Trịnh mới bớt trộm cướp.

Đức Khổng-Tử nói rằng: « Được lắm! chính sách khoan, thì dân lờn, dân lờn thì lại phải dùng chính sách nghiêm, nghiêm tức là *mãnh*; *mãnh* thì dân tàn, tàn lại phải dùng khoan; khoan giúp cho *mãnh*, *mãnh* giúp cho khoan, có thế thì chính sách mới hòa được.

Tả-Khưu-Minh

CHÚ-THÍCH.— Tử-Sản: tên tự là Công-tôn-Kiều làm quan đại phu nước Trịnh thời Xuân-thu.— Tướng: quan đứng đầu cả bách quan giúp vua để hành-chính.— Khoan: hòa hoãn nói rộng không cấp bách.— Đồng lầy: nói đồng đất lũng-vông có nước và cỏ cây rậm rạp. Ta còn gọi là bãi mà chữ là Trạch. Đồng lầy nói trong bài đây có tên riêng gọi là Hoàn-hồ.— Lương dân: dân lành, lương thiện.— *Mãnh*: dữ-dội nghiêm khắc.

Tả - Khưu - Minh.— Quan Thái-Sư nước Lỗ theo chỉ của Khổng-Tử mà làm ra chuyện kinh Xuân-thu gọi là Tả-thị Xuân-thu cho nên người ta thường xưng Khổng-Tử là Tổ-vương, Khưu-Minh là Tổ-thần.

Lời bàn.— Tử-Sản vốn là một người học rộng chính-trị giỏi làm tướng nước Trịnh hơn 40 năm, đối với trong, thì dân bình trị, đối với ngoài thì các nước e nể ông là một bậc quân-tử có bốn điều hay: đối với mình thì tự trọng (cung) đối với người mà mình phụng sự thành kính, nuôi dân thì có ơn huệ, khiến dân thì có nghĩa lý.

Câu ông dặn Tử-thái-Thúc đây thực có ý lắm. Mạnh mà khiến cho dân sợ dễ bao nhiêu, thì khoan mà cũng khiến cho dân sợ khó bấy nhiêu. Tuy cũng gọi là sợ, nhưng cái sợ trước không có giá, vì sợ bất-đắc-dĩ, sợ miễn-cưỡng sợ bề ngoài mà khinh trong bụng, cái sợ sau mới là cái sợ quý, vừa sợ, vừa yêu, sợ mà kính phục, sợ như vui lòng mà sợ vậy. Nhưng muốn được cái sợ sau, tất cái đức phải to làm sao mới cảm-hóa được nhân-tâm đến bậc ấy.

Còn thường thường, phép trị dân không thể cứ khoan mãi được, vì khoan thì dân lờn. Lại cũng không thể cứ mạnh mãi được, vì mạnh thì dân oán. Dân oán hay dân lờn cũng đều có trở ngại đến việc nước cả. Cho nên phải có khoan, lại phải có mạnh đọp đôi đờ dần cho nhau thì mới được. Bốn chữ « Khoan màh tương tế » thực đáng làm cái phương châm cho cả những người cầm quyền trị dân vậy.

80.— Can gì mà phá đi

Dân nước Trịnh thường hay đến trường học thôn quê đề nghị luận những chính-sách hay dở của quan-liêu.

Nhiên Minh bảo Tử-Sản rằng :

— Tôi định phá hết cả các trường thôn quê, ông nghĩ sao?

Tử-Sản nói: — Đề chứ. Phá đi làm gì? Dân sợ người ta sớm tối đến chơi trường học đề nghị-luận điều phải, điều trái của quan-liêu làm. Cái gì người ta cho là phải, ta cứ thế mà làm, cái gì người ta cho là dở, ta liệu mà đổi đi. Những kẻ nghị-luận ấy tức là những ông thầy của ta. Can gì mà phá trường học.

Vả chẳng, tôi nghe nói: hết lòng làm điều phải, thì mới đỡ được người ta oán-trách mình. Tôi chưa từng nghe nói: chỉ nạt-nộ ra oai, mà tuyệt được hết sự oán trách của người. Cũng như phải đắp đê mà giữ nước, chớ bỏ đê đi, thì nước vỡ tứ-tung, bao nhiêu người chết, không thể cứu lại được. Nay ta hẳn cứ đề trường học, khiến thường được nghe những câu chê-bai đề làm thuốc chữa cho ta thì hơn.

Nhiên-Minh nghe Tử-Sản xong, nói rằng:

— Nay tôi mới biết ông là ông quan thầy đáng tôn vậy. Tôi thật là kẻ bất tài. Ông làm được như lời, thì chẳng những một đám chúng tôi được trông cậy mà cả nước cũng được nhờ vậy.

Tả-Truyện

CHỮ-THÍCH — **Trịnh**: nước nhỏ thời Xuân-thu, ở vào huyện Tân-trịnh tỉnh Hà-nam ngày nay — **Nghị-luận**: bàn bạc khen chê — **Chính sách**: cách thức về công việc cai trị. — **Quan-liêu**: quan là người giữ việc trị dân; liêu là người làm việc giúp quan. — **Nhiên-Minh**: người đời Xuân-thu, cùng quan ở nước Trịnh với Tử-Sân. — **Tử-Sân**: người đời Xuân-thu, học rộng có tài chính trị, là quan đại-phu giữ có lễ của nước Trịnh (xem bài trên). — **Oan-trách**: căm giận và chê bai. — **Tuyệt**: rút đứt hẳn đi.

Lời bàn. — Người ta càng cao xa, càng tôn quý bao nhiêu, thì càng xa sự thực bấy nhiêu. Sự thực hay thì hay thực, song lại hay làm cho mất lòng, nên những người đã có địa-vị cao, ít khi được nghe sự thực. Thiên-hạ không ai muốn mất lòng mình, thì ai dám nói sự thực cho mình biết.

Nhiên-Minh đây bảo phá nhà trường là vì nghe sự thực mà mất lòng. Tử-Sân đây mà bảo giữ nhà trường là vì yêu sự thực, được nghe sự thực lấy làm vui sướng. Các nhà trường nước Trịnh bấy giờ có phải như các tờ báo ngày nay, là những cơ-quan để cho dân chúng được tự-do mà đàm-luận về những chính sách hay dở hay không? Nếu như vậy, thì ra xưa nay dân-sự vẫn có cách làm cho những điều nguyện-vọng của mình đạt được tới chính-phủ, mà chính-phủ khôn-khéo, tưởng cũng nên lợi-dụng cái cách ấy, không nên tuyệt đi vậy. Những câu Tử-Sân nói vì như giữ để cho nước chảy để phòng sự lụt ngập tràn-trụa rất nguy, hết lòng làm phải chớ không phải ra oai nạt-nộ mới tuyệt được sự oán-trách của dân, thực là những câu nói rất đúng với

chân-lý, Ôi! một chính-phủ mà vững-bền hay hư hỏng có thể nghiệm ở lòng dân yêu hay ghét. Nếu dân chúng đã ghét những chính-sách không ra gì, chúng dám nói ra miệng, mà lại chỉ thị oai như muốn bùng miệng chúng, chớ không muốn sửa đổi lỗi mình, thì có khác gì thấy nồi nước sôi trào ra ngoài không biết rút củi ra, lại cứ cầm que mà khuấy vào nước cho đỡ sôi không.

81. — Hay dở đều do ở mình cả

Người làm quan trưởng một Quốc-gia nếu mà bất nhân thì không thể nào nói phải với họ được nữa! Quốc-gia suy yếu, ngoại-biến đến nơi, họ vẫn cho là yên; thiên-tai nhân-họa xảy ra luôn-luôn, họ không biết là hại; xa xỉ ăn chơi bạo-ngược tàn ác đi đến con đường diệt-vong, họ vẫn lấy làm vui sướng. Hạng bất nhân ấy, nếu còn nói phải được với họ thì đã chẳng đến nỗi có những chuyện mất nước tan nhà.

Ngày trước có đứa trẻ hát câu:

«Thương-lang chi thủy thanh hề, khả dĩ trạc ngã anh.

Thương-lang chi thủy trạc hề, khả dĩ trạc ngã túc».

Nghĩa là: Nước sông Thương-lang nếu mà trong, thì ta dùng để giặt giải mũ ta. Nước sông Thương-lang nếu mà đục, thì ta dùng để rửa chân ta.

Đức Khổng-Tử nghe thấy, bảo học-trò rằng:

— Chúng con nghe đây : Nước trong thì tự khắc người ta mới giặt giải mũ, đục thì tự khắc người ta chỉ dễ rửa chân. Đó đều là do nước tự-thủ cả.

Ôi ! việc thiên-hạ cái gì mà chẳng do tự-thủ ! Người ta tất tự khinh mình trước, rồi người ngoài mới khinh sau ; nhà mình tất tự hủy nhà mình trước, rồi người ngoài mới hủy sau ; nước mình tất tự phạt nước mình trước, rồi người ngoài mới phạt sau.

Cũng tức như câu ở thiên *Thái-giáp* : « Thiên tác nghiệt, do khả vi. Tự tác nghiệt, bất khả hoặc » Nghĩa là trời làm tai vạ còn tu tỉnh để mà tránh được ; nếu mình gây ra tai vạ thì mình làm mình chịu, chẳng có thể trốn tránh mà thoát chết được.

Manh-Tử

CHÚ-THÍCH.— Quốc-gia : đất cổ chư hầu gọi là quốc, đất-phu gọi là gia. Bấy giờ dùng làm tiếng gọi xứ có đất, có dân có quyền thống trị. — Bất nhân : mất hết lương tâm. — Diệt-vong : hết giống mất nước. — Diêm-nhiên : im lặng không nghĩ vì đến cả. — Tự thủ : mình tự chuốc lấy cho mình không dự gì đến người khác. — Tự khinh : tự mình làm để tiện nhân cách của mình. — Tự hủy : tự mình làm cho mình hỏng nát. — Tự phạt : tự mình phá hại làm cho mình tồi tàn. — Thái giáp : tên một thiên trong kinh thư. — Tự đức : tu tỉnh làm cho có đức tốt.

Lời bàn — Kể có quốc-gia mà đã bất-nhân thì tâm thần mê muội, công việc đảo điên, không còn biết phải trái là gì nữa, nguy cũng mắc, tai cũng mắc, đến mất đức cũng mắc. Kịp khi đã bại-hoại, diệt-vong rồi thì lại đổ cho mệnh trời, qui tội cho người,

có biết đâu là tự chính mình gây nên mối họa cho mình cả. Có thân không biết tu, có nhà không biết trị, có nước không biết giữ, thế là khiến cho người ta khinh mình, bảo cho người ta phá mình, mời cho người ta đánh mình. Ôi ! sự biến-cổ mấy khi tự dung mọc ra đâu, muốn sự do tự mình hết cả. Nên người có trách-nhiệm giữ quốc-gia nên nhớ lấy cái nghĩa « tự thủ » để tránh lấy cái tai-vạ « tự-tác ».

82. — Ngụy biện

Nước Tề có kẻ thờ vua, thân được vinh-hiến, nhà được sung sướng. Khi vua có hoạn-nạn, anh ta không chịu hiên chết để cứu giúp vua.

Một hôm, anh gặp cố-nhân ở đường Người cố-nhân lấy làm ngạc-nhiên, hỏi :

« Tôi cứ tưởng bác chết rồi, mà ra bác vẫn còn sống kia đấy ư ? »

Anh ta thưa : — Phải, tôi còn sống chứ Phàm đi làm tôi-tớ người ta chỉ cốt có lợi, mà chết theo người ta thì có lợi gì, cho nên tôi chả chết theo.

— Bác ăn ở như thế thì còn mặt mũi nào mà trông thấy người ta dưới chính suối nữa ?

— À thế cứ như ông nói thì ra ông cho khi chết, mắt đã nhắm rồi, mà vẫn còn trông thấy người ta được ư ? »

Ồi! những người đời chịu ơn vua, mà chẳng tuân nịnh vua đều là kẻ đại bất nghĩa. Thế mà khi có ai nói đến, lại còn biện-bác cãi lẽ, tự cho mình là phải.

Thói thường ở một nước loạn, ý nghĩ có câu nói thường hay trái nhau.

Lã-Thị Xuân-Thu

CHỮ-THÍCH.— Vinh-hiến: vẻ-vang rực-rỡ. — Có-nhân: người bạn cũ, quen biết đã lâu. — Ngạc-nhiên: há-từng ngạc-nác. — Tuân-nịnh: đem mình liều chết với một người, hay một việc. — Đại bất nghĩa: kẻ ăn ở hay làm điều trái cả công-lý phụ cả lương tâm.

Lời bàn. Bài này tác-giả nói trung với vua đã kết-luận rõ-ràng ở dưới rồi. Nhưng ta còn có thể nhân đó bàn rộng ra mà nói được rằng: cái trò ở đời người chỉ vụ lợi, thì không còn biết nghĩa là gì nữa. Hoặc khi có ai giảng-giải cho, thì lại tìm câu khéo nói, viện lý-sự cùn đề tế-toái đi cho xong, vẫn tự cho mình là phải, là có lẽ.

83. — Không chịu theo kẻ phản nghịch

Trần-Hằng lúc giết vua xong, sai sáu người dũng-sĩ đến bắt Tử-Uyên-Thê phải theo mình.

Tử-Uyên-Thê nói:

— Nhà ngươi muốn cho ta vào đảng, ý hăn cho ta là « tri » chẳng, nhưng bây tôi giết vua mà

không cần được, ta chẳng phải là tri; cho ta là « nhân » chẳng, nếu thấy lợi mà phản nước, ta chẳng phải là nhân; cho ta là « dũng » chẳng, nhưng đem binh đến ăn hiếp ta, ta sợ mà theo người, ta cũng chẳng phải là dũng.

Ví bằng ta không có ba điều ấy, ta về bè với người thì có bổ ích gì cho người. Ví bằng ta có ba điều ấy, thì đời nào ta theo người mà người đổ.

Trần-Hằng bèn tha Tử-Uyên-Thê.

Tân-Tự

CHỮ-THÍCH.— Trần-Hằng: người quyền thần thời Xuân-thu giết vua Giản-Công nước Tề, lập vua Bình-Công. — Dũng-sĩ: kẻ sức lực can đảm hơn người. — Đảng: cùng nghĩa như bọn, tụi, bè. — Trí: khôn-ngoan, quyền-biến. — Nhân: thương người và trung-hậu. — Dũng: khỏe mạnh can-dảm. Tân-tự: sách của Lưu-Hưong người đời nhà Hán soạn.

Lời bàn.— Trần-Hằng mà dụ Tử-Uyên-Thê vào đảng là có ý mong cây Tử-Uyên-Thê về sau này nhiều lắm. Không ngờ Tử-Uyên-Thê đáp hăn mà thực là người đủ trí, nhân, dũng, thì bao giờ đổ được, mà nếu hăn lại là người trí, nhân, dũng, đều không có thì đổ hăn về mà có ích chi! Câu đáp thật khéo, thật có ý-nghĩa đủ làm cho Trần-Hằng suy nghĩ cả đôi đường mà phải thôi đổ ngay không còn do dự gì nữa.

84. — Cách cư xử ở đời

Cư xử với người mà góc-gách, nghiêm-ngặt quá là cái đại bệnh ở đời.

Bực thánh hiền xử với người đời không có giây phút nào là rời bỏ được cách *ôn-hòa trung-hậu*. Nho nên mới có những câu:

Phiếm ái chúng, nghĩa là rộng yêu tất cả loài người ;

Hòa nhi bất đồng, nghĩa là xử với người hòa-hợp mà không a-dua phe-đảng ;

Hòa nhi bất lưu, nghĩa là xử với người hòa nhả mà không đua theo quá trớn ;

Quần nhi bất đảng nghĩa là liên-hợp với mọi người cho có nhân quần mà không vào bè kết đảng với ai cả ;

Chu nhi bất tị nghĩa là công bình mà chẳng thiên-tư ;

Từ tường khái dễ, nghĩa là nhân đức, êm ái, vui vẻ, dễ dàng ;

Ái nhân, nghĩa là yêu loài người ;

Thân nhân, nghĩa là gần gũi dân và đi sát với dân, coi dân như anh em con cái ;

Vạn vật nhất thể, nghĩa là coi muôn loài với mình như là một thể ;

Thiên hạ nhất gia, trung quốc nhất nhân, nghĩa là coi cả thiên-hạ như một nhà, coi cả nước như một người.

Nếu làm người cứ vô vô một mình, tính nết

khe-khắt, lạnh nhạt, chẳng thân với ai thì thật là một hạng *chương-ngại* cho xã-hội. Dù cho người *phương-chính*, tính nết *độc-lập*, cũng không phải là hạng *ứng-dụng* với đời, chẳng qua là người nhất tiết quynh giới mà thôi.

Lã-Khôn

CHÚ-THÍCH.— Đại bệnh: bệnh to làm cho người ta khổ và khó chịu — Ôn-hòa: êm ái, hòa nhã. — Trung-hậu: thành-thực tử-tế. — Chương-ngại: ngăn-trở vướng-vít khó chịu. — Phương chính: góc-gách ngay thẳng. — Độc-lập: riêng một mình có tính khác thường — Ứng dụng: đem ra mà dùng cho được việc. — Nhất tiết quynh giới: chỉ khẳng khái giới được một bề, một mặt.

Lời bàn.— Mùa xuân khi trời có đầm-ấm ôn-hòa thì muôn loại mới sinh tươi nảy nở và phồn-thịnh được. Người đối với người cũng vậy, trong gia-đình, ngoài thì xã-hội, có « hòa khí » mới có thể sống chung với nhau mà an-cư lạc-nghiệp được. Ta dù có được là người tốt chẳng nữa mà cứ một mực góc-gách, nghiêm ngặt với người, thì người lấy làm khó chịu mà không thể nào thân với ta được. Không chịu được nhau, tất nhiên hay khích-vắc nhau, thành cả đôi bên không được yên vui sung sướng, mà công việc ở giữa vì thế mà hỏng cả. Cho nên thánh hiền ở đời không bao giờ thế. Bao giờ cũng giữ được cái thái-độ ôn-hòa, không a-dua, xu-phụ ai, cũng không ghét ai để cho người đau đớn mà sinh biến. Những câu tác-giả lướt ra mà liệt vào bài đây thực là những vị thuốc rất hay để chữa cho người có tính khe-khắt, quá thẳng với đời mà hay ghét đời, chán đời vậy.

85. — Tự xét lại mình

Người quân-tử sở-dĩ khác người là vì lúc nào cũng đề tâm đến việc « Nhân », đề tâm đến việc « Lễ ».

Đã là người có nhân, thì yêu người đã là người có lễ, thì kính người. Mà theo lễ thường, yêu người thì người tất yêu lại, kính người thì người tất kính lại.

Người quân-tử ăn ở như vậy, mà gián-hoặc còn có kẻ đem thói ngang-ngược đối-đãi lại, thì tất nhiên tự xét ngay mình lại, chắc mình còn bất nhân, chắc mình còn vô lễ, thì họ mới xử với mình như thế, chớ tự dung thì có khi nào họ lại ngang-ngược với mình được.

Người quân-tử xét lại thật mình có nhân, thật mình có lễ, mà người ta đối-đãi với mình vẫn ngang-ngược như trước, thì tất lại xét lại mình ta nhân, ta lễ thật, nhưng ta chưa được hết lòng chẳng.

Nếu người quân-tử xét rằng thật đã hết lòng mà thói người ngang-ngược vẫn như trước, thì bấy giờ người quân-tử nói :

— « Hạng này thật là hạng càn dỡ. Người mà đến như vậy thì khác gì loài vật. Đối với loài vật thì ta còn so kẻ làm chi ! »

Mạnh-Tử

CHÚ-THÍCH. — Quân-tử : người tài đức hơn người. — Sở-dĩ : bởi lẽ gì mà... — Nhân : lương-tâm, lòng thương. — Lễ : sự cử chỉ hợp lý, lòng quý trọng. — Gián-hoặc : thỉnh-thoảng còn, có khi...

Lời bàn — Ai cũng đều là người cả. Nhưng người quân-tử chỉ khác người vì cái tâm không tàn-ác, không bỉ-bạc. Tâm đã như thế thì thường yêu người, quý người. Yêu quý người, mà người yêu quý lại, là lý chí thường. Song ở đời có nhiều việc bất-ngờ, đã không đem điều phải ăn ở lại với việc phải, lại còn giở lối cường-bạo vô-lý. Thế mà người quân-tử xử với bọn ngu-ngoan ấy vẫn ân-cần tự xét mình đến ba lần thật là vẫn sẵn lòng thương xót, biết cách chu-toàn không có ý gì tự cho mình là phải mà tuyệt bỏ người đời cả.

Gái học trách-kỷ, trong làm cho mình hay thêm, ngoài làm cho người dễ theo điều phải, thật là hay lắm vậy.

86. — Không nên câu-nệ

Trời không có thể làm cho hoa mùa nọ nở vào mùa kia, cho nên thánh-nhân không trái thời.

Đất không có thể làm cho khí hậu xứ kia đổi sang xứ nọ, cho nên thánh-nhân không trái tục.

Thánh-nhân không có thể làm cho tay biết đi chân biết cầm, cho nên thánh-nhân không làm cho trái cái tài riêng.

Thánh-nhân lại không có thể làm cho cá biết bay trên không, chim biết bơi dưới nước, cho nên

thánh-nhân cũng không dùng trái cái tài riêng của người.

Vì vậy, lúc nên động, lúc nên tĩnh, lúc nên tối, lúc nên sáng, ta không nên câu-nệ một đường nào, thì mới là hợp đạo.

Quan Doãn-Tử

CHÚ-THÍCH.— Thánh-nhân : bậc tài, đức, học-vấn nhân phẩm hơn người. — Thời : mùa, nơi rộng ra là thời buổi — Khí : thủy thổ và thời tiết. — Tục : thói quen đã thành nếp mà ai cũng thích theo. — Động : làm công nợ, việc kia. — Tĩnh : ở yên. — Câu-nệ : bó bó cố chấp không biết biến thông.

Lời bàn — Hết thấy động vật, thực-vật cả đến người ta, mỗi loài mỗi giống thường có những đặc tính riêng của loài ấy, giống ấy, cách-trí dù có tinh-rảo cũng không thể bắt cho cả mọi loài, mọi giống, cùng y như nhau cả. Suy như thế, thì bất cứ về mặt gì tính tình, phong tục cho đến cả tôn-giáo, học-thuật, ta không nên câu-nệ chấp nhất một đường nào mà chỉ biết cái phải của ta, không rõ cái phải của người. Ta phải có lượng rộng dung được cả mọi cái, bao quát được cả mọi việc, thì ngỗ hầu mới là người thông hiểu và áng-suốt vậy.

87. — Tri-kỷ

Việc Thạch-Phủ người nước Tề về thời Xuân-thu, có tiếng là người giỏi. Anh ta phải tội oan, bị giam trói. Ân-tử đi chơi, gặp ở đường, tháo một con ngựa đang đóng xe ra bán, để chuộc tội cho anh ta, rồi đưa lên xe đem về.

Về đến nhà, Ân-Tử chẳng hỏi-han gì đến, vào ngay nhà trong, rồi ở mãi không ra.

Thạch-Phủ tức giận bỏ đi và nói rằng từ rày không bước đến nhà Ân-Tử nữa.

Ân-Tử nghe tiếng, ngạc-nhiên, sửa khăn áo chạy theo ra, tạ rằng:

— Tôi tuy chẳng ra gì, song cũng vừa gỡ được tội cho ông sao ông lại vội cự-tuyệt tôi thế.

Thạch-Phủ nói: — Không phải. Tôi nghe người quân-tử gặp phải kẻ bất-tri-kỷ thì phải cực thân gặp được người tri-kỷ thì được hả dạ. Tôi đã phải giam trói oan là tôi gặp phải kẻ bất tri-kỷ. Tôi nay gặp được ông đã biết tôi mà chuộc cho tôi khỏi tội oan, thì ông là tri-kỷ của tôi. Nếu tôi lại gặp phải người tri-kỷ mà vô-lẽ, thì thà rằng tôi cứ ngồi trong chỗ giam trói còn hơn.

Ân-Tử nghe ra bèn kính trọng Thạch-Phủ, rồi sau tôn Thạch-Phủ làm thượng-khách.

Sử-ký

CHÚ-THÍCH.— Ngạc-nhiên : sợ-hãi ngờ-ngác. — Tạ : xin lỗi — Cự-tuyệt : chống cự ghét bỏ, tuyệt không đi lại chơi với nữa. — Bất-tri-kỷ : kẻ chẳng biết mình, ưa mình.

Lời bàn.— Xem chuyện này, ta trọng Thạch-Phủ là người tinh đời và lại có tài, có khí, ngang-nhiên nói rõ thẳng băng mà không mất lòng ân-nhân, lại còn nhân đó làm cho ân-nhân biết giá-trị của mình nữa. Ông vừa biết mình vừa biết

người và giỏi cả khoa ngôn-ngữ. Còn như Ân-tử thì là người biết người mà lại có đức, có lượng. Bán ngựa để chuộc tội cho Thạch-Phủ, thế là biết được anh hùng trong lúc còn trần-ai và thương người như thể thương thân vậy. Phải Thạch-Phủ nặng lời oán-trách, mà ông xử lại kính trọng bội phần, thật là ái tài như mệnh (yêu quý người hiền tài như yêu quý mạng mình) Đáng phục lắm thay! Ân-tử làm tướng nước Tề, suốt đời tận-tụy quên cả bản-thân; nhất là việc bồi thực nhân-tài để cho có người giúp dân giúp nước, ông lại càng hết lòng lắm.

88.— Trồng khó, nhổ dễ

Điền-Nhu được vua nước Ngụy tin dùng.

Huệ-Tử bảo Điền-Nhu:

— Người phải khéo ăn ở với cận-thần nhà vua mới được. Nay xem như cây dương, trồng ngang cũng mọc, trồng ngược cũng mọc, bề cạnh mà trồng cũng mọc. Giả-sử mười người trồng cây dương, một người nhổ lên, thì không cây dương nào sống được. Thế cho nên nhiều đến mười người trồng giống thứ cây dễ mọc, cũng không lại được với một người nhổ là tại làm sao? — Là tại trồng thì khó mà nhổ thì dễ. Nay người muốn được vua tin dùng lâu dài, nhưng có nhiều người muốn bỏ người, thì người nguy mất.

Bách-tử toàn thư

CHÚ-THÍCH.— Huệ-tử: tức là Huệ-Thi là một nhà đàm luận biện bác gọi đời Chiến-quốc — Cận thần: bày tới hầu chực ở gần vua.— Dương: thứ cây gần giống như cây liễu.— Giả-sử: ví như.— Ngụy: không yên ổn.

Lời bàn.— Được vua tin dùng thế là vua đã có lòng yêu, mà vua đã có lòng yêu, thì lại còn lo chi không giữ được địa-vị vững chắc. Thế mà vị tất. Vua yêu, tuy vua là chủ nữa, nhưng cũng chỉ là một người, còn bao nhiêu người bên cạnh vua, nếu ai ai cũng ghét mình cả, thì mình không thể sao đứng lại được. Nên cái lẽ trồng khó, nhổ dễ của Huệ-Tử nói với Điền-Nhu rất là phải Bài này có ý lo xa trừ bỏ cái hại gièm-pha.

89.— Người kiếm củi được con hươu

Người nước Trịnh kiếm củi ngoài đồng, thấy con hươu lạc, đón đánh chết được ngay. Anh ta sợ người ngoài trông thấy, vội-vàng giấu xác hươu vào trong cái hào cạn, lấy lá chuối phủ lên. Trong bụng mừng rỡ không biết thế nào mà kể.

Chợt một cái, anh ta lú ngay chỗ giấu hươu, bèn cho ngay là chuyện chiêm-bao. Lúc gánh củi về, anh ta đi đường, thờ-thần thổ-thần và cứ một mình lầm-bầm kể câu chuyện ấy.

Có một người đi cạnh, nghe thấy cứ theo lời kể mà tìm được hươu, đưa về, bảo vợ rằng:

« Lúc nãy anh kiếm củi mộng bắt được hươu

mà không biết ở chỗ nào, bây giờ ta tìm được, thế thì hẳn là kẻ *mộng* thật.

Vợ nói: — Hay là chính anh *mộng* thấy người kiếm củi bắt được hươu. Chớ làm gì có người kiếm củi thật. Bây giờ anh bắt được hươu thật, thế là *mộng* anh thật chẳng.

Chồng bảo: — Đây ta cứ biết được hươu là được hươu, cần gì phải biết rằng ta *mộng* hay hẳn *mộng* nữa.

Anh kiếm củi về nhà, trong bụng tấm-tức bần-khoăn về việc mất hươu. Đêm hôm ấy nằm *mộng* thấy chỗ mình giấu hươu và cả người đến lấy hươu ấy. Sáng ra, cứ theo như *mộng* rồi tìm ra được, mới đem lên quan *sĩ-sư* kiện để đòi lại hươu.

Quan xử rằng:

« Mày trước thật là bắt được hươu lại hoảng lên cho là *mộng*, sau mày *mộng* tìm thấy hươu lại hoảng lên cho là thực. Còn thằng kia thật là lấy hươu mà tranh nhau với mày thì vợ nó lại tưởng là *mộng* được hươu của người ta chớ không ai bắt được hươu thật. Bây giờ rõ-ràng có con hươu đây, thời chia đôi cho mỗi bên nửa ».

Cái án ấy tâu lên vua nước *Trịnh*.

Vua nói rằng: « Hừ! quan án cũng lấy *mộng* mà xử cái kiện con hươu ư! » Rồi cho đòi *thủ-tướng* đến hỏi. *Thủ-tướng* tâu rằng:

— *Mộng* cùng chẳng *mộng*, tôi không thể phân-biệt được. Muốn phân-biệt *mộng* hay giác thì chỉ có ông *Hoàng-đế*, ông *Không-tử* mà thôi. Bây giờ không có hai bậc ấy, thì ai phân-biệt ra được?

Thôi, xin cứ y như lời xử đoán của quan *sĩ-sư* là xong.

Liệt-Tử

CHÚ-THÍCH. — *Trịnh*: nước nhỏ thời *Xuân-thu*, ở vào huyện *Tân-trịnh*, một phần đất phủ *Khai-phong* tỉnh *Hà-nam* ngày nay. — *Hào*: vũng nước bao chung quanh thành (chỗ lấy đất đắp thành mà thành vũng). — *Mộng*: tức là chiêm bao, nghĩa là những công, chuyện hiện ra, hay tinh-thần cảm-glác điều gì trong lúc người ta ngủ. — *Sĩ-sư*: chức quan tra xét việc ngục tụng. — *Mộng* thật: chiêm bao thế nào, sau có thật như thế. — *Hoàng*: ở-mà không biết đích thật. — *Hoàng-đế*: một bậc thánh-đế đời cổ, thay vua *Thần-Nông* cai-trị nước *Tàu*. — *Không-tử*: người nước *Lỗ*, về thời *Xuân-thu*, tên là *Khru*, tự là *Trọng-Ni*, ông tổ *Nho-học*.

Lời bàn. — Đánh chết được thật hươu lại đem giấu cẩn-thận, vì quên mất chỗ giấu mà cho là *mộng*. Thế là thực mà hóa ra *mộng*. Nghe lỏm rồi lấy tranh hươu của người, đem về tận nhà, khoe với vợ. Thế là *mộng* hóa ra thực. Ôi! như thế thì chẳng ra sự *mộng* và sự thực không có gì để phân biệt tách-bạch hẳn ra ư. Hay ở đời có lắm cái như thực mà là *mộng* cả, lại có lắm cái tưởng *mộng* mà là thực cả. Tác-giả chính có ý muốn bày tỏ sự *mộng*, sự thực ở đời là như thế. Nhà *Phật* còn cho cả cuộc đời là một giấc *mộng*, nữa là những việc vụn-vặt hằng ngày.

Còn câu cuối bài, tác-giả có ý bác ông Hoàng-đế và ông Khổng-tử cứ như muốn giáo-hóa người đời, cho ở đời cái gì cũng là thực cả.

Tự xưa đến nay, ở đâu mà chẳng là thật, việc gì mà chẳng là chiêm bao, chẳng qua như chuyện được hươu mất hươu, tìm thấy hươu, kiện nhau hươu. Nghĩ cho cùng, tưởng cũng buồn cười.

90. — Hỏi thăm dân

Vua nước Tề sai sứ đem thư sang hỏi thăm bà Uy-hậu nước Triệu.

Sang đến nơi, bà Uy-hậu chưa xem thư, đã hỏi sứ-giả rằng :

« Năm nay không mất mùa chứ? — Dân binh yên chứ? — Vua cũng mạnh khỏe chứ? »

Sứ-giả nghe hỏi, không bằng lòng, nói rằng :

— Tôi vâng mệnh vua nước tôi sang sứ bên này thái-hậu không hỏi đến vua tôi, lại hỏi thăm mùa-màng với dân sự trước, thế chẳng ra tôn-trọng kẻ hèn hơn người sang ư?

Uy-hậu bảo : — Không phải. Nếu không có mùa màng thì lấy đâu có dân, không có dân thì lấy đâu có vua. Cho nên ta hỏi mùa-màng và nhân-dân trước. Ai lại bỏ gốc mà hỏi ngọn bao giờ!

Nói xong, Thái-hậu lại hỏi luôn rằng :

« Chung Li-tử là sử-sĩ bên ấy vẫn được bình yên đấy chứ? Người ấy có ăn lương cũng thế, không lương ăn cũng thế, có áo mặc cũng thế, không áo mặc cũng thế, ấy là người ta giúp vua mà nuôi dân đấy, sao đến bây giờ chưa triệu ra làm quan? — Cả Nghiệp Dương-tử bên ấy vẫn bình yên đấy chứ? Người ấy thương xót kẻ quàn-quả chu-tuất kẻ cô-độc, chần-tế kẻ khốn cùng, giúp đỡ kẻ túng bần, thế là người ta giúp vua để sinh tức cho dân, sao đến bây giờ còn chưa triệu ra làm quan? Người con gái Bắc-cung tên là Anh-Nhi-tử vẫn bình yên đấy chứ? Người ấy bỏ cả đồ trang-sức đến già không lấy chồng để nuôi cha mẹ. Ấy là người ta làm gương cho dân bắt chước ăn ở với cha mẹ cho có hiếu, sao đến bây giờ vẫn chưa cho người ấy vào chầu? Nếu hai người sử-sĩ ấy không được làm quan, một người con gái ấy không được vào chầu, thì làm vua nước Tề trị sao vạn dân được! — À mà còn thằng Tử-Trọng ở Ô-lăng vẫn còn đấy chứ? Người ấy trên không làm tôi vua, dưới không trị việc nhà, giữa không kết-giao với ai. Thế là người ấy dạy dân làm điều vô-dụng, sao đến bây giờ vẫn còn chưa giết đi? »

Thái-hậu hỏi hết mấy câu chuyện xong rồi, mới xem đến thư.

Triệu-Văn

CHÚ-THÍCH.— Tề : tên nước lớn trong bảy nước thời Chiến-quốc ở vào địa phận tỉnh Sơn-Đông bây giờ. — Uy-hậu : mẹ vua Uy-vương bây giờ bà có dự triều chính. — Triệu : tên một nước lớn thời Chiến-quốc về phía nam tỉnh Trục-lệ phía bắc tỉnh Sơn-tây bây giờ. — Sử-giả : người chịu mệnh lệnh của vua nước mình mà sang sinh sống ở nước khác. — Mệnh : lời người trên dặn bảo sai đi việc gì. — Thái-hậu : mẹ vua. — Sử-sĩ : người hiền tài ẩn cư một chỗ. — Quan quả : quan : người hóa vợ, quả : người hóa chồng. — Chấn-tế : cứu giúp kẻ đói khổ.

Lời bàn.— Nước lấy dân làm gốc. Dân không đủ ăn thì nước nguy cho nên dân sinh là việc trọng. Dân không an cư thì nước loạn, cho nên trị an là việc cần. Bà Uy-hậu hỏi hai việc này trước, rồi hỏi thăm vua sau là có ý quý dân lắm. Rồi bà hỏi đến hai người sử-sĩ, một người hiền nữ, là mong cho dân có được nhân tài để lĩnh đạo. Bà hỏi đến một tên tiểu-nhân là ngại cho dân lỡ phải quân gian ác cướp hoặc làm càn, thủy-chung câu nào bà hỏi cũng chú-trọng về dân, còn vua thì hỏi qua, thật là một tay hiền thấu việc trị nước, âm hợp với cái ý tưởng của ông Mạnh là : « Dân vi quý xã-tắc thứ chi, quân vi khinh » vậy.

91.— Dân quý nhất

Nước mà trông cậy để vững bền được là nhờ ở ba thứ :

Một là dân ; hai là xã-tắc ; ba là vua.

Đem ba điều ấy so-sánh với nhau, dân tuy không có thể đáng tôn, nhưng có hình đáng sợ, đáng trọng, thật là dân quý nhất.

Xã-tắc là thổ thần và cốc thần *tí hộ* cho dân được yên, được sống, nhưng cũng vì dân mới đặt ra, thì chẳng có thể bị với dân được. Vậy xã-tắc còn là đáng quý thứ hai.

Vua tuy chúa-tể cả thần, cả dân nhưng kỳ thực cũng phải nhờ lòng dân có yêu mến, xã-tắc có yên ổn thì vua mới lâu dài được. Thế thì vua ví với dân, với xã-tắc, vua không trọng lắm, nghĩa là đáng quý thứ ba.

Mạnh-Tử

CHÚ-THÍCH.— Xã-tắc : xã : nơi thờ thổ-thần tức là thần giữ đất tấc : nơi thờ cốc thần, tức là thần cho được mùa. — Thế : quyền to sức mạnh khiến cho người ta phải nể, phải sợ. — Hình : hình tượng hiện hiện ai cũng biết. — *Tí hộ* : che chở đỡ đỡ dân cho được bình yên. — Chúa tể : đứng đầu cai quản trong một đất.

Lời bàn.— Nước có quân-chủ, thì còn ai trọng bằng vua chúa. Tục chuộng Thần quyền, thì còn ai sợ bằng thần-thánh. Một đàn dân ngu, tha hồ mà giày-xéo bóc lột ! Nhưng có biết đâu dân chính là gốc của nước, có dân mới có xã-tắc, có dân mới có vua, nên đem so dân với vua, với xã-tắc thì dân là quý nhất, không thể khinh thường được. Ông Mạnh sinh vào đời cổ, quân chủ áp chế, mà thực đã hiểu rõ cái lẽ tối tân của đời bây giờ là đời dân chủ. Dù có quân chủ chẳng nữa, nhưng cũng là tượng trưng cho toàn dân, mà phải thực hành trọng dân quyền thì mới hợp trào-lưu tiến-hóa vậy. Còn dân, cố nhiên là dân vi quý, nhưng dân trí không mở-mang thì dân chủ cũng nguy hại lắm.

cô dưới quan Khanh — Phiên : làm cho bạn lòng phải lo nghĩ đến. — Thần qui : con rùa thiêng. Rùa sỏ dĩ cho là con vật thiêng, là vì xưa người ta dùng để bói. — Miếu đường : nơi thờ phụng tổ-tiên nhà vua.

Lời bàn — Hiền như Trang-tử đã đi câu trên sông Bộc là muốn an-nhàn không còn để thân bó buộc vào trong vòng danh-lợi nữa Sở-vương không hay còn cho người đến câu. Trang-tử hỏi truyện con thần-qui mà tức là đề tỏ ý kiến rằng từ-chối. Ôi ! bấy giờ nhân đời Chiến-quốc, người ta đã có câu : « Chiến-quốc chi sĩ tiện » nghĩa là kẻ sĩ đời Chiến-quốc hèn-hạ, và đáng khinh-bĩ, cho nên Trang-tử không chịu ra cũng có lẽ vậy. Lúc đời đang sôi-nổi, đấm-đuối về danh-lợi, xâu-xé tranh cướp nhau, xác người tuy còn, lòng người đã chết, thì ra đùa với đời chỉ ô-ũ đến thân. Có đâu cao-thượng bằng cầm cần câu câu trốn sông Bộc làm lão ngư ông sống gần tạo-hóa, và đời ô-trọc lại chả nhẹ-nhàng cái thân ư !

94. — Phải biết phòng xa

Ông Biền-Thước đến yết-kiến Hoàn-hầu nước Tề, đứng ngắm một lát, tâu rằng :

— Vua có bệnh ở trong bì-phu, không chữa sọ sau nặng

Hoàn-hầu bảo : — Ta vô bệnh.

Biền-Thước đi ra.

Hoàn-hầu nói : — Thầy thuốc này lý tài lắm ! Muốn chữa người khỏe để lấy công.

Mười hôm sau, Biền-Thước vào yết-kiến Hoàn-hầu lại nói :

— Vua có bệnh ở gan ruột, không chữa mau sau khó lòng.

Hoàn-hầu không trả lời, còn lấy làm không bằng lòng.

Biền-Thước đi ra.

Cách mười hôm nữa, Biền-Thước lại vào yết-kiến Hoàn-hầu, vừa trong thấy, lùi chạy ra ngay.

Hoàn-hầu cho người gọi lại hỏi, vì cơ gì mà ra ngay như vậy.

Biền-Thước tâu : — Bệnh ở bì-phu còn châm-trích được, bệnh ở gan ruột còn thuốc thang được, bệnh đã vào xương tủy, thì không tài nào chữa được nữa. Bấy giờ bệnh nhà vua đã vào đến xương tủy cho nên tôi không dám nói mà phải ra ngay.

Năm hôm sau, Hoàn-hầu phát bệnh, cho tìm Biền-Thước, thì Biền-Thước đã sang nước Tần rồi. Quả nhiên bịnh Hoàn-hầu không thầy nào chữa được nữa, Hoàn-hầu mất.

Thanh-lê Tử

CHÚ-THÍCH. — Biền-Thước : thầy thuốc hay có tiếng đời Xuân-thu. — Bì-phu : da, màng da. — Lý tài : lập cách kiểm tiền. — Châm-trích : châm : kim lể ; trích : lửa đốt.

Lời bàn. — Theo y-học phương-đông thì đối với bệnh nhân : vọng, vẩn, vẩn, thiết là bốn việc cần.

Biền-Thước là bực danh-y vọng (trông) mà biết bệnh nhẹ rồi nặng thì có chi là lạ.

Phạm bệnh gì cũng vậy, lúc mới phát ra, biết mà chữa ngay thì còn dễ, chớ đề lâu ngày, thì tất khó hơn hoặc có khi nguy, không sao chữa được nữa.

Suy rộng ý bài này ra, ta lại có thể lấy việc bệnh tật mà so với việc thân, việc nhà, việc nước, đại khái đều như thế cả. Nghĩa là bất kỳ việc gì, nếu đã gọi là hư hỏng, thì phải sớm biết lo xa ngay đi, hoặc còn chữa chạy được, chớ nếu đề lâu ngày quá, đợi khi nước đã đến chân thì dù có muốn cũng không sao kịp được nữa, vì đề trễ quá rồi !

95.— Một câu đoán đúng

Ông Tư-Sản nước Trịnh sang nước Trần, có việc minh-ước.

Khi về, ông tâu mọi việc với vua xong, ông có đem chuyện nước Trần nói với các quan rằng:

«Nước Trần thế nào rồi cũng mất, chẳng nên giao hiếu với nước ấy làm gì. Nay họ chứa nhiều lương-thực, họ sửa-sang thành-quách, họ chỉ cứ cậy hai điều ấy đủ làm yên nước mà chẳng thương gì đến nhân-dân. Vua thì không có chi gì là độc-lập, thái-tử thì hèn yếu, các nhà đại-gia thì xa-xỉ dâm-dật, các quan thì kiêu-ngạo, tham-tàn, chính-quyền thì chia xé, không ai chịu trách-nhiệm. Như thế mà ở chen vào giữa các

nước lớn, thì tài nào mà còn được. Bất quá mười năm nữa, nước Trần thế nào cũng mất».

Sau quả-nhiên nước Trần mất thật.

Tả-truyện

CHỮ-TH/CH.— **Trịnh**: (xem bài số 89).— **Trần**: tên một nước nhỏ thời Xuân-thu, ở vào một phần đất phủ Khai-phong (Hà-nam) và Bạc-châu (An-huy) ngày nay. — **Lương-thực**: thóc gạo của ăn.— **Thành-quách**: đất hay gạch, đá đắp xây cao và bao-bọc, để phòng giữ một nơi nào; ở trong gọi là thành, ở ngoài gọi là quách.— **Độc-lập**: có chủ quyền tự trị lấy, không cần nước ngoài can-thiệp đến. — **Thái-tử**: con cả vua, sau sẽ làm vua.— **Đại gia**: nhà quan to.— **Tham tàn**: muốn được không chán, ác hại vô cùng.— **Trách-nhiệm**: sự nhận lấy, chịu lấy cái kết quả hay dở của công việc đã bàn.

Lời bàn.— Một nước mà vua chẳng ra vua, tron hèn ngu muội, quan chẳng ra quan, tham tàn kiêu-xa, đề đến nỗi dân khốn cùng, tài khánh-kiệt, quân đội liệt nhược, chính sự mục nát, mà chỉ cậy vào cái kho lương đầy, cái thành đắp cao cùng những tờ minh ước của các lân bang thì tài nào nước không mất.

Một nước như Trần đây, thật là tự mình làm cho mình diệt vong trước, rồi nước ngoài mới đến xâm-lãng mà diệt đi sau vậy.

96.— Cùng, đạt bởi số

Bắc-Cung-Tử hỏi Tây-Môn-Tử rằng:

— Tôi với bác cùng một thời mà người ta qui

bác, cùng một họ mà người ta kính bác, cùng làm quan mà bác sang hơn tôi, cùng làm ruộng mà bác giàu hơn tôi, cùng đi buôn mà bác lắm lời hơn tôi. Tôi mặc, phải mặc áo cộc; ăn, phải ăn gạo hầm; ở thì một túp nhà tranh, đi thì đi chân không. Bác thì mặc những gấm-vóc, ăn những thịt, cá, ở thì gác tia, lầu hồng, đi thì đi xe-xe ngựa-ngựa. Ở nhà, thì coi bác ra bộ lạt-lẽo có bụng khinh tôi; trong triều, thì coi bác ra bộ hơn-hơn có dáng khinh tôi. Bác với tôi chẳng hỏi han đến nhau, chẳng chơi-bời với nhau đã mấy năm nay rồi, vậy thì bác tự cho là bác tài đức hơn tôi chẳng?

Tây-Môn-Tử đáp:

— Tôi cũng không rõ có thật tôi hơn được bác không. Nhưng bác làm việc gì cũng vấp-vấp, tôi làm việc gì cũng *hanh-thần*. Đó có phải là cái *trung-nghiệm* tài đức hơn, kém nhau chẳng? Bác lại nói điều gì cũng bằng tôi, chẳng đáng thẹn lắm ư!

Bắc-Cung-Tử không biết nói sao nữa, ngậm-ngùi ra về. Giữa đường gặp *Đông-Quách tiên-sinh*. Tiên-sinh hỏi:

— Anh này đi đâu về? Coi mặt sao buồn thế?

Bắc-Cung-Tử thuật lại câu chuyện kia.

Tiên-sinh bảo:

— Được, để ta gỡ khỏi xấu hổ cho.

Rồi tiên-sinh cùng đi với Bắc-Môn-Tử đến nhà Tây-Môn-Tử, hỏi rằng:

— Sao anh nói nhục Bắc-Cung-Tử tệ thế? Anh nói gì, kể lại tôi nghe.

Tây-Môn-Tử đáp:

— Hẳn nói về họ hàng, đi làm quan, đi buôn làm ruộng thì hẳn cũng bằng như tôi mà sao giàu, nghèo, sang hèn thì hẳn lại khác tôi. Tôi có bảo rằng: Tôi cũng không chắc tôi tài đức hơn gì hẳn, nhưng cứ so cái việc của hẳn làm hay vấp-vấp, cái việc của tôi làm được *hanh-thần*, thì tức là cái *trung-nghiệm* hơn kém nhau mà hẳn lại cứ nói việc gì cũng như tôi chẳng là xấu hổ lắm ư?

Đông-Quách tiên-sinh nói:

— Anh nói hơn với kém chẳng qua là chỉ nói hơn kém bề ngoài, chứ ta mà nói hơn với kém thì lại khác. Bắc-Cung-Tử hơn anh về cái đức mà kém anh về cái số phận, còn anh thì số phận hơn Bắc-Cung-Tử nhưng đức lại kém. Anh gặp may mà *đạt* không phải anh có khôn gì. Bắc-Cung-Tử bị rủi mà *cùng* không phải có dại gì. Sự may rủi đó đều bởi trời cả không phải bởi người. Vậy mà anh dám hợm mình về số phận của anh, còn Bắc-Cung-Tử thì lại tủi về tài đức của mình, hai anh đều là không biết cái lẽ tự nhiên cả.

Tây-Môn-Tử nghe nói, chịu là phải bảo rằng:

— Thôi, xin lỗi tiên-sinh, từ rày tôi không dám nói vậy nữa.

Bắc-Cung-Tử cũng tỉnh-ngộ ra. Khi về nhà, mặc cái áo vải cộc mà coi ấm-áp như áo lông cừu, ăn cơm gạo hẩm mà coi ngon như gạo tám thơm, ở nhà tranh mà coi rộng như nhà ba từng, đi dép cỏ mà coi sung-sương như ngồi xe ngựa. Trọn đời lúc nào cũng vui sướng trong lòng, không biết cái vinh cái nhục là gì nữa.

Liệt-Tử

CHÚ-THÍCH.— Hanh-thần: thông suốt bằng-phăng, không có gì trở ngại. — Trung nghiêm: việc có chứng cứ đủ rõ ràng thật. — Đạt: làm nên, vẻ-vang sung-sướng. — Cùng: không làm nên gì, khốn khổ nghèo khổ. — Tỉnh-ngộ: đương mê muội mà hiểu rõ, rồi tự biết đã lầm.

Lời bàn.— Bắc-Cung-Tử hỏi Tây-Môn-Tử là có ý không phục Tây-Môn-Tử. Nghĩ đáng giận thật: cái gì mình cũng bằng người ta mà sao lại kém người ta? — Còn Tây-Môn-Tử đáp Bắc-Cung-Tử thế là lên mặt hơn Bắc-Cung-Tử, tự cho là phải lắm. Mình sở dĩ được hơn người ta, tất là có cơ làm sao chứ? Thành ra một người cậy tài đức hơn mà bực mình, một người cậy mệnh vận hơn mà lên mặt. Ấy ở đời tài đức và mệnh vận thường vẫn không đi đôi với nhau: có tài đức mà phải kém người không tài đức mà được số hơn người. Ai giải cho ra cái lẽ ấy? Đông-Quách tiên-sinh, mà tức là tác-giả cho rằng: Chẳng qua là do ở số-phận, mà số-phận là do ở trời định, người ta không thể sao cãi được. Thực hợp với câu cổ ngữ « May hơn khôn » của ta đó. Vậy

ở đời hơn kém nhau là tại số-phận cả. Nếu ta đã biết thế, thì ta hơn người, ta cũng chẳng nên khinh người vì ta hơn là hơn về cái may, chứ vị tất đã hơn về cái tài đức. Còn ta cảnh-ngộ mà kém người, ta cũng chẳng nên phàn-nàn, vì phàn-nàn vô-ích mà tâm ta lại phải cái cảnh ngoài làm cho lụy mà thôi.

97.— Thư viết răn con

« ... Việc làm của người quân-tử: tĩnh để tu-tĩnh lấy thân, kiệm để bồi-dưỡng lấy đức. Nếu không đạm-bạc thì không thể nào sáng được cái chí. Nếu không ninh-tĩnh thì không thể nào đi đến được xa.

Lấy lý mà nói: Muốn học cần phải tĩnh, có tài cần phải học. Không học, thì không rộng được tài; không tĩnh thì không thành được học. Lười-biếng khinh-mạn thì chẳng thể biết được tường. Hiềm-học táo-bạo thì chẳng thể sửa được tính.

Một năm một tuổi, mỗi tuổi một kém, rồi thành ra con người khô héo, dài thở vắn than trong chỗ xó nhà, bấy giờ mới hối thì còn sao kịp nữa... »

Gia-Cát-Lượng

CHÚ-THÍCH.— Quân-tử: bực tài đức hơn người. — Tĩnh: yên-lặng, trong-sạch. — Tu-tĩnh: sửa mình, bỏ hết xấu tập tính tốt. — Kiệm: đây chỉ nghĩa rộng là có tiết chế, không phóng phiếm. — Bồi-dưỡng: vun bón nuôi nấng. — Đạm-bạc: đằm-

ĩnh và ít lòng ham-mê.— Ninh tĩnh: im-lặng không rối-rít nóng nảy.— Đi được xa: làm được đến cùng những công to việc lớn.— Gio-Cát-Lượng: người đời Tam-quốc, tự là Không-Minh, trước ăn ở Nam dương, sau giúp Lưu-Huyền-Đức làm tướng, trị nước Thục. Ông là người trí mưu, trung-nghĩa có tiếng ở nước Tàu.

Lời bàn.— Có những thói xấu như nóng-nổi, nóng-nảy, thô-thiển, khinh-bạc, người thường còn hại vừa, người thông-minh hại mới càng nặng. Hại nặng nghĩa là thiệt đời tài-hoa như không. Cho nên Không-Minh dạy con phải theo gương quân-tử ngay từ thuở còn ít tuổi cho thành thói quen. Quân-tử dùng cách gì để tu thân, để dưỡng đức, để có tài-năng, để thành học nghiệp, để rộng được tri-thức, để gánh vác được công việc trong-dại ở đời. Ông nói tóm tắt mà rất phân-minh. Câu « Một năm một tuổi... » lại càng thống-thiết. Ý ông lại còn mong cho con làm thế nào để cho tư-tưởng cùng ăn nhịp với thời-dại mà một ngày một tiến-bộ mãi lên, chớ đừng để tư-tưởng cứ cùng theo tuổi lão đại mà cần-cỏi dần thì uơu hen lắm. Nói tóm: ông chú-ý mong con sao cho thành người đứng đắn sau hời mà lỡ hóa ra con người sống thừa ở đời vậy.

98. — Viết thư khuyên bạn

« ... Hồn-nhiên không thiện, không ác là tính trời bẩm-sinh.

Thích thiện, ghét ác là tính người muốn thế.

Bỏ thiện, theo ác là tập-nhiễm thói xấu một ngày một dở.

Đôi ác, làm thiện là công-phu tu-tĩnh một ngày một hay.

Hay, dở tự mình xét lấy mình, chớ tự mình dối mình.

Đó là con đường tắt thánh hiền dạy ta mà tức là cái sổ ghi công, chép tội trong chốn u-minh vậy.

Ta nên cố sức. Ta nên hết sức... »

Trần-Kế-Nho

CHÚ THÍCH.— Hồn nhiên: không có một chút gì kieu cách pha lẫn cả. — Bẩm sinh: tính trời phú cho lúc sinh ra. — Tập nhiễm: tập quen mà lây dần. — Tu-tĩnh: sửa mình, xét mình. — U-minh: mờ tối, đây như nói việc quỷ thần huyền bí.

Trần-kế-Nho: người đời nhà Minh tức là Trần-Mĩ-Công tài cao, học rộng trước thuật rất nhiều. Ông ăn cư dạy học, mấy lần vua triệu ra làm quan cũng không chịu ra.

Lời bàn.— Cứ theo như ý tác-giả, thì người ta sinh ra vốn không thiện, không ác nhưng ai cũng muốn thích thiện ghét ác. Tuy nhiên, cái trò tập giữ tính thành bỏ thiện theo ác hay đổi ác ra thiện, cái tính nó bắt vào rồi thành quen đi, không sửa đổi được. Cho nên tác-giả khuyên ta phải gắng công tu tĩnh cho mỗi ngày một hay, mà muốn tu tĩnh, không gì bằng phải tự mình rất nghiêm với mình để hằng ngày tự trị cho trở nên con người ra người.

99.— Thơ viết cho bạn

Trong thiên-hạ có hai cái khó: lên trời khó, mà cầu cày nhờ vả người càng khó hơn.

Trong thiên-hạ có hai cái đắng: hoàng-liên đắng, mà nghèo kiệt khổn cùng càng đắng hơn.

Nhân-gian có hai cái mỏng, giá mùa xuân mỏng mà thời đời càng mỏng hơn.

Nhân-gian có hai cái hiểm: núi sông hiểm mà lòng người càng hiểm hơn.

Biết được cái khó, chịu được cái đắng, quen được cái mỏng, dò được cái hiểm mới có thể ở đời được.

Tiên-Học-Thần

CHÚ-THÍCH.— Thiên-hạ: dưới gầm trời tức như thế giới. — Hoàng-liên: một thứ cỏ rễ rất đắng dùng làm vị thuốc. — Nhân-gian: nơi người ta ở, trong trời đất. — Mỏng: không dày tức là chữ bạc. — Giá: váng mới đóng một lượt mỏng trên mặt nước, vô ý giẫm phải thì thực chết. — Hiểm: nguy nan, đi lại khó khăn.

Lời bàn.— Biết được cái khó, là người có chí tự-lập không làm phiền ai, chịu được cái đắng, là người có tâm kiên nhẫn, cố làm nên việc; quen được cái mỏng là người có bụng đại-độ bao dung được đời; dò được cái hiểm là người có trí tình khôn thấu được nhân tình thế-thái. Ở đời mà có được bốn điều ấy, thì giao-thiệp với ai mà chẳng được, làm công việc gì mà chẳng nên,

100.— Tham thì chết

Ngu-Thúc có viên ngọc. Ngu-Công nghe tiếng muốn lấy, sai người đến cầu.

Ngu-Thúc trước không chịu cho Sau hỏi lại nói rằng:

— Tục-ngữ có câu: « Kẻ thường dân vốn không có tội, chỉ vì có ngọc bích mà thành có tội ». Ta giữ làm gì hòn ngọc này? Thật là mua tai vạ vào mình.

Rồi liền đem ngọc dâng cho Ngu-Công.

Ngu-Công đã lấy được ngọc, nghe Ngu-Thúc còn thanh gươm báu, muốn lấy nốt, lại cho người đến cầu thanh gươm ấy.

Ngu-Thúc giận quá, nói:

— Ngu-Công trưng cầu hết cái này, lại đến cái khác. Thật là người vô-yêm! Đã là vô-yêm, thì tất có ngày hại cả đến thân ta nữa.

Nói rồi, đem quân đi đánh Ngu-Công.

Ngu-Công thua, chạy ra đất Cung-trì.

Tả-truyện

CHÚ-THÍCH.— Hỏi: ăn-năn nghĩ lại tự biết làm thế là không phải. — Tục-ngữ: câu nói dùng lâu ngày thành thói quen, ai ai cũng thích nói. — Câu tục-ngữ: « Kẻ thường dân... » chính chữ Hán là: « Thất phu vô tội, hoài bích kỳ tội ». — Ngọc bích: thứ ngọc quý, hình tròn và có lỗ. — Vô-yêm: muốn lấy cho nhiều, không biết thế nào là vừa là chán.

Lời bàn.— Tham là một nết rất xấu. Tham vừa người ta còn có thể chiều hay nể, chớ tham quá lắm như chỉ biết có mình không biết còn ai nữa, thì ai là người chịu nổi. Vả lại tham hay sinh ra ngang ngược, tham hay sinh ra u-mê, cho nên Ngu-Công đây muốn ngọc, được ngọc đã là may, lại còn muốn cả gươm, Ngu-Thúc chịu sao được mà không tính cách để trị lại. Ôi! gươm đã chẳng được, nước cũng không còn. Tham thì thâm! Phật đã bảo thâm rằng «chớ có tham».

101.— Vì tham bị hại

Vua nước Thục có tính tham-lam.

Vua Huệ-vương nước Tần muốn đánh, nhưng ngại vì khe núi hiểm-trở, khó đem quân đi lắm.

Huệ-vương bèn sai lấy đá tạc hình con trâu đem để gần địa-giới nước Thục, mỗi ngày bỏ vàng chỗ sau đuôi trâu và bảo người nói phao lên rằng: «Trâu vãi ra vàng».

Tiếng ấy đồn đến tai vua Thục. Vua Thục liền sai xẻ núi, lấy khe và cho năm người lực-sĩ vào rừng kéo con trâu về.

Huệ-vương sẵn lối đi, đem quân tiến đến cướp được nước Thục.

Vua Thục vừa mất nước, vừa hại cả mình để lại trò cười cho thiên-hạ. Thế chẳng tại vì tham chút lợi nhỏ mà để mất cái lợi to ư?

Lưu-Tử

CHÚ-THÍCH.— Thục: Tên nước đời Chiến-quốc, sau nhà Tần diệt mất, tức là Tứ-xuyên ngày nay.— Tần: nước mạnh đời Chiến-quốc, ở vào Tân-châu (Cam-túc) và Thiểm-tây ngày nay.— Hiểm-trở: hiểm nghèo, cách trở khó đi lại được.— Địa-giới: chỗ đất hai xứ hay hai nước giáp với nhau.— Lực-sĩ: người sức-lực mạnh-khỏe hơn người.

Lời bàn.— Tạc hình trâu đá, bỏ vàng chỗ sau đuôi để bảo rằng trâu đá vãi ra vàng, cái mưu của Tần-vương rất là sâu. Tin rằng trâu đá vãi ra vàng thật cái tri của Thục-vương rất là khờ, lại sai người đánh đường để lấy trộm trâu đá, cái bụng của Thục-vương quả là tham. Đã khờ, đã tham mà lại gặp người sâu-xa hiểm-học bày mưu để đánh lừa, thì chẳng mất nước, chẳng hại mình sao được Than ôi! «điều tham thực nhi vong, nhân tham tài nhi tử» cái lẽ xưa nay bao giờ cũng thế.

102.— Phân tách không rõ

Nay có kẻ vào vườn người ta hái trộm đào, mạn, thì ai nghe thấy cũng chê cười, quan bắt được tất trừng phạt.— Tại sao vậy? — Tại người ấy làm điều bất-nghĩa, lấy của người để làm lợi cho mình.

Kẻ vào nhà người ta bắt trộm gà, vịt, chó, lợn, so với kẻ vào vườn người ta hái trộm đào mạn, thì lại là bất-nghĩa hơn nữa. Tại sao vậy? — Tại lấy của người càng nhiều, thì bất-nhân càng to, tội càng nặng.

Kẻ vào chuồng người ta ăn trộm trâu, dê, ngựa, so với kẻ vào nhà người ta bắt trộm gà, vịt, chó,

lợn, thì lại là bất-nghĩa hơn nữa. Tại sao vậy? Tại lấy của người càng nhiều, thì bất-nhân càng lắm, tội càng nặng.

Kẻ giết người *luong-thiện*, ăn cướp của-cái đồ-đạc của người ta, so với kẻ vào chuồng ăn trộm trâu, bò, dê, ngựa thì lại là kẻ bất-nghĩa hơn nữa. Tại sao vậy? — Tại giết người lấy của, bất-nhân to lắm, tội càng nặng lắm.

Giết một người là làm một điều bất-nghĩa, tất phải chịu một tử tội. Cứ lẽ ấy mà nói rộng ra: giết mười người, tất phải chịu mười tử-tội, giết trăm người tất phải chịu trăm tử-tội...

Nay, những kẻ làm điều bất-nghĩa như mọn, tầm-thường như nói trên thì biết chê cười. Đến như những việc bất-nghĩa thậm-tệ như cướp nước người, tàn-sát sinh-linh hàng ức vạn... thường khi thiên-hạ không biết chê cười lại còn ủa theo và khen-ngợi cho là « nghĩa » và ca-tụng ghi chép công-đức; như thế thì có gọi được là biết phân-biệt « nghĩa » với « bất-nghĩa » hay không?

Kẻ nào lúc thấy đen ít bảo là đen, lúc thấy đen nhiều lại bảo là trắng, thì ta cho kẻ ấy là người không biết đen với trắng.

Kẻ nào nếm đắng ít cho là đắng, lúc nếm đắng nhiều cho là ngọt, thì ta cho kẻ ấy là người không biết phân-biệt đắng với ngọt.

Thiên-hạ bây giờ phân biệt phải trái hay lắm lẫn lăm!

Mặc-Tử

CHỮ-THÍCH. — Bất-nghĩa: chẳng hợp lẽ phải. — Bất-nhân: chẳng có lòng thương hay làm hại người. — Luong-thiện: hiền lành không có làm điều gì trái lý, trái phép. — Tử tội: tội xử tử.

Lời bàn. — Tác-giả vốn là một nhà kiêm-ái nên cốt ý muốn công-kích sự tranh đoạt mà khuyến-kích người ta không nên hại lẫn nhau, vì đã có ý hại nhau tất chiếm-đoạt của nhau đều là có bụng tổn người để cầu lợi cho mình cả. Cho nên, muốn viện lẽ gì để buộc tội ác cho người ta mà mua tiếng hay cho mình, thì cũng là bất-nghĩa đáng chê cả. Thế mà ngán thay thiên-hạ đã không biết chê thì chớ, lại còn theo, còn khen thực có khác nào như nổi giáo cho giặc để tăng bốc thúc đẩy những kẻ làm điều bất-nghĩa lên không. Kẻ làm điều bất-nghĩa thường vẫn sợ dư-luận của thiên-hạ lắm lần đến thế, thì điều bất-nghĩa ở đời càng mạnh, thật là ác hại càng tăng, biết bao giờ nhân-tâm biến-đổi mà ai nấy cùng được hưởng cuộc Hòa-bình? Kể từ đời Mặc-tử đến giờ xa cách bao nhiêu thế-kỷ, mà nhân-loại đã muốn nuốt lẫn nhau, kẻ khỏe hiếp kẻ yếu, kẻ khôn lừa kẻ ngu, kẻ lớn nạt kẻ nhỏ, số nhiều lấn số ít, xâu-xé nhau, tranh cướp nhau tàn hại nhau, thực là đắm đuối trong các điều bất-nghĩa đáng thương, đáng than-thở lắm thay!

103. — Không yêu nhau mới loạn

Thánh-nhân trị thiên-hạ tất phải biết loạn từ

đâu mà ra thì trị thiên-hạ mới được, không biết loạn từ đâu ra, thì trị không nổi được thiên-hạ. Ví như thầy thuốc chữa bệnh cho người ta, tất phải biết *bệnh căn* từ đâu khởi ra thì mới chữa được, chớ không biết thì chữa không nổi được bệnh. Người trị loạn có khác gì thế?

Loạn từ đâu mà sinh ra? Sinh ra bởi không yêu nhau.

— Con không *hiếu* với cha, tôi không *trung* với vua, thế là loạn đấy. Con chỉ yêu thân con, không yêu đến cha, cho nên làm thiệt cha để lợi mình, em chỉ yêu thân em, không yêu đến anh, cho nên làm thiệt anh để lợi mình; bây tôi chỉ biết yên thân mình mà không biết yêu vua cho nên làm thiệt vua để lợi mình. Thế là loạn đấy.

Tuy đến cả cha mà cũng không thương con, anh mà cũng không thương em, vua mà cũng không thương bầy tôi, thế cũng là loạn. Cha chỉ yêu thân cha, không yêu đến con, cho nên làm thiệt con, để mình được lợi; anh chỉ yêu thân anh không yêu đến em, cho nên làm thiệt em để mình anh được lợi; vua chỉ yêu thân vua, không yêu bầy tôi, cho nên làm thiệt bầy tôi để mình được lợi.

Tại sao mà sinh ra những điều ấy? Có phải chỉ tại không yêu nhau cả thôi không? Đến cả quân trộm quân giặc cũng vậy. Thằng trộm

chỉ biết yêu nhà mình không biết yêu nhà người khác, cho nên ăn trộm nhà người khác để lợi nhà mình; thằng giặc chỉ biết yêu thân mình chẳng yêu thân người khác, cho nên sát hại thân người khác để lợi thân mình. Tại sao mà sinh ra như thế? Có phải chỉ tại không yêu nhau cả mà thôi không?

Cho đến cả các quan *khuyh-loát* nhau, các nước chư-hầu đánh lẫn nhau, cũng chỉ tại các quan chỉ biết yêu nhà mình, không yêu nhà khác cho nên hại nhà khác để lợi cho nhà mình, các nước chỉ biết yêu nước mình không yêu nước khác cho nên đánh nước khác để lợi cho nước mình.

Ấy thiên-hạ sinh ra loạn là bởi như thế cả.

Nếu biết, yêu nhau, thì còn ai nỡ hại ai, mà thiên-hạ làm gì chẳng bình trị.

Mặc-Tử

CHÚ-THÍCH.— Thánh-nhân: tài đức hơn người mà nhân cách rất cao.— Trị: làm cho bình yên, khỏi rối-loạn.— Thiên-hạ: dưới gầm trời, tức là thế-giới.— Bệnh-căn: gốc rễ của bệnh.— Hiếu: ăn ở hết lòng hết sức với cha mẹ.— Trung: nhất tâm thờ vua hay phụng sự tổ-quốc.— Khuyh-loát: làm cho ai nghiêng đổ thiệt hại và mất cả quyền lợi.— Thân mình: tính mạng của mình.

Lời bàn.— Đại ý của bài rút lại một câu là: loạn mà sinh ra là chỉ do cái lòng không yêu nhau hết cả. Cầu lợi cho mình tức là muốn hại người, mà hại người, tất ghét người; ghét người, tất người

ghét lại mà thành ra không ai được bình yên, ai cũng chỉ lo toan tranh cướp lấy lẫn của nhau mà thôi. Vậy muốn cho khỏi loạn, tất phải làm làm sao cho thiên-hạ biết yêu nhau. Mà có yêu nhau thì mới thương nhau; đã yêu thương nhau thì mầm loạn tắt. Đó chính là cái cốt-yếu của Mặc-tử, là cái ý kiêm-ái, yêu cả loài người không phân biệt thân sơ gì cả.

Ý Mặc-tử đây cũng giống như ý của Mạnh-tử nói: « Ở đời, ai nấy đều con cái biết thân yêu cha mẹ, kẻ dưới biết tôn trọng người trên, thì tự khắc thiên-hạ bình trị », nhưng có phần thống thiết hơn, vì nói đến cả vua trên, cả cha mẹ cũng không thương yêu tới con cho nên sinh loạn. Cái thuyết ấy kể thuật xác đáng; ở cái đời ai ai cũng chỉ tự-tư, tự-lợi, có nói thế, mới mong người tỉnh lại ít nhiều chăng.

104. — Cũng là ăn trộm

Họ Quốc ở nước Tề rất giàu. Họ Hường ở nước Tống rất nghèo. Hường bèn sang nước Tề hỏi Quốc cách làm giàu.

Quốc bảo: — Ta chỉ khéo ăn trộm thôi. Thoạt đầu ta ăn trộm một năm thì đủ dùng hai năm thì thừa ăn, ba năm thì giàu to, tự đó trở đi tài-sản ta có đến cả làng, cả tỉnh.

Hường nghe nói, mừng lắm, nhưng khốn chỉ hiểu câu chuyện ăn trộm, chứ không hiểu cái lối ăn trộm ra làm sao.

Lúc về, bèn trèo tường, khoét ngạch, phàm cái gì mắt trông thấy, tay cầm được là cũng lấy tất.

Hường đi ăn trộm chưa được bao lâu, bị bắt quả-tang, thành phải tội, cả bao nhiêu của-cải lúc trước khó nhọc kiếm ra cũng đều bị tịch-thu hết.

Bấy giờ Hường cho Quốc là đánh lừa mình, đến tận nơi trách.

Quốc hỏi: — Anh ăn trộm thế nào chứ?

Hường bèn thuật lại cung cách ăn trộm cho Quốc nghe.

Quốc nói: — Chết thật! Cái lối của anh ăn trộm sai lầm đến như thế kia ư! Nay để tôi bảo rõ cho anh biết. Trời có thời-tiết đất có hoa-lợi. Ta ăn trộm thời của trời, lợi của đất, sự thuận-hòa của mưa gió, những sản-vật của non sông, để ta cấy lúa trồng cây, xây tường, làm nhà, trên cạn thì ta ăn trộm giống chim muông, dưới nước thì ta ăn trộm loài tôm cá. Những cái ấy không có cái gì là không phải của ăn trộm cả. Này lúa mạ, đất cát, cây cối, chim muông, cá, ba-ba đều là của trời sinh ra cả há có phải của ta đâu. Song ta ăn trộm của trời, nên không có tai vạ gì.

Còn như vàng, ngọc, châu, báu, thóc, lúa, của cải đều là người ta làm kiếm ra mới có, há có phải là của trời đâu. Nên anh ăn trộm những của ấy mà phải tội là phải lắm, anh còn trách gì ai nữa.

Hương nghe nói càng nghi hoặc cho là Quốc lại nói dối mình lần nữa, bèn qua nhà Đông-quách tiên-sinh đem câu chuyện lại hỏi.

Đông-Quách tiên-sinh nói:

— Chính cả cái thân anh cũng là của ăn trộm nữa, nghĩa là trộm cái khí âm, khí dương mà hòa hợp lại mới thành cái đời, mới có cái xác anh, hưởng chi ngoại-vật, cái gì mà chẳng là của ăn trộm hay sao. Người ta mà cái gì cũng nhận là của mình có, đều là lầm cả.

Liệt-Tử

CHÚ-THÍCH.— Quả tang: bắt được ngay chính lúc đang ăn trộm có tang tích không sao chối được.— Tịch thu: lục ra xem có những vật gì biên ghi và thu lấy làm của công.— Thời tiết: nói tóm lại cả những sự mưa gió nắng rét.— Hoa lợi: tiền nong, lời lãi kiếm ở hoa màu thóc lúa ra.— Sản vật: những vật sinh sản ra nơi nào.— Nghi hoặc: ngờ vực không chắc là phải hay là trái.— Đông-quách tiên-sinh: một nhà ăn sĩ đời Xuân-thu.— Ngoại vật: các vật ngoài cái thân ta.

Lời bàn. Tác-giả làm bài này cốt bày tỏ cái ý rằng: Cách làm giàu không phải ở sự bon-chen tranh cướp nhỏ nhen những cái của người ta làm ra, nhưng ở sự biết lợi dụng những vật của trời đất sinh ra. Chiếm của của riêng của người đã kiếm được, mà làm giàu cho mình, thế là không chánh đáng, thế tức là ăn cắp, ăn trộm, ăn cướp có pháp-luật trừng-trị, có công-lý bắt phải bồi thường lại. Chớ lấy của chung của trời đất, biết lợi dụng những sản-vật, thiên-nhiên, tuy không phải

của mình mà lấy thì khác gì ăn trộm, nhưng trộm cái kho vô tận của tạo-hóa, chẳng những không ai buộc được tội, mà người ta lại còn phải phục, phải chịu là tài giỏi biết khéo lấy nữa. Muôn vật ở đời không phải là của riêng của một ai, hay một loài nào, nhưng của công của cả mọi người, ai khôn thì biết lợi-dụng, ai hèn thì chịu bó tay.

Còn cái ý tác-giả cho chính thân mình cũng không phải là của mình lại cao hơn một bậc nữa. Quả vậy cái xác thịt của mình, đến cả cái tâm-hồn của mình, nào có phải tự mình làm nên đâu hay chẳng qua cũng chỉ là tứ đại (địa, thủy, hỏa, phong) hợp lại rồi tan đi mà thế thường vẫn cho là « Ngã ».

105. Lo trời đổ

Nước Kỷ có kẻ lo trời đổ, đất long thì thân mình không biết nương-tựa vào đâu. Anh ta lo quá đến nỗi bỏ cả ăn, cả ngủ.

Lại có người thấy anh ta lo thế, mà lo cho anh ta mới giảng-giải cho biết rằng:

— Trời chỉ là không-khí chứa đầy lại mà thôi. Không chỗ nào là không có không-khí, anh co, ruỗi, hút, thở suốt ngày ở trong vòng trời, thì việc gì lo trời đổ.

Anh ta nói:

— Trời mà quả là không-khí, thì còn mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao chẳng có lúc sa xuống ư?

Người kia lại giảng:

— Mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao cũng là thứ hoặc phát-quang, hoặc thụ-quang ở từng không khí, giả có xuống nữa, thì chẳng qua cũng là khi thời có hai chi đến người.

Anh ta lại nói:

— Thế còn đất long lở thì làm sao?

Người kia lại giảng:

— Đất là một khối rất to, đâu đâu cũng có đất cả. Ta đi đứng suốt ngày ở trên mặt đất thì lo gì đất lở mà không có đất.

Anh lo nghe hiểu ra, mừng lắm. Anh đến giảng cũng lấy làm thích và mừng lắm.

Liệt-Tử

CHÚ-THÍCH.— Kỷ: nước nhỏ thời Xuân-thu, xưa phát nước Sở diệt mất, tức là huyện Kỷ, tỉnh Hà-nam ngày nay.

Lời bàn.— Liệt-tử đặt ra chuyện này tuy về mặt Thiên-văn không hợp với khoa-học bây giờ, nhưng cái gì muốn dạy người phải đạt lý đưng có nghĩ quần lo quanh rất là phải vậy.

Này ngay chính cái thân mình cũng chẳng phải của mình có, mà lo cho cái thân ấy còn thường khi không được, thế mà đi lo trời đổ, đất long, thì anh người nước Kỷ cũng lo xa quá thật!

Hiền-triết xưa đã ví trời đất như một cái nhà trọ lớn, người ta chỉ là khách qua chơi đến trọ một thời. Nếu người khách ấy không biết hưởng cái thú tự-nhiên cùng tiêu dùng cái thời giờ «sống» định-đoạt cái tài-sản «chết» (1) mà cứ bấn-khoăn

(1) Phao-phí thì giờ là sống uống, liêu-linh đến chết là chết toi.

phiền bức, ăn chẳng ngon, nằm chẳng yên, lo đứng, lo ngồi, lo đêm, lo ngày, lo rằng cái nhà trọ kia lở ra hư-hỏng nát dột, thì chẳng đáng bật cười lắm sao!

Ở đời, cố nhiên có thân là có khổ, ai mà chẳng lo. Nhưng đến cái thân trăm năm lo những việc nghìn đời, chẳng biết chi là hỷ-hoan, chỉ những là rầu-rĩ thế là chẳng là tự chuốc lấy khổ ư?

Tôi nói câu này anh nhớ lấy:

«Ở đời chuốc khổ biết bao người»,

106. — Dùng rượu say để khiến chông

Công-tử nước Tấn tên là Trùng-Nhĩ gặp trong nước có nạn, phải chạy ra nước ngoài. Công-tử đi hết nước này sang nước khác.

Khi sang đến Tề, vua Hoàn-công đem con gái là Khương-thị gả cho và tám mươi con ngựa hay. Công-tử được vậy, lấy làm yên thân muốn suốt đời ở nước Tề.

Các quan tòng vong, biết nước Tề không có thể tin cậy được, toan đi sang nước khác, mới họp nhau âm-mưu ở chỗ vườn dâu.

Có một người đàn bà hái dâu nghe lỏm, biết chuyện, đến mách với Khương-thị.

Khương-thị sợ việc tiết-lộ, giết ngay người ấy rồi, rồi báo công-tử rằng:

— Công-tử có chí tứ phương, đưa nghe lỏm mưu ấy, thiếp đã giết đi rồi.

— Công-tử nói: Thật ta không có chí đi đâu cả.

— Khương-thị bảo: « Phải đi mới được! Say một người yêu mà cứ mê-mệt, thích một cảnh vui mà cứ yên nhàn, thực là làm *bại-hoại* hết cả công-danh sự-nghiệp một đời ».

Công-tử vẫn không muốn đi.

Khương-thị bèn cùng với Tử-Phạm lập kế một hôm cho công-tử uống rượu thật say, rồi bỏ lên xe, bắt kéo đi. Công-tử tỉnh rượu, biết là mình lìa xa nước Tề, giận quá, cầm giáo đuổi Tử-Phạm muốn giết. Nhưng ít lâu công-tử tỉnh-ngộ, biết hối lại ngay.

Nhờ có thế mà sau công-tử về làm vua ở nước Tấn và bá cả chư-hầu.

Tả-truyện

CHỮ-THÍCH.— Công-tử: tiếng gọi con vua chư-hầu, hay con quan to.— Tấn: tên một nước lớn thời Xuân-thu, ở vào vùng tỉnh Sơn-tây và một ít đất tỉnh Trục-lệ ngày nay.— Tông-vong: người theo vua chạy trốn, lúc có quốc nạn.— Âm-mưu: bàn tính ngầm một việc gì không cho ai biết.— Tiết-lộ: không giữ kín-đáo công việc để người ngoài biết.— Có chí từ phương: có chí đi mọi nơi để lo toan việc lớn.— Bại-hoại: hư hỏng tan nát.— Tỉnh-ngộ: khỏi hết mê mà biết rõ phải trái.— Hối: nghĩ lại mà ăn-năn rằng trước không phải.— Bá: đàn anh cả các nước chư-hầu một thời.

Lời bàn.— Trùng-Nhĩ gặp nạn nước mà đem thân ra đi, thật là có chí đáng trọng. Song đi đến Tề, được vợ đẹp, có ngựa nhiều, mà để cho sự vui

chơi nòng-nàn nó làm nguội lạnh cả chí khí thật lại là đáng tiếc mà cũng đáng khinh. Quả thật « Phong-lưu là cạm trên đời, hồng-nhan đánh bỏ con người tài hoa ». Người khôn mà lỡ mê thì cái đại to lắm. Trùng-Nhĩ lúc này, tưởng đã gần như ông « lạc bất tư Thục » (1). May thay cho Trùng-Nhĩ gặp được bọn tông-vong biết lo xa tính sâu mà nhất là được bà vợ là người có kiến-thức cao-xa, có gan dạ quả quyết, biết rõ cái thói thường « Nhi nữ tình trường, anh hùng khí đoản » (2) mà bà cố đầy mãi cái bánh xe đã chết bệt xuống đồng bùn phải lăn quay đi cho kỳ được mới nghe. Nên ta khen cái chí Trùng-Nhĩ phục-quốc bao nhiêu thì ta lại phải quý cái công lao Tử-Phạm, phải trọng cái kiến-thức, cái mưu-trí của Khương-thị bấy nhiêu. Sao mà đời cổ có những thần thiếp giỏi-giang như thế !

107. — Tước đưa cho người

Tổng-Tư làm quan Roãn một huyện gần biên-thùy nước Lương, chỗ giáp giới với nước Sở.

Người đình-trưởng ở biên-thùy nước Lương

(1) Đời Tam-quốc nước Thục mất, vua là Lưu-Thiên bị bắt sang ở Lạc-dương, vua Tấn hậu-đãi Lưu-Thiên, mỗi khi yến-ẩm. Lưu-Thiên vui cười như không. Vua Tấn hỏi: Có nhớ nước Thục không? Lưu-Thiên nói: « Thử gian lạc bất tư thục dã » nghĩa là ở đây vui lắm, chẳng nhớ đến nước Thục nữa.

(2) Cái tình quyến-luyến vợ-con càng nòng-nàn dầm ắm bao nhiêu, thì cái khí-phách anh-hùng càng cùn-mẫn kém cỏi đi bấy nhiêu.

cùng người đình-trưởng ở biên-thùy nước Sở, hai người cùng trồng dưa. Người bên nước Lương chăm làm và tưới luôn nên dưa tốt. Người bên nước Sở biếng làm và tưới ít nên dưa xấu.

Quan Roãn ở ngay huyện biên-thùy nước Sở, thấy bên Lương tốt, bên mình xấu, lấy làm tức giận lắm.

Người đình-trưởng nước Sở thấy dưa bên Lương tốt hơn dưa mình, cũng sinh ra ghen-ghét, đêm đêm cứ lên sang cào vỏ dưa của bên Lương, đến nỗi dưa bên ấy phải héo chết mất một ít.

Sau người đình-trưởng nước Lương biết mới nói với người trưởng trong huyện, ý cũng muốn lên sang cào vỏ dưa bên Sở.

Người trưởng-lại đem việc ấy nói với Tổng-Tự.

Tổng-Tự bảo:

— Ôi! sao lại thế! Thế chỉ là gây thù oán, chuốc tai vạ thôi. Này ta bảo người, chớ sang cào dưa của người ta, cứ đem lên sang tưới dưa cho người ta mà đừng để cho người ta biết.

Người đình-trưởng cứ theo thế mà làm.

Sau dưa bên Sở mỗi ngày một tốt. Người đình-trưởng nước Sở lấy làm lạ, xét mãi ra mới biết người đình-trưởng nước Lương làm giúp.

Quan Roãn nước Sở biết rõ việc ấy, lấy làm vui lòng, tâu lên vua Sở.

Vua Sở biết chuyện, buồn và có ý thẹn, nghĩ rằng: ngoài cái tội đi cào dưa của người ta, chắc còn có nhiều việc khác đáng tội với người ta nữa.

Vua bèn lấy nhiều của dưa sang tạ tội vua Lương và xin giao hiếu.

Vua Lương cũng tin lòng. Thành hai nước giao-hoan với nhau được lâu.

Cổ-ngữ có câu: « *Chuyển bại nhi vi công, nhân họa nhi vi phúc* »: nghĩa là xoay cái bại mà làm nên công, nhân cái họa mà gây phúc. Lão-tử có nói: « *Báo oán dĩ đức* » nghĩa là đem đức để báo oán. Hai câu ấy tức như chuyện này.

Ôi! người ta đã làm không phải, sao ta lại còn bắt chước người ta!

Giả-Tử Tân-Thư

CHÚ-THÍCH.— Quan Roãn: quan cai trị địa hạt tức như chức châu huyện gần đây.— Lương: một nước mạnh đời Chiến-quốc tức là nước Ngụy ở vào phía bắc Hà-Nam, phía tây nam Sơn-tây ngày nay.— Biên-thùy: chỗ đất chia giới-hạn hai nước giáp nhau. Sở: một nước mạnh đời Chiến-quốc ở vào Hồ-nam, Hồ-bắc, Giang-tô, Chiết-giang và phía nam tỉnh Hà-nam ngày nay.— Đình-trưởng: người chủ coi cái quán hành khách qua lại ở trọ. Đời cổ đường dài mười dặm đặt một cái đình để cho hành-khách ở đây, nên người coi cái đình ấy gọi là đình-trưởng.— Trưởng-lại: người đầu một nhà giúp việc quan tức như đề lại trước đây.— Giao hiếu: hai bên đi lại hòa hợp với nhau.— Giao hoan: đi lại vui vẻ với nhau.

Lời bàn.— Thói thường ở đời, mình dở không ưa người hay, mình lười không ưa người chăm, mình trái không ưa người phải, mình nghèo hèn không ưa người giàu sang .. Cho nên người với người thường hay sinh sự.

Gia-dĩ những người ở vào chỗ đất phân ra hai nước, chia làm biên-thù, thì sự chiến tranh lúc nào cũng nằm sẵn ở đó. Như đây, vì chuyện dưa mà hai người trồng thù-hằn, hai quan úy ghen ghét. Nếu không có ông-Tự khéo khu-xử thì biết đâu máu chảy chẳng thành sông, xương chắt chẳng thành núi: ở đời những việc ấu đả kiện tụng, tranh chiến, tàn-phá thảm hại vô cùng thường hay do từ những việc nhỏ mọn gây ra. Cái sảy này cái ung là thế.

Ta đọc câu chuyện này, ta rất cảm phục Tống-Tự là người có lượng bao dung đủ hóa được cái lòng oán hoạnh-nghịch, biết cách khéo xử đủ biến chuyển được cái dơ ở đời. Nếu người đã không phải với ta, ta lại không phải với người nữa, thì hai bên có khác gì nhau, mà cái không phải cứ liên-miên theo mãi thì sinh ra bao nhiêu chuyện đáng thương, đáng tiếc! Cho nên dĩ oán báo oán không phải là cách người quân-tử đối với đời. Người quân-tử nếu không dĩ trực báo oán, thì dĩ đức báo oán có thể mới mong địch được quân gian-tà, tiêu trừ được thói trá nguy vậy.

108.— Tinh người ai cũng thiện
Mặt trăng soi xuống muôn mặt sông, sông nào

cũng có bóng sáng mặt trăng. Trời sinh ra mọi người, người nào cũng có tính của trời.

Bóng thì chẳng đâu là không sáng, tính thì chẳng ai là không lành. Vậy mà cũng có chỗ sáng chỗ không sáng là nước có chỗ trong, chỗ đục khác nhau, cũng có người thiện, người bất thiện, là vì khí-bẩm có người thuần, người tạp khác nhau. Nếu nước mà làm cho trong-trẻo, thì trăng soi vào nước nào cũng sáng; người có công rèn giữa biến-hóa khí chất thì tính người nào cũng lành.

Phục-Nguyên-Tử

CHÚ-THÍCH— Tính: bản-chất của người ta đã sẵn có từ lúc mới sinh ra. Cái bản nguyên về tính-thần của người — Khí-bẩm: tính tự-nhiên trời sinh ra vốn thế. — Thuần: chỉ có tính một thứ, không có gì lẫn vào. — Tạp: lẫn-lộn nhiều thứ. — Rèn giữa: rèn loại kim, giữa đá ngọc, đây nói là sửa-sang tính nết. — Biến-hóa: đổi hình nọ sang hình kia, đây có ý nói bỏ cái dở hóa ra cái hay.

Lời bàn.— Đức Knễng-Tử thì cho rằng: «Tinh vốn gần giống như nhau, sau vì sự tập quen mà khác xa nhau». Thầy Mạnh-Tử thì cho rằng: «Người ta chẳng có ai là bất-thiện» Bài đây cũng là theo cái thuyết của thầy Mạnh cho rằng tính vốn thiện; nhưng vì cái khí-bẩm khác nhau mà tính hóa khác nhau. Ta không nói rõ hẳn được cái khí-bẩm là thế nào, ta chỉ biết người ta thực cũng có kẻ thiện người ác không giống nhau. Mà muốn mong cho người ác hóa thiện, thế tất phải cậy nhờ ở sự huấn-luyện hay công học-tập nhiều lắm,

109.— Kính giữ cái « tâm »

Khi có mỗi *thiện* này ra, thì kính giữ tấm lòng như ăn cho no, như ôm đứa con đỏ đi trên *mặt văng* mùa xuân, như cầm viên ngọc bích quý muôn vàng đi men trên sườn núi cao nghìn trượng, chỉ sợ đánh rơi.

Khi có mỗi *bất thiện* này ra, thì kính giữ tấm lòng như sợ thuốc độc đổ vào bát canh, như có rắn, có cạp chận ngang đường mà mong tránh đi, như có trộm cướp đến nhà, chỉ mong làm sao mà đánh nó cho kỳ được.

Dương-minh-Tử

CHÚ-THÍCH.— *Thiện*: điều lành.— *Mặt văng*: tức là lượt băng đóng ở trên mặt nước các sông, hồ, vãn vãn khi trời rét.— *Bất-thiện*: tức là ác.

Lời bàn.— Bài này nói về cách tu thân, mà cách tu thân rút lại chỉ có theo làm điều thiện, trừ bỏ điều bất thiện đi mà thôi. Muốn thế thì tất phải lưu tâm đến điều thiện và điều bất thiện tự khi mới nảy mầm ra, một bên thì quý báu cố giữ lấy cho được bền lâu, một bên thì e sợ cố làm thế nào mà tránh được cho xa.

110.— Cách biết lòng người

Lòng người ta *nham-hiềm* hơn núi sông, khó biết hơn là biết trời.

Trời thì hàng năm còn có xuân, hạ, thu, đông, hàng ngày còn có buổi sáng, buổi tối, ta do đấy mà biết được.

Đến như người ta thì có kẻ ngoài rõ như *cần hậu* mà trong thật *kiêu căng*, có kẻ trông rõ thật tài giỏi mà ngoài coi ra ngu độn, có kẻ ngoài rõ như *vững-vàng*, *thư-thái* mà trong cuống rối nóng-nảy. Tâm tính bên trong, *diện-mạo* bên ngoài trái nhau khó lường như thế.

Cho nên quân-tử dùng người cho ở xa để xem lòng *trung*, cho ở gần để xem lòng *kính*, sai làm nhiều việc để xem cái *tài*, hỏi lúc vội-vàng để xem cái *trí*, hen cho ngạt ngày để xem có *tín*, ủy cho tiền của để xem có *nhân*, giao cho việc *nguy-biến* để xem có *tiết*, cho đánh chén say xưa để xem *cử-chỉ*, cho ở chỗ *phiền-tạp* để xem *thần sắc*. Xem người đại khái như vậy, thì họa mới có thể biết được người.

Trang-Tử

CHÚ-THÍCH.— *Nham-hiềm*: cao ngất và hiềm nghèo.— *Cần-hậu*: cần thận *trung hậu*.— *Kiêu-căng*: khinh người và khoe-khoang.— *Diện-mạo*: mặt, dáng.— *Trung*: hết lòng, thật lòng ăn ở với ai.— *Kính*: tôn trọng.— *Tài*: cái giỏi hơn người.— *Trí*: khôn ngoan.— *Tín*: nói hay hứa thế nào làm y như thế.— *Nhân*: tính thân yêu coi người như mình.— *Nguy-biến*: hiềm nghèo biến cố.— *Tiết*: một lòng một dạ không lay chuyển được.— *Cử-chỉ*: đáng điệu lúc động, lúc tĩnh.— *Phiền tạp*: nhiều, rối.— *Thần sắc*: tính thần nhan sắc hiện ra ở ngoài mặt người ta.

Lời bàn.— *Khéo thật ! Người ta chỉ cách nhau một làn da, mà ai đã chắc biết được ai ! Sông còn dò, núi còn đo được, vì nó hiển-hiện ra ngoài, chớ lòng người ẩn-phục bên trong, lấy gì mà cân nhắc, lấy gì mà lường xét. Cho nên ta chỉ trông thấy bề ngoài, thì ta chớ đã vội tin bên trong. Trong, ngoài thường khi trái hẳn nhau. Ta phải đề tâm nhận cho kỹ ; ta phải biết cách xem cho tường. Đoạn dưới bài này, tác-giả chính bảo cho ta cái cách ấy, là cái cách biết được người thế nào là trung, tín, là tài, trí, nhân, tiết v.v... Cái cách ấy kẻ cũng không khó, chỉ cốt phải đưa người ta hẳn vào việc làm hay khiến người ta làm trái lại sự thực để dò biết sự thực.*

111.— Cách làm cho khỏi tức giận

Người ta ở đời, đối với loài người mà gặp phải kẻ xử với mình một cách ngang-ngược, thì nên coi như đi trong bụi rậm, áo vương phải gai, chỉ nên thông-thả đứng lại, gỡ dần ra mà thôi. Cái gai-góc kia có biết gì mà đáng giận ?

Xử được như thế, thì tâm mình không phiền não mà bao nhiêu nỗi oán hận cũng tiêu tan được ngay. Cồ-nhân có câu nói :

« Ta nên coi những sự ngang-ngược phạm đến ta như chiếc thuyền không lỗ đâm phải ta, như cơn gió dữ lỗ tạt phải ta, ta nghĩ cho cùng, có gì mà đáng giận ».

Ba câu tự phản của ông Mạnh-Tử, thật là cái phép để giữ thân, cái phương để nuôi tính vậy.

Vì nếu ta chỉ một mực thấy cái trái của người, thì ngay như anh em, vợ con, bè bạn, tôi tớ cho đến con gà, con chó trong nhà, thật cũng có nhiều lúc đáng làm cho ta bực.

Nếu ta việc gì cũng biết tự phản thì sự tức giận mười phần giảm ngay năm phần. Thật chẳng khác nào như người đang phải bệnh nóng sốt mà được uống thuốc thanh-lương vậy.

Bảo-Huấn

CHÚ-THÍCH.— Cồ-nhân : người đời trước.— Ba câu tự phản : ba câu tự mình hỏi mình, xét lại mình đã thật là nhân hậu chưa, đã thật là lễ độ chưa, đã thật là khôn-ngoon chưa.— Giám : bớt đi.— Thanh-lương : mát lạnh, tức là giải nhiệt.

Lời bàn.— Ở đời cứ kể thực có lắm điều khiến cho ta phải lấy làm tức giận. Mà cái nguyên nhân của sự tức giận là do ở như cái ta chỉ biết có người, trách người, mà không biết có ta, trách chính ta vậy. Sự tức giận vốn là một sự không hay, thậm chí tức giận ví như rắn rết trùng độc, chẳng những không có lợi gì, mà lắm khi quá giận, lại sinh mất khôn, sinh ra tai hại nữa. Vậy hoài hơi mà giận người dưng. Mà cái cách giữ cho khỏi giận không gì bằng những lúc đáng giận, mình tự phản ngay lại mình, coi như vương phải cái gai, gặp phải cơn gió một lúc qua rồi lại gỡ được, lại thoát ngay được lập tức. Cho nên tôi cũng có câu :

« Giận lên là phát cơn điên,
Người khôn hóa dại, người hiền hóa ngu ».

112. — Tiễn một lời nói

Đức Khổng-Tử ở nước Lỗ vào kinh-đô nhà Chu, hỏi lễ ông Lão-Đam, hỏi nhạc ông Trành-Hoảng, xem xét cả giao xã, minh-đường, cùng triều-đình, tôn-miếu.

Khi trở ra về, ông Lão-Đam đưa chân có nói rằng :

— « Ta nghe người giàu sang tiễn người thì dùng của-cải, người nhân-hậu tiễn người thì dùng lời nói. Ta tuy không được giàu sang, nhưng mang tiếng là người nhân-hậu, vậy xin tiễn người một lời nói vậy.

Này, phàm kẻ sĩ đời này, những người thông-minh, sâu-sắc, xét-nét mà có khi thiệt mạng đều là kẻ hay chê-bai, nghi-luận tâm sự người ta cả ; những người biện-bác rộng-rãi xa-xôi mà có khi khổ thân đều là kẻ hay bới móc phơi bày tội lỗi người ta cả.

Đức Khổng-Tử nói : — Vâng, xin kính theo lời người dạy ».

Khi Đức Khổng-Tử về đến nước Lỗ, đạo của ngài mỗi ngày một tôn, học trò của ngài một ngày một đông.

Gia-Ngữ

CHÚ-THÍCH. — Lỗ : tên một nước nhỏ, có tự đời nhà Chu sau phải nước Sở diệt mất, ở vào phủ Duyện-châu và Bí tức tỉnh Sơn-Đông ngày nay. — Chu : tên chỗ kinh-đô Thiên-tử nhà Chu đóng. — Lão-Đam : tức là Lão-tử, họ Lý, tên Nhĩ tự là Bá-Dương, tở Đạo gia. — Trành-Hoảng : người đời nhà Chu, làm chức đại-phu, sau có tội, bị giết. — Giao : nơi vua tế trời về ngày đông-chí, cho nên tế giao tức là tế trời. — Xã : nơi vua tế đất về ngày hạ-chí, cho nên tế Xã gọi là tế đất. — Minh-đường : nhà của nhà vua, đời cổ làm ra nhà ấy để bày tỏ công việc chính giáo, cùng làm những điển lễ lớn. — Triều-đình : nơi thần hạ châu vua mà chính sự trong nước đều ở đấy mà ra cả. — Tôn-miếu : nhà thờ tổ tôn của vua. — Tiễn : đưa chân ai đi đâu. — Nhân hậu : có lòng thương yêu và rất tử tế. — Thông-minh : nghe hiểu ngay, trông biết ngay. — Nghi luận : bàn-bạc khen chê.

Lời bàn. — Bài này làm ra có ý phơi bày cái học thuyết Khổng, Lão không giống nhau có nhiều điểm lại như phản đối hẳn. Đây là lời Lão-Đam như có ý khuyên bảo Khổng-tử là người lúc bấy giờ hay đi chu-du các nước định bày cái lễ trái phải của vua các nước chư hầu, nếu cứ rằng nay đây mai đó như thế mãi thì có khi nguy đến tính mệnh. Câu cuối bài nói vì Lão-Đam khuyên bảo như thế mà đạo của Khổng-tử được tôn hơn học trò của Khổng-tử được đông hơn là vì Khổng-thị biết nghe Lão-thị, tự đó về chỉ chuyên có một mặt dạy học trò mà thôi.

113. — Quý lời nói phải

Vua nước Tấn đi chơi thuyền. Các quan đi hầu đông đủ cả.

Vua hỏi: « *Loan-Doanh* ta đã cầm cố một nơi, con là *Loan-Phường* trốn chạy ra ngoại quốc. Có ai biết *Loan-Phường* bây giờ ở đâu không? »

Các quan yên lặng, không ai nói gì cả.

Người lái thuyền tên là *Thanh-Quyên* buông tay chèo đứng dậy thưa rằng:

— « Nhà vua hỏi *Loan-Phường* làm gì? »

Vua nói: — Từ khi ta đánh được họ *Loan* đến nay, nghe họ *Loan* người già chưa chết hết, người trẻ đã lớn lên. Ta lo họ *phục-thù*, cho nên ta mới hỏi.

Thanh-Quyên: — Nếu nhà vua khéo sửa sang *chính-sách* nước *Tấn*, trong được lòng quan, ngoài được lòng dân thì dù cho còn con nhà họ *Loan* mà làm gì được nhà vua. Nhưng nếu nhà vua không sửa-sang *chính-sách* nước *Tấn*, trong mất lòng quan, ngoài mất lòng dân, thì ngay những người ngồi trong thuyền này ai cũng là con nhà họ *Loan* cả.

Vua khen: — Người nói phải lắm ».

Rồi sáng hôm sau cho đòi *Thanh-Quyên* đến, ban cho một vạn mẫu ruộng.

Thanh-Quyên từ không nhận.

Vua nói: — « Lấy một vạn mẫu ruộng ấy đòi lấy một lời nói kia, kể ra nhà người còn thiệt mà quả nhân còn lợi nhiều, nhà người cứ lấy ».

Ấy người đời cổ qui lời nói phải như thế đấy.

Thi-Tử

CHỮ-THÍCH — *Tấn*: tên một nước đời *Xuân-thu* ở vào vùng *Sơn-tây* ngày nay. — *Loan-Doanh*: người nước *Tấn*, đời *Xuân-thu*, làm quan *hạ-khánh* sau phải tội giết cả họ. — *Cầm-cố*: giam cầm ở riêng một nơi rất là nghiêm-ngặt. — *Phục-thù*: báo lại kẻ đã làm oan-uổng sỉ-nhục mình hay người có can-hệ với mình. — *Chính-sách*: công việc xếp đặt để trị dân. — *Quả-nhân*: nghĩa đen là người ít đức, tiếng vua dùng để tự xưng một cách khiêm-tốn.

Thi-Tử: người nước *Lỗ* đời nhà *Chu*, thầy học *Thương-Uởng*, có làm sách hai mươi thiên.

Lời bàn. — Sợ người *phục thù*, mà muốn giết chết hết cả họ người ta, thế là tàn-nhân mà đã chắc trù hãm được hết mối oán thù chưa, hay lại chỉ gây cho mối oán thù càng to lên. Kẻ có quyền thế chỉ có thể giết chết người, chứ có bao giờ giết chết được lòng người. Cho nên lo sợ như vua *Tấn* đây là chỉ biết lo sợ người ngoài muốn làm hại mình mà thôi. Sao cho bằng phòng-bị như *Thanh-Quyên*, mới là biết tự làm cho mình khỏe hơn. Sợ người, nhưng người chẳng nể mình thì sợ sao cho được, chứ làm cho mình khỏe, dù cho người ngoài đáng sợ cũng không cần sợ. Khi mình là người có đức và có sức thì ai cũng là bạn mình cả, dù có *cừu-địch*, *cừu-địch* cũng không làm gì nổi. Chớ nếu mình là tàn-ác, thì đến cả những người ở ngay bên mình cũng thành ra *cừu-địch* mà hại mình được cả. *Thanh-Quyên* tỏ bày cái ý ấy rất phải mà vua *Tấn* biết nghe cũng là đáng khen lắm vậy.

114.— *Tư-tưởng Lão-tử*

1.— Cái đẹp mà đến thiên-hạ đua nhau cho là đẹp là cái đẹp rất xấu. Cái hay mà đến thiên-hạ mượn tiếng để làm hay, là cái hay rất dở.

2.— Đề thân lại sau, mà thân được ở trước; gác thân ra ngoài mà thân vẫn còn mãi. Thế chẳng phải là bởi mình không có lòng riêng, cho nên mới được thỏa lòng riêng ư?

3.— Tuy là *cương-cường* nhưng giữ tính mềm dẻo. Tuy là sáng-sủa, nhưng giữ cách ngu-tối. Tuy là vinh-hiễn nhưng giữ lối tầm thường.

4.— Học cho rộng trí khôn thì một ngày một hay, tìm lẽ *huyền-bí*, lâu hóa *vân-vô*, thì một ngày một dở.

5.— Trộn lẫn cái hay của mình với đời để làm *thân-thiết*: cùng chịu cái dở của đời với mình mà vẫn trong sạch.

6.— Có ba điều quý báu: một là *từ*, hai là *kiệm*, ba là chẳng dám phạm vào việc *bất-tường* của thiên-hạ.

7.— Ta mà lo phiền, sợ-hãi là vì ta có thân ta, đến khi ta đã không có thân ta, thì ta còn có lo phiền, sợ-hãi gì nữa.

Lão-Tử

CHỮ-THÍCH.— *Huyền-bí*: sâu-xa khó biết, khó hiểu.— *Thân-thiết*: gần-gũi yêu mến.— *Cương-cường*: cứng cỏi

mạnh bạo.— *Từ*: nhân đức, tình thương yêu.— *Kiệm*: có tiết chế, không xa phí.— *Bất-tường*: việc dở, việc chẳng tốt mà ai cũng không thích.

Lời bàn.— Ba câu trên là nói ngược lại cái thói đời, câu 1 cái ngược ấy là dở, câu 2 và 3 cái ngược ấy lợi cho mình, câu 4 nói cách học-hành, câu 5 nói cách xử thế, câu 6 nói các đức-tính nên có, câu 7 nói sự lụy thân. Những câu vật này tuy mỗi câu nói một việc, nhưng tựu-trung câu nào cũng hàm xúc một cái tư-tưởng vô-danh, vô-vi là cái tôn-chỉ của đạo Lão.

Đạo của Lão-tử cốt ở vô-vi. Muốn cho thành được vô-vi, thì người ta trước hết phải vô dục, vô cầu, vô tranh, vô danh như những câu nói trong bài này. Khi đã được như thế, thì mỗi cảnh có một cái thú cho mình, cái sướng cho người, loài người ở với nhau được hòa bình mà không mấy khi xảy ra sự tàn hại lẫn nhau nữa. Quý thật! đến đem đức mà báo oán, thì còn oán nào mà chẳng tan!

115.— *Làm nhà cỏ cũng đủ*

Vua nước *Trịnh* sang nước *Sở*. *Tử-Sản* theo đi *tướng-lễ*, chỉ cho làm nhà cỏ để ở, không lập đàn gì cả. Các quan theo hầu thấy vậy nói:

— « Các quan đời trước theo *tiên quân* đi sang các nước lân-bang đều lập đàn hết cả, nay ông chỉ cho làm nhà cỏ thì chẳng là không hợp lễ ư?

Tử-Sản bảo: — Vua nước lớn đến nước nhỏ

thì lập đàn, vua nước nhỏ đến nước lớn thì làm nhà cỏ cũng đủ; lập đàn mà làm gì!

Ta nghe vua nước lớn đến nước nhỏ có năm điều hay cho nước nhỏ: 1) có tội thì khoan cho; 2) có lỗi thì thứ cho; 3) có tai-nạn thì cứu cho; 4) chính sách hay thì thưởng cho; 5) có điều dở thì dạy cho. Nước nhỏ không phải cái gì là khổ sở mà yêu nước lớn như một nhà cho nên mới lập đàn để biểu-dương công của nước lớn và bảo con cháu đời sau chăm việc *tu đức* không được hững hờ.

Còn như nước nhỏ đến nước lớn, có năm điều xấu là nước nhỏ: 1) có tội phải đi *giải thuyết*; 2) có điều kém phải xin nài; 3) có mệnh-lệnh của nước lớn phải tuân theo; 4) có việc *chức công* phải cung phụng; 5) có việc *triều hội* phải theo đòi. Nếu chẳng phải năm việc ấy, thì lại là việc đem tiền của để mừng hay để viếng nước lớn. Phàm những việc ấy đều là tai vạ cho nước nhỏ cả. Lập đàn làm gì, chỉ tổ bêu những tai vạ mà làm nhục cho con cháu! »

Tả-truyện

CHÚ-THÍCH.— *Trịnh*: tên một nước nhỏ thời Xuân-thu ở vào huyện Tân-trị tỉnh Hà-nam ngày nay.— *Tử-Sân*: người đời Xuân-thu, học giỏi, có tài chính-trị, là quan đại-phu, hiền có tiếng của nước Trịnh.— *Tướng lễ*: trông nom giúp đỡ việc lễ nghi.— *Tiên quân*: tiếng để gọi ông vua đời trước.— *Lân-bang*: nước bên cạnh.— *Đàn*: chỗ đất đắp lên cao ráo sạch sẽ.— *Mình cáo*: báo rõ cho biết.— *Tu đức*: sửa sang đức tính cho hay hơn.— *Giải quyết*: phân trần mọi lẽ để gỡ cho ra phát trái.— *Mệnh lệnh*: những giáo lệnh ban

bổ ra để thi hành.— *Chức công*: theo chức phận, nước nhỏ phải hiến nước lớn những lễ vật gì.— *Triều hội*: triều là kẻ dưới châu người trên, hội là hội họp.

Lời bàn. Câu Tử-Sân nói rất phải khi nước lớn đã hạ cố sang đến nước nhỏ, thường thường là lợi cho nước nhỏ, nước nhỏ trọng vọng lập đàn lên để tiếp là có nghĩa. Còn khi nước nhỏ đã bất-đắc-dĩ phải sang nước lớn, thì thường thường lại là tai hại cho nước nhỏ, nước nhỏ nên khiêm nhượng chỉ làm cái nhà cỏ cho xong việc là đủ rồi. Khi đã gọi là khuất thân lụy người thì còn vinh-hiến nổi gì mà dềnh-dang ra những sự trang-hoàng, để ngại tai chướng mắt cho người đời mà lại để xấu lại cho con cháu sau này nữa.

116. — Thế nào là đại-trượng-phu

Cảnh-Xuân hỏi thầy Mạnh-tử:

— *Công-tôn-Diễn* và *Chương-Nghi* nổi một cơn giận đi *du-thuyết*, thì các nước chur hần sợ, ngồi yên một chỗ, thì thiên-hạ không có chiến-tranh. Hai người như thế chẳng là bậc đại-trượng-phu ư?

Thầy Mạnh-tử nói:

— Hai người ấy gọi là đại-trượng-phu thế nào được! A-dua, xiêm-nịnh, lựa ý, chiều lòng các vua chur hầu để được quyền, được thế, cách cục hai người ấy y như đàn bà lễ mọn, thừa thuận phục tòng. Đại-trượng-phu đâu có thế?

Bậc đại-trượng-phu tâm-địa chí-công như ở cái nhà rất rộng trong thiên-hạ, cử-động mực thước

thận trọng như đúng cái ngôi chính-vị trong thiên-hạ, công việc làm quang-minh, chính-dại như đi trên con đường cái trong thiên-hạ. Đắc-chí thì đem cái khôn-ngoaan học thức, thi-thố cho thiên-hạ được nhờ; bắt-bắc-chí thì một mình vui-vẻ giữ vững cái hay của mình. Sự giàu có quan sang chẳng làm siêu-đẳng được cái tâm, sự nghèo khó vì tiện chẳng làm biến đổi được cái tiết, sự uy-hiếp hay vũ-lực chẳng làm tỏa nhục được cái chí,... thế mới gọi là đại-trượng-phu.

Mạnh-Tử

CHÚ-THÍCH.— Công-tôn-Diễn, Chương-nghi : hai nhà du - thuyết giỏi có tiếng đời Chiến-quốc.— Du-thuyết : ngôn luận biện bác một cách rất khôn khéo, hùng hồn, làm cho người ta phải nghe.— Đại-trượng-phu : tài trai, anh-hùng hào-khết.— Tâm địa : bụng dạ.— Chí công : rất là công bình.— Quang-minh, chính-dại : sáng-sủa, ngay-thẳng, rộng-rãi.— Đắc-chí : thỏa cái chí muốn của mình.— Học thức : sự học vấn và sự hiểu biết.— Thi-thố : đem cái tài, cái học-thức ra mà làm việc.— Tiết : nét cương-quyết.— Vũ-lực : sức mạnh của nhà binh.

Lời bàn.— Theo ý Cảnh-Xuân thì đại-trượng-phu chỉ là một kẻ lấy lời nói hùng-biện mà xui bầy người ta để lấy quyền lấy thế cho mình. Nếu như thế mà là trượng-phu thì tiếng đại-trượng-phu còn có giá trị gì. Nên thầy Mạnh bác đi, mà nói rõ cho nghe thế nào mới đáng gọi là chân đại-trượng-phu. Rút lại thì người chân đại-trượng-phu tâm địa phải công-bình cử-động phải thận trọng công việc, phải chính đại quang minh, không tham giàu sang, không

ngại bần tiện, không sợ uy quyền, có cơ-hội mà thi-thố tài-năng được thì lấy việc ích quốc lợi dân làm trọng. Ta cứ lấy những đức tính hành-vi ấy ra mà hỏi, thì ở đời dễ đã được mấy người thực là đại-trượng-phu.

117.— Thiên-hạ sĩ

Lỗ Trọng-Liên có khí-tiết lạ-lùng, có lòng trung-nghĩa phân-kích, không phải hạng sách-sĩ sánh kịp được.

Kìa như con diều, con kết bay cao trên từng mây; con hồ, con báo găm thét trong rừng núi, mạnh-mẽ, dữ-tợn, có ai dám lại gần. Song một mai bị người ta trói buộc, nuôi vào trong chuồng thì có khác gì giống gà, giống chó. Mà diều, kết hồ báo sở dĩ dễ cho người ta đánh bắt được, có phải chỉ do cái lòng thêm muốn mà thôi không?

Như Lỗ Trọng-Liên thì thực không có ham muốn gì, cho nên bay cao, găm dữ mà vẫn ngang-tàng một đời. Người ta khen Lỗ Trọng-Liên là thiên-hạ sĩ rất là phải.

Tiềm-Thất-Tử

CHÚ-THÍCH.— Lỗ-Trọng-Liên : người nước Tề về đời Chiến-quốc là một bậc nghĩa-sĩ xưa nay ai cũng biết tiếng.— Khí-tiết : chí-khí và tiết-tháo.— Trung-nghĩa : trung là hết lòng, nghĩa là ở phải.— Phân-kích : phân là căm giận; kích là hăng-hát.— Sách-sĩ : người có mưu-kế.— Ngang-tàng : kháng-khái theo thói thường người đời.— Thiên-hạ sĩ : tay giỏi trong thiên-hạ, ai cũng phải phục.

Lời bàn. — Nhà Tân Việt, nhà Chu, Lỗ Trọng-Liên không chịu công nhận nhà Tần làm vua, vì Tần bạo ngược, ông nhảy xuống bể tự tử không sống chung với quân tham-tàn. Cái tiết-tháo của Lỗ Trọng-Liên như thế, cho nên mới được tôn lên làm thiên-hạ sĩ. Vậy thiên-hạ sĩ là gì? Cứ theo truyện Lỗ Trọng-Liên và theo câu thí-dụ trong bài, thì người nào có khí-tiết, có trung-nghĩa, biết đường tới, lui, không bụng ham muốn danh-lợi tức là thiên-hạ sĩ vậy.

118 — Dục-Nhượng báo thù

Dục-Nhượng trước thờ Phạm Trung-Hàng. Trung-Hàng đãi không tử-tế.

Dục-Nhượng bỏ đi theo Tri-Bá, được Tri-Bá tin dùng lắm. Nhưng sau Tri-Bá bị bọn Tam-Tấn đánh thua, giết chết và chiếm mất đất. Trong bọn Tam-Tấn có Triệu-Tương-Tử oán Tri-Bá nhiều nhất, bắt lấy đầu Tri-Bá sơn đi để làm đồ đi tiêu.

Dục-Nhượng lúc đó đã trốn vào trong rừng nghe chuyện làm vậy, than rằng :

« Tài trai nên vì người tri-kỷ mà bỏ thân, con gái nên vì người yêu thương mà làm đáng. Ta đây quyết phải báo thù cho Tri-Bá mới nghe. ».

Bèn đổi tên họ, ăn mặc giả làm bọn tù, vào cung trát chuồng tiêu, muốn thừa cơ để đâm chết Triệu-Tương-Tử.

Tương-Tử một hôm ra nhà tiêu, bỗng dưng động tâm bắt người trát nhà tiêu ra hỏi, thì biết ngay là Dục-Nhượng.

Dục-Nhượng rút dao găm trong mình ra nói rằng :

— « Ừ, ta là Dục-Nhượng, ta muốn báo thù cho Tri-Bá đây ».

Đầy tớ Triệu-Tương-Tử hăm-hăm chực giết Dục-Nhượng. Tương-Tử ngăn lại, nói rằng :

— « Hẳn là nghĩa-sĩ đó. Thôi ta tránh đi thôi, Tri-Bá chết không còn con cháu, hẳn là bầy-tôi báo thù cho chủ, thực là hiền nhân của thiên-hạ. Thôi ta tha cho hẳn ».

Dục-Nhượng được tha, lại cạo râu và lông mày cho đổi nét mặt, sơn mình giả làm thằng hủi đi ăn xin. Vợ trông thấy cũng không nhận ra, nói rằng :

— « Người này, tiếng nói thì giống chồng ta, nhưng mặt mày thật không phải chồng ta. »

Dục-Nhượng lại nuốt than hồng cho đổi cả tiếng nói đi.

Được ít lâu, Triệu-Tương-Tử đi chơi, Dục-Nhượng núp chực đợi dưới cầu. Nhưng lúc Tương-Tử đi gần đến đầu cầu, con ngựa thốt nhiên kinh hãi lồng lên. Tương-Tử nói rằng :

— « Chắc lại có Dục-Nhượng ở đây ». Rồi sai người tìm dưới gầm cầu, quả bắt được Dục-Nhượng thật.

Tương-Tử gọi Dự-Nhượng đến trước mặt trách rằng:

« Người trước thờ Phạm-Trung-Hàng. Phạm-Trung-Hàng bị Trí-Bá giết, sao người không báo thù lại thờ Trí-Bá. Nay Trí-Bá bị ta giết, sao mà người chằm báo thù thế ?

Dự-Nhượng nói :

— Trước tôi có thờ Phạm-Trung-Hàng thật, nhưng Phạm-Trung-Hàng đãi tôi như bọn tầm thường, nên tôi lại lấy cách tầm thường mà ở lại. Sau tôi thờ Trí-Bá. Trí-Bá đãi tôi vào bậc quốc-sĩ, nên tôi lại lấy cách quốc-sĩ mà ở lại.

Triệu-Tương-Tử chép miệng than rằng :

— Người thờ Trí-Bá cũng đã nên danh tiếng rồi đó, mà ta tha cho người bạn trước cũng đã đủ rồi. Nhưng bạn này người phải liệu cái thân người, không tha nữa đâu.

Dự-Nhượng nói :

— Tôi nghe: *Minh-chúa* không che lấp sự có nghĩa của người ta, *trung-thần* không tiếc cái chết để cho nên danh tiếng. Trước ông đã khoan tha cho tôi một lần, thiên-hạ ai cũng biết ông là người đại-lượng rồi. Còn như việc hôm nay, tôi đành xin chịu chết, nhưng tôi xin mạn phép ông, ông cho tôi được đâm vào cái áo ông mặc, thì tôi dù chết cũng không oán giận gì nữa ».

Triệu-Tương-Tử cho là người có nghĩa, cởi áo sai đầy-tớ cầm đưa cho Dự-Nhượng.

Dự-Nhượng rút gươm, nhảy lên ba lần hò hét đâm vào áo và nói rằng :

« Thế này là ta báo được ơn Trí-Bá rồi đây ».

Nói đoạn đâm cổ chết.

Chiến-quốc sách

CHÚ-THÍCH.— Dự-Nhượng: người nước Tấn đời Chiến-quốc có tiếng là một người nghĩa-sĩ.— Trí-kỷ: người biết mình.— Thừa cơ: nhân có cơ-hội, nhân dịp.— Động-tâm: tự nhiên ghê-sợ, tâm không được yên.— Thốt-nhiên kinh-hãi: vụt chốc kinh-sợ hãi-hùng.— Tầm thường: hơi khá vậy, không có gì hơn người.— Quốc-sĩ: người tài giỏi cả nước ai cũng phục.— Minh chúa: ông vua sáng-suốt.— Trung-thần: người bày tôi hết lòng thờ vua.— Đại-lượng: lượng cả bao dung.

Lời bàn — Ta đọc bài này, thực như đi xem một tấn bi-kịch có thể khiến cho ta nhỏ nước mắt mà cảm cái khí-khải của một người nghĩa-sĩ. Dự-Nhượng muốn báo thù cho Trí-Bá, tuy khổn khó khổn-thân hai lần mà không thành-công, song cũng đủ tỏ được cái nghĩa vua tôi, đã đem lòng thờ ai, chịu ơn người ta, thì không sao rời bỏ được người ta, dù đến phải thí thân cũng không quản ngại. Than ôi ! nếu Triệu-Tương-Tử lần trước tâm không động, lần sau ngựa không lồng, thì biết đâu tấn kịch lại không xoay đi thế khác. Nhưng ta đáng khen Dự-Nhượng bao nhiêu, ta lại phải phục Triệu-Tương-Tử bấy nhiêu. Dự-Nhượng chỉ mưu-sự để giết mình, thế mà lần trước bắt được khoan tha cho,

lần sau bắt được cho là tự xử lấy, lại còn chiều lòng cỏi áo cho người ta đâm vào, sao cái lòng đại-độ được đến thế. Một đảng thực là chân nghĩa-sĩ, một đảng thật là biết trọng nghĩa-sĩ, Dư-Nhượng và Triệu-Tương-Tử thực là một đôi đối đầu được với nhau không xấu danh trong lịch-sử.

119.— Quan-tài con

Tại chùa Tô-châu có một nhà sư tên gọi Viên Thủ-Trung tu-hành đặc-đạo.

Nhà sư thường bày trên án-thư, trước chỗ ngồi, một cái quan-tài con bằng gỗ bạch-đàn, dài độ ba tấc, có một cái nắp đây, mở được. Khách đến chơi trông thấy, cười nói rằng:

— « Người chế ra cái này dùng để làm gì ? »

Nhà sư nói: — Người ta sống tất có chết, mà chết thì vào ngay cái này. Ta thực lấy làm lạ, người đời ai ai cũng chỉ biết có phú-quí, công-danh, tài-sắc, thị-hiệu, lo buồn, vất-vả suốt đời, chẳng biết đến cái chết là gì. Như ta đây mỗi khi có việc không được như ý, ta cầm lấy cái này mà ngắm xem, là tức khắc trong tâm ta được yên-ôn mà muôn nghìn sự tư-lự đều lảng-lãng sạch như không. Cái quan-tài con này đủ thay lời huấn, lời giới của bậc nghiêm-sư, bài trâm, bài minh treo bên chỗ ngồi vậy ».

Mai-hiên bút-ký

CHÚ-THÍCH.— Tô-châu: huyện Ngô thuộc về tỉnh Giang-tô bấy giờ.— Bạch-đàn: thứ gỗ rắn và thơm, dùng làm đồ-đạc, dùng làm hương thắp.— Phú quí: giàu có sang trọng.— Công-danh: sự nghiệp, tiếng tăm.— Tài sắc: tiền của, gái đẹp.— Thị hiệu: say mê ham thích.— Tư-lự: nghĩ ngợi lo phiền.— Huấn: lời dạy đáng làm khuôn phép.— Giới: câu nói để răn bảo ai.— Nghiêm sư: ông thầy nghiêm ngặt đáng kính đáng sợ.— Trâm: thẻ văn dùng để khuyến răn.— Minh: bài văn khắc vào cái gì để tự mình răn mình.

Lời bàn — Người ta sở dĩ ham mê say đắm vào thanh sắc, danh lợi, hay liêu-lĩnh tàn-nhân dám làm những việc gian ác, là thường chỉ biết có cái sống ở trước mặt, chớ không chịu nghĩ tới cái chết nó đến ngay sau lưng. Cái chết vốn như con ma, ai cũng sợ, cũng ghê sợ, nhưng cái chết lại chính là ông thầy, chính là bài thuốc chữa khỏi được bao nhiêu các thói tật xấu-xa ở đời. Người ta mà đã để tâm nghĩ đến cái chết, thì tự khắc mất cả lòng tham, tan cả máu ghen, hóa hết cả mọi sự mê-muội mà thành ra biết thương người đời, thương đời người thì mọi sự hay, dở, phải, trái ở đời không còn gì bận đến tâm, sống rất thư-nhàn sung-sướng và nhẹ-nhàng vậy.

120.— Lệnh thừa không bằng ngay thiếu

Kiểm-Lâu là một bậc cao-sĩ nước Tề về thời Xuân-thu. Tính ông thẳng, bao giờ cũng giữ đạo phải, không chịu khuất-thần để theo đời.

Các nước chư-hầu nhiều nước mời ra làm khanh-tướng nhưng ông không nhận. Vua Uy-vương nhà Chu kính thờ ông như thầy.

Ông nghèo lắm. Lúc mất chỉ có cái chăn, không liệm đủ thân thể.

Thầy Tăng-tử đến viếng, thấy vậy nói:

— Đề lệch cái chăn đi, thì liệm đủ thân-thể.
Bà vợ ông bảo:

— Lệch mà có thừa không bằng ngay mà không đủ. Lúc sinh-thời, tiên-sinh chỉ vì tính thẳng mới được như thế. Bây giờ tiên-sinh mất mà liệm lệch cho tiên-sinh, thì chắc không được hợp ý tiên-sinh.

Tăng-tử nghe, không nói gì được nữa. Sau chỉ hỏi dùng chữ gì đặt tên hèm cho tiên-sinh.

Bà vợ nói: — Tiên-sinh không lấy sự nghèo hèn làm buồn rầu, không lấy sự giàu sang làm ham-mộ, đặt tên hèm cho tiên-sinh là « Khang » có nên chăng?

Tăng-tử nghe, than rằng:

— Chỉ có người chồng như thế mới có được người vợ như thế.

Thông-Chí

CHỮ - THÍCH. — Kiêm-Lâu: người nước Tề một bậc hiền sĩ có tiếng giỏi đời cổ. — Cao-sĩ: bậc người chí khí cao cả thường không chịu vương vong danh lợi. — Khuất thân: luôn lụy cam tự đề cho thân mình đê-hạ. — Theo đời: chiều đời, nịnh đời để kiếm danh lợi. — Khanh tương: khanh: chức quan to đời cổ thượng thư; tương: chức quan đầu bách quan giúp vua hành chính. — Sinh thời: lúc còn sống. —

Tên hèm: tên đặt cho người sắp chết, thường theo tính nết mà đặt, một đôi khi người chết tự đặt lấy tên hèm của mình. —
Khang: yên vui.

Lời bàn. — Người mà lúc sống, đã có các đức tính như Kiêm-Lâu, thì lúc chết chắc họ-hàng thiên-hạ chẳng những có phần thương xót mà lại có phần kính mến hơn nhiều. Mà khi đã kính mến người đã khuất thì tất phải noi theo cái chí của người lúc bình-sinh mà không được làm trái lại. Bà vợ ông Kiêm-Lâu đây liệm cho ông muốn để cái chăn thẳng, tức là theo cái tính « thẳng » của chồng, dùng chữ « Khang » đặt tên hèm tức là theo được cái tính « vô-cầu » chỉ muốn yên vui của chồng lúc sinh thời vậy. Có người chồng như thế, lại có người vợ như thế, thực là xứng đôi, thầy Tăng-tử khen rất phải. Ở đời có nhiều kẻ ngay đối với cha mẹ khi mất, không theo chí người, không nhớ lời người dặn, chỉ đua theo tục thường để che mắt thế gian nên lấy việc này làm gương.

121. — Bắt thay chiếu

Tăng-tử bệnh nặng. Những người châu-chực hầu-hạ, học-trò thì có Nhạc-Chính, Tử-Xuân, ngồi ở cạnh giường, con thì có Tăng-Nguyên, Tăng-Nhân ngồi ở dưới chân, lại có một tên đồng-tử đứng một góc cầm nến.

Tên đồng-tử hỏi: « Cái chiếu đẹp-đẽ và bóng-bẩy này là thứ chiếu quan đại-phu dùng chăng? »

— Tử-Xuân bảo: Im chớ nói.

Tăng-tử nghe tiếng giạt mình, thở dài.

Đứa đồng-tử lại hỏi: — Cái chiếu đẹp-đẽ và bóng-bẩy này là thứ chiếu quan đại-phu dùng chẳng?

Tăng-tử đáp: — Phải. Cái chiếu ta nằm là chiếu của Quý-Tôn làm quan đại-phu nước Lỗ cho ta. Ta chưa kịp thay đấy.

Rồi gọi con sẽ bảo: — Nguyên kia, đừng dấy thay chiếc chiếu cho ta.

Tăng-Nguyên nói: — Bệnh cha nguy, không dám khinh-động, xin đề đến sáng, sẽ thay.

Tăng-tử nói: — Con yêu cha không bằng tên đồng-tử. Người quân-tử yêu ai, yêu một cách phải đường; người thương yêu ai, yêu một cách nôm-tam cầu-thả. Như ta bây giờ còn mong gì nữa. Nếu ta được chết một cách chính-định, khỏi mang tiếng phi-nghĩa, là đủ cho ta rồi ».

Con cái và học trò nghe nói, xúm lại vực Tăng-tử lên đề thay chiếu.

Tăng-tử vừa nằm yên vào chiếc chiếu mới thì mất.

Lê-Ký

CHÚ-THÍCH.— Đồng-tử: đứa trẻ con.— Đại-phu: chức quan đời cổ dưới quan khanh, trên quan sĩ.— Khinh động: làm một cách không thận trọng — Cầu-thả: nôm-tam, xong việc thời thời không chịu nghĩ xa xôi phải trái gì cả.— Phi nghĩa: trái hẳn với những việc nên làm, phải làm.

Lời bàn.— Người ta đến chết là hết. Cho nên trước cái chết, tưởng ai cũng bằng đẳng như ai không còn phân biệt tôn, ti, thượng, hạ gì nữa. Tuy vậy, thầy Tăng-tử dù biết chết đến nơi, cũng còn thao thủ, không muốn vi phạm, không chịu đeo tiếng phi-nghĩa, thế mới hay cổ-nhân lập chí, thường vạch một con đường quang-minh chính-đại để suốt đời noi theo dù đến hơi thở cuối cùng, mà vô-ý lỡ đi sai, cũng nhất quyết không chịu. Cách thay chiếu đây lại còn đáng làm gương cho lắm kẻ đời nay, quên cả phong-hóa, bỏ cả lễ-nghĩa, lúc ma-chay tiếm lạm nhiều cách, chỉ chuộng cái thói đời phù-hoa đua-đã, chớ không còn biết cái tài đức, cái danh-phận của người chết đáng vào bậc nào nữa. Những con cháu tổng-táng ông cha theo sự phù-hoa mà phạm vào điều phi-nghĩa, thì có gọi được là con cháu có hiếu không?

« Quân-tử chỉ ái nhân dã dĩ đức, lễ nhân chỉ ái nhân dã dĩ có tức », câu di-ngôn của thầy Tăng-tử thực là câu danh-ngôn có chí-lý vậy ».

122.— Đám ma to

Trang-tử sắp chết. Học trò bàn nhau định muốn làm ma nhỏ to.

Trang-tử thấy vậy bảo: « Ta lấy trời đất làm quan quách, mặt trời, mặt trăng làm hai viên ngọc bích, các ngôi sao làm các hạt châu báu, muôn vật làm đồ tống-táng, đám ma ta như vậy, há chẳng đủ rồi, cần gì mà phải làm cho to nữa.

Học trò nói: — Nhà thầy làm như vậy, chúng con sợ diên-hầu, quạ nó rĩa thịt nhà thầy mất!

Trang-tử bảo: — Xác người chết mà để trên đất thì điều, qua ăn, để dưới đất thì sâu họ ăn. Bây giờ cướp của loài kia cho loài này, tâm sao mà thiên như thế? Tâm người đã thiên, thì bất-bình đem cái bất-bình mà cho là bình thì cái bình không phải là bình nữa. Tâm người không sáng thì chẳng thật, đem cái chẳng thật mà cho là thật thì cái thật không còn là thật nữa.

Ôi! người ta cứ khăng-khăng giữ một ý-kiến, chẳng cũng đáng thương lắm ru!

Trang-Tử

CHỮ-THÍCH.— Tổng-tổng: tổng: đưa; tổng: chôn.— Thiên: chênh-lệch về một bên nào.— Bất-bình: lệch về một bên không được bằng-phẳng.

Lời bàn.— Thầy sắp chết mà học trò định làm ma to cho thầy, thế là trung hậu mà là thương tình. Thầy gạt đi chỉ muốn như bỏ xác ra ngoài núi, thế là có ý tự-nhiên cao thượng hơn đời. Học trò bảo không nỡ để cho qua mồ, điều tha thớt thầy thế là chỉ biết những điều trước mắt có thể trông thấy mà thôi. Có biết đâu cái xác kia, khi vùi xuống đất, dù cho đào sâu, chôn chặt thế nào, trong quan ngoài quách dù cho chắc-chắn đến đâu cũng không khỏi được các giống sâu bọ, vì trùng đục rũa làm cho tan nát quá ư là mồ quá, mồ điều vậy. Ôi! Trang-tử lúc gần chết còn dạy học-trò như thế, thật là bình tâm sáng suốt hiểu thấu cái lẽ sinh, tử, tồn, vong tức như bây giờ ta nói hiểu rõ chân-lý, hiểu như khoa-học rất hợp với cái học-thuyết cao viễn của Trang-tử vậy.

123.— Sống, chết

Thầy Tử-Cống hỏi đức Khổng-Tử:

— Người chết còn có biết gì không hay không biết gì nữa?

Đức Khổng-Tử nói:

— Ta mà nói hẳn rằng: « Người chết có biết » thì ta sợ những con hiếu, cháu thuận liêu thân để chết theo cha mẹ, ông bà. Ta mà nói hẳn rằng: « Người chết không biết gì », thì ta lại e những con cháu bất hiếu bỏ xác cha mẹ, ông bà mà không chôn. Nhà người muốn biết người chết có biết hay không biết, thông-thả, đợi đến lúc chết khắc biết. Sự biết ấy tưởng cũng không muốn gì cho lắm.

Gia-Ngữ

CHỮ THÍCH.— Hiếu: ăn ở hết lòng, hết sức với cha mẹ.— Thuận: không ngang ngược để mất hòa khí.— Khắc biết: tự nhiên rồi chính mình biết, mình hay.— Muốn: chậm trễ ít lâu.

Lời bàn.— Ai là người sống, đã có chút tư-tưởng mà lại không muốn biết cái chết và tự hỏi chết rồi đi đâu, có còn gì nữa không. Thầy Tử-Cống đây vốn là người học giỏi, chắc không sao bỏ qua được sự huyền-diệu, cao sâu ấy, nên mới đem ra hỏi thầy. Nhưng đức Khổng-Tử lại không đáp ra làm sao, là vì học-thuật của ngài chỉ cốt ở sự thực, mắt trông tai nghe, hàng ngày thường làm chớ không bao giờ dạy đến những sự quá cao. Cho nên có lúc hỏi mà ngài gạt đi: « Cái sống còn chưa biết, sao biết được cái chết ». Còn như câu trả lời

trong bài đây cũng là gặt đi, nhưng câu nói thật là đơn-sơ, phẳng-phiu mà có ý-nghị hay vô cùng. Hay ở chỗ thực học mà học theo thực chứng.

124.— Muôn vật một thể

Trời là cha, đất là mẹ, chúng ta được cái khí trời đất mới thành ra người. Ta nghĩ thân ta thật là nhỏ mọn mà được ở trong vòng trời đất to lớn bao la. Cái khí của trời đất tức là hình ảnh của ta, cái lý của trời đất tức là tính của ta.

Người ta với muôn vật cùng sinh ra ở trong trời đất, thể thì cái gì có hình đều là khí của trời đất, cái gì có tính đều là lý của trời đất. Vậy người với người là đồng loại, thời ta coi nhau như anh em ruột cả. Trong vạn vật, giống hữu-tri, giống vô-tri so với người tuy khác, song cũng tự trời đất sinh ra, thì ta cũng coi như một bọn với ta cả.

Phàm người trong trời đất đã là con trời đất hết, thì vua, ta coi như người anh cả; đại-thần, ta coi như người giúp anh cả; cụ già ta kính, là cốt qui bực tôn trưởng ta; trẻ bé ta thương, là cốt yêu đàn con trẻ ta; bực thánh là anh em ta mà giống cha mẹ ta, bực hiền là anh em ta mà giỏi hơn ta, còn những người ốm đau, tàn-tật, có-độc. hóa-bại đều là anh em ta mà vất-vả khổ sở, không biết nương tựa vào đâu vậy.

Trương-Hoành-Cử

CHÚ - THÍCH.— Khí: vật hơi vô hình, đời cồ cho muôn loài bởi đây mà sinh hóa ra.— Lý: cái lẽ cường kiện (mạnh mẽ) của trời nhu thuận (mềm mỏng êm ái) của đất.— Đồng loại: cùng một loài.— Giống hữu tri: giống có biết, có cảm giác như chim muông...— Giống vô tri: giống không biết, không có cảm giác như cây cỏ, đất, đá.— Đại thần: quan to, đây nói ông tướng giúp vua trị dân.— Cô độc: cô: mồ côi, không cha mẹ; độc: một mình không con cái.

Trương-Hoành-Cử: tức là Trương-Tái, người đời nhà Tống, trước có làm quan, sau về dạy học, ông là một nhà học giả giỏi có tiếng đời bấy giờ, có làm sách Chính-mông và Đông-minh, Tây-minh. Bài này trích ở trang Tây-minh.

Lời bàn.— Ta xem bài này, hãy gác cái thuyết trời đất và khí lý ra ngoài, vì chưa thể nói rõ cái thuyết ấy cho đúng với khoa-học tiến bộ này. Ta chỉ nên nhận tác-giả nhân cái khởi-diểm khí, hình lý, tính ấy mà cho muôn vật ở đời cùng chung một gốc-tích, cùng bầm thụ của một cha mẹ là trời đất. Câu nói ấy thực là rõ cái nghĩa « vạn vật nhất thể » có cái lòng bác-ái vậy. Riêng trong nhân-loại, tuy có chia ra tôn, ti, lão, ấu chỉ thành, chỉ ngu, nhưng cũng là một loài người cả, thì nên coi cả trong nước như một người, cả thiên-hạ như một nhà, kính nhường, yêu, thương nhau, giúp đỡ, đùm bọc nhau. Còn các giống động-vật khác cùng thực-vật, khoáng-vật, hết thấy giống hữu-tri vô-tri đều là cùng ta ở trong trời đất cả. Ước ao cái học thuyết này một ngày một lan rộng ra, thì phúc cho loài người và thỏa cho cái hy-vọng cồ-nhân lắm.

125.— Tự tỉnh

Người ta, tới đến, trước khi đi ngủ thử kiểm
xét xem trong một ngày :

Ăn ở với cha mẹ đã hết lòng chưa ?

Đối đãi với kẻ dưới đã hay *thề tất* chưa ?

Xử với anh em đã hay *thỏa-thuận* chưa ?

Đối với vợ con đã hay yêu qui chưa ?

Chơi với bạn bè đã hay tránh kẻ dỏ, gần người
hiền chưa ?

Nói ra câu gì, đã hay không thẹn với *lương*
tâm chưa ?

Làm công việc gì, đã hay không trái với *công-*
lý chưa ?

Đãi người ngoài đã hay không *thất-lễ* chưa ?

Hết thấy việc gì, việc gì cũng nghĩ để xử cho
chu-đáo, *ngõ-hầu* mới xứng đáng làm người mà
không xấu hổ.

Từ-Mi-Vân

CHÚ-THÍCH.— Tự tỉnh : tự mình xét mình. — Thề
tất : đem mình vào *địa-vị* người mà sẵn lòng thương
người. — Thỏa-thuận : êm thấm hòa vui. — Lương tâm : lòng
lành trời phú sẵn cho người ta. — Công-lý : lẽ phải ai cũng
phải theo. — Thất lễ : vô phép, bất-lịch-sự. — Chu-đáo : đâu
ra đấy, đến nơi đến chốn. — Ngõ hầu : may ra được...

Lời bàn.— Bài *Tự-tỉnh* của Mi-Vân đây cũng
tương-tự như bài *Kiểm-soát lương-tâm* của Franklin.

Trong bài nói thiệp-liệp đủ cả trong nhà thì cha
mẹ, vợ con, anh em tôi-tớ, ngoài thì bạn bè, thiên-
hạ kịp đến cả câu nói, việc làm. Nghĩa là đủ cả
mọi hạng người mình giao tiếp hằng ngày, mình
có bồn-phận phải giữ cho trọn-vẹn cùng những việc
suy-nghĩ, nói-năng, hành-động nữa. Nếu trước khi
đi ngủ, ai ai cũng chịu kiểm-soát lại *lương-tâm*
mình như thế cả, để sửa đổi lại tinh mình cho hay
hơn lên, thì lo chi đời hiếm người tốt mà xã-hội
mỗi ngày không một bước gần đến nhân-đạo,
nhân-loại mỗi ngày không tiến mãi đến hạnh-phúc
được.

126.— Ngu-công dọn núi

Phía nam Châu-Ký, có hai quả núi Thái-hàng
và Vương ốc to bảy trăm dặm, cao muôn thước,
cây cối rậm, ác thú nhiều, đi lại khó.

Ở chân núi có một cái nhà của ông lão tên là
Ngu-công tuổi đã chín mươi.

Ngu-Công thấy vì núi mà nhà ở chường-ngại,
đường đi bất tiện, lấy làm bức tức. Một hôm, cu
hộp cả vợ con, người nhà lại bàn rằng :

— Ta muốn cùng lũ người hết sức bạt phẳng
hai quả núi này thì có nên không ?

Ai nấy đều thuận. Chỉ có người vợ ngần-ngại,
hỏi vặn rằng :

— Sức ông không bạt nổi một cái gò, thì làm
thế nào bạt được những hai quả núi ? Mà dù cho
có sức bạt được nữa, thì đất, đá định đem đồ
đi đâu ?

Ngu-công nói: — Khuân đồ ra bề Đông.

Đoạn Ngu-công đem con cháu cùng cả họ ra phá núi, kẻ đục đá, người đào đất, kẻ đầu đội, người vai mang, hết ngày ấy sang tháng khác. Láng-giềng có đứa bé mới tám tuổi, con người đàn-bà hóa cũng xin đi làm giúp, hàng năm mới về một lần.

Gần miền có một ông lão khác, tên là Trí-tầu thấy vậy, cười Ngu-công và can rằng:

— Sao khờ dại vậy! Minh thì tuổi tác, núi thì cao lớn, phá thế nào nổi!

Ngu-công thở dài nói:

— Người không bền lòng. Bền lòng thì việc gì cũng phải được. Người không bằng người đàn-bà hóa, đứa trẻ con thơ. Ta già, ta chết đã có con ta. Hết đời con ta, đã có cháu ta, hết đời cháu ta đã có chắt ta, con con cháu cháu sinh-hạ vô cùng mà núi thì bao giờ cũng vậy, lo gì không bạt nổi.

Trí-tầu nghe nói, nín lặng, không trả lời.

Sau này vùng Nam-châu-Kỳ không có núi non chướng-ngại, đi lại thuận-tiện là nhờ có Ngu-công.

Liệt-tử

CHỮ-THÍCH.— Dọn núi: san phẳng cho không còn núi nữa.— Kỳ: một châu của chín châu đời cổ, tức là vùng Trục-lệ, Sơn-tây cùng phía bắc sông Hoàng-Hà, tỉnh Hà-nam, phía tây sông Liêu-hà, tỉnh Phụng-thiên.— Dặm: đời cổ cho một quãng dài trông con trâu bằng con dê là một dặm.— Ác-thú: các thú dữ như hùm, beo, gấu, lợn lòi.— Ngu-công: ông lão ngu.— Chướng ngại: ngăn trở vướng víu không được thuận tiện.— Trí tầu: ông già khôn ngoan.— Sinh hạ: đẻ ra, sinh-sản ra.

Lời bàn.— Ta không tưởng-tượng rõ núi Thái-hàng và núi Vương-ốc to lớn thế nào. Ta chỉ biết ở cái đời Ngu-công bấy giờ chưa có máy-móc tinh xảo như bây giờ, mà đã bạt được núi, thì giỏi thật. Lại không kể phải thuê từng hàng nghìn vạn người để làm, chỉ người trong một nhà, một họ và ít người lân-cận giúp tay vào mà cũng làm nổi. Ôi! nếu quả như vậy, thì cái gương kiên-nhẫn của Ngu-công thực đáng để truyền lại mãi cho muôn nghìn đời về sau này. Vả chẳng chỉ một câu Ngu-công nói với Trí-tầu, cũng nên ghi nhớ lắm. Sự kiên-tâm không phải chỉ hạn chế trong một đời, nhưng cứ tiếp luôn đời ấy, đời khác, theo đuổi mãi thì ở đời còn có gì gọi là khó được nữa. Ngu-công đây thật là người đại trí nhược nhu (người cực khôn, bề ngoài coi như ngu). Ngôn hành ông y như những câu sau đây cũng đều có ý khuyên chúng ta lập chí và kiên-tâm để làm việc:

1.— Trên đời chẳng có việc gì khó, chỉ tại tâm người ta không kiên-nhẫn mà thôi.

2.— Bí quyết thành công cốt ở nhất định không thay đổi mục-dịch.

3.— Đã có cái kiến-thức can-đảm phi thường, nhất quyết làm được sự nghiệp phi thường.

4.— Đem sự hiểu biết tinh-tường, dùng hết tâm trí bền bỉ, vận cả toàn lực tinh tiến vô cùng, thì có việc gì mà không làm được. Người ta sống một cách này lần mai nữa, suốt đời không được việc gì, chỉ tại không có chí.

5.— Ý chí kiên-nhẫn có thể chinh-phục được hết thấy các thứ tự nhiên trong vòng trời.

— HẾT —

MỤC - LỤC

Số bài	Số trang
1. Chính danh	3
2. Nên xử thế nào?	4
3. Chiếc thuyền đung chiếc đồ	6
4. Rắn đời chỗ ở	7
5. Nhường thiên-hạ	8
6. Rửa tai	10
7. Chết đói đầu núi	11
8. Đời người	14
9. Ba điều khó học	15
10. Ba điều vui	16
11. Thương mẹ già yếu	17
12. Áo đơn mùa rét	19
13. Dưng thư cứu cha	20
14. Nuôi mẹ bằng điều phải	22
15. Say bần chết trâu	23
16. Tên tù nước Sở	25
17. Bệnh quên	27
18. Bệnh mê	30
19. Vợ lẽ phải đòn	32
20. Tiết phụ	34
21. Khoét mắt	36
22. Vợ xấu	38
23. Ghen cũng phải yêu	39
24. Lời con can cha	41
25. Một cách để lại cho con cháu	43
26. Một cách lo xa cho con cháu	45
27. Thầy trò dạy nhau	47
28. Lưỡi vẫn còn	49
29. Không chịu nhục	50
30. Câu nói của người đánh cá	52
31. Vua tôi bàn việc	54
32. Khó được yết kiến	56
33. Không phục nước Tần	57
34. Cậy người không bằng chắc ở mình	58
35. Phàm trật ông quan, phàm giá con người	60

Số bài	Số trang
36. Bài trâm của người làm quan	61
37. Cười người ta khóc	63
38. Hiếu-tử, trung-thần	65
39. Đọc sách cồ	67
40. Mất dê	69
41. Thực học	70
42. Đây mới thật là thầy	72
43. Bỏ quên con sinh	74
44. Chọn người rồi sau hãy gây-dựng	75
45. Cơ tâm	77
46. Không đợi trông cũng biết	79
47. Khinh người	80
48. Hai cô vợ lẽ người nhà trọ	82
49. Ba điều phải nghĩ	83
50. Lo, vui	84
51. Thấy lợi, nghĩ đến hại	85
52. Thủy chung với vợ	87
53. Ma nói chuyện	89
54. Đáng sợ gì hơn cả	90
55. Chỉ biết có mình	92
56. Thở dài	94
57. Thẳng diên	95
58. Người xuất tục	97
59. Vợ thầy kiện	98
60. Ác ngầm	100
61. Bảy cô vợ lẽ	101
62. Gõ nhịp mà hát	103
63. Liêm, sĩ	105
64. Tiễn người đi làm quan	107
65. Viếng người đi làm quan	110
66. Đức uống rượu	111
67. Làng say	113

Số bài

Số trang

68. Treo kiếm trên mộ	115
69. Chết vì lễ nghĩa hay vì tình	117
70. Vì nghĩa nên tình	119
71. Nghĩa công nặng hơn tình riêng	121
72. Mẹ khôn con giỏi	124
73. Tu tại gia	126
74. Người vợ hiền minh	127
75. Trọng nghĩa khinh tài	129
76. Mua xương ngựa	131
77. Lời nói kẻ bắt rắn	133
78. Hòa vi quý	136
79. Cách trị dân	138
80. Can gì mà phá đi	140
81. Hay dở đều do ở mình cả	143
82. Ngụy biện	145
83. Không chịu theo kẻ phản nghịch	146
84. Cách cư xử ở đời	147
85. Tự xét lại mình	150
86. Không nên câu nệ	151
87. Tri kỷ	152
88. Trồng khó, nhổ dễ	154
89. Người kiếm củi được con hươu	155
90. Hỏi thăm dân	158
91. Dân quí nhất	160
92. Nhuộm tơ	162
93. Kéo lê đuôi mà đi	163
94. Phải biết phòng xa	164
95. Một câu đoán đúng	166
96. Cùng đạt bởi số	176

Số bài

Số trang

97. Thư viết răn con	171
98. Thư viết khuyên bạn	172
99. Thư viết cho bạn	174
100. Tham thì chết	175
101. Vì tham bị hại	176
102. Phân tách không rõ	177
103. Không yêu nhau, mới loạn	179
104. Cũng là ăn trộm	182
105. Lo trời đổ	185
106. Dùng rượu say để khiến chồng	187
107. Tươi đưa cho người	189
108. Tính người ai cũng thiện	192
109. Kinh giữ cái « Tâm »	194
110. Cách diệt lòng người	194
111. Cách làm cho khỏi tức giận	196
112. Tiễn một lời nói	198
113. Quý lời nói phải	199
114. Tư-tưởng Lão-tử	202
115. Làm nhà cỏ cũng đủ	203
116. Thế nào là đại-trượng-phu	205
117. Thiên-hạ sĩ	207
118. Dự-Nhượng báo thù	208
119. Quan-tài con	212
120. Lệnh thừa không bằng ngay thiếu	213
121. Bắt thay chiếu	215
122. Đám ma to	217
123. Sống, chết	219
124. Muôn vật một thể	220
125. Tự tỉnh	222
126. Ngu-công dọn núi	223
Mục-lục	226

TÁC - PHẨM

của

Ó. NGUYỄN VĂN NGỌC

Đông-tây ngữ ngôn I, II	(1927)
Nam thi hợp tuyển	(1927)
Tục ngữ phong dao I, II	(1928)
Đề mua vui I	(1929)
Câu đối	(1931)
Đào nương ca	(1932)
Truyện cổ Nước Nam I, II	(1932-34)
Cổ học tinh hoa I, II	(1933)
Nhi đồng lạc viên	(1936)



Ó. TRẦN LÊ NHÂN

Hán học danh ngôn



CÙNG NHÀ XUẤT - BẢN

Phép nuôi con	của	Bác sĩ Nguyễn Hải
		— Trần hữu Nghiệp
		— Nguyễn văn Thịnh
Sản dục chỉ nam	của	Bác sĩ Nguyễn văn Luyện
Việt dược thần y	của	Trần đắc Thương
Chính trị cổ nhân	—	Nguyễn tử Quang

Tác phẩm của Lan-Khai

Ai lên phố Cát	Đỉnh non thần
Chiếc ngai vàng	Tình ngoài muôn dặm
Cái hột mận	Cô Dung
Gái thời loạn	Lầm than
Liếp li	Truyện đường rừng
Chế Bồng Nga	Bức thư của người
Người hay bóng	không quen
Trang	Mực mài nước mắt
Tiếng gọi rừng thẳm	Suối đàn
Bóng cò trắng trong sương mù	Rõn sông Bạch Đằng
Hồng châu	Tội nhân hay nạn nhân
Cưỡi đầu voi dữ	Tội và thương
Tiếng khóc trong sương	Nàng
Cánh buồm thoát tục	Lê văn Trương (phê bình)
Theo lớp mây đưa	Vũ trọng Phụng (phê bình)

陳黎仁
阮文玉

古
學
精
華

thuongmaitruongxua.vn

Nhà Sách KHAI-TRÍ

52, Hai Bà Trưng, Hà Nội